



Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam
THERAVÁDA

Tạp Chí PHẬT GIÁO *Nguyên Thủy*

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
Tạp chí PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY

Phát hành vào đầu mỗi tháng

TỔNG BIÊN TẬP

Hòa thượng Thích Thiện Tâm

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

Thượng tọa Thích Bửu Chánh
Đại đức Thích Thiện Minh

TRÌNH BÀY

TN. Quang Minh
Khánh Dương

PHÁT HÀNH

Liên hệ: Lê Hiền Anh Tân
ĐT: 0909027777

QUẢNG CÁO

Liên hệ: Nguyễn Thị Thùy Linh
ĐT: 0933773366

TÒA SOẠN

Chùa Bửu Quang
171/10 Quốc Lộ 1A, P. Bình Chiểu,
Q. Thủ Đức, TP. HCM
ĐT: (+848) 37290248 - 0903870370

Email: tapchiphatgiaonguyenthuy@gmail.com

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ

số 760/GP-BTTTT
ngày 28/05/2010 của Bộ TTTT

CHẾ BẢN VÀ IN TẠI

Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng
100 Lê Đại Hành, P.7, Q.11, TP. HCM

ảnh bìa 1: Mẹ thương con - ảnh: sưu tầm



Trong số này

1. TIÊU ĐIỂM

- Vu lan mùa hiếu hạnh - Vũ Hoàng Long **03**
- Hoài niệm về chùa Thiên Thai - HT Thích Thiện Hào **05**
- Hướng về hội thảo kỷ niệm 30 năm - Khắc Chiếu **06**
- PGVN đồng hành cùng dân tộc - Bùi Hữu Dực **08**
- Thành kính tưởng niệm - PV **11**

2. KINH TẠNG

- Kinh Ví dụ tắm vải - HT. Thích Minh Châu **14**

3. LUẬT TẠNG

- Giới luật của người xuất gia - Nguyệt Thiên **15**
- Nội quy Ban tăng sự TW **17**

4. THIỀN HỌC

- Thiền sư Achaan Maha Boowa - Thiện Minh **19**

5. LUẬN TẠNG

- Sắc pháp - Tk Giác Tuệ **22**

6. VĂN HÓA

- Thế giới quan Phật giáo - HT. Thiện Tâm **24**
- Lá cờ Phật giáo - Như Liên **26**
- Sống trong thực tại - Viên Minh **27**
- Đức Phật với 45 năm mùa An cư kiết hạ - Tk Định Phúc **31**
- Phật giáo hiện nay tại Thái Lan - HT Thiện Tâm **34**
- Đời sống tu tập của người cư sĩ - Thích Thiện Bảo **35**

7. ĐỐI THOẠI

- HT Thiện Tâm cần sáng tỏ hiệu quả XGGD - Minh Thạnh **37**

8. SUY NGẪM

- Hạnh phúc là gì? - Phạm Chí Quốc **41**



9. TRI ÂN

- Bà mẹ - Nhuận Hiền **42**

10. VĂN THƠ

- Vu lan tháng 7 - Sơn Phượng **44**
- Hạnh tu như rửa - Minh Liên **45**
- Nụ cười của mẹ - Liễu Như **46**
- Nhớ mẹ - Phạm Ngọc Bình **46**
- Cài hoa hồng - Bé Xuân Mai **47**
- Cảm tạ ơn sâu - Kim Tiên **47**
- Ôn sanh thành - Hoa Huệ **48**
- Nhớ mẹ - Út Hà **48**

11. VĂN HỌC PALI

- Chín phái đoàn truyền giáo - Bhikkhu Suvijjo **49**

12. ẨM THỰC DƯỢC THẢO

- Thói quen hại não - Huỳnh Huệ **51**

13. THEO DÒNG

- 52**



VU LAN

Mùa Hiếu Hạnh

Vũ Hoàng Long

Vu lan về, chúng ta ôn lại hình bóng đẹp tuyệt vời của hai đấng sanh thành, dưỡng dục. Niềm vui của những ai còn cha mẹ và nỗi buồn cho những ai mất cha mẹ. Bản chất của Vu lan là hiếu hạnh. Việc làm của Vu lan là tôn thờ, phụng dưỡng mẹ cha. Công đức vô lượng vô biên cho những ai có tâm hiếu. Do đó, mùa Vu lan là để tất cả chúng ta báo hiếu. Ai còn mẹ cha hãy tặng quà đến cha mẹ và xin người đừng làm cho cha mẹ buồn tủi khóc thầm đêm. Nếu cha mẹ quá vắng, hãy làm phước, bố thí, công phu sám sám cho song đường an vui lạc cảnh. Để ôn lại trọn vẹn về tình cha nghĩa mẹ, trong bài viết này, chúng tôi điểm qua một số lễ kính về cha mẹ:

I. CA DAO

Ca dao phản ánh kinh nghiệm, tâm tư, tình cảm của người dân trong cuộc sống. Rất nhiều câu ca dao ca ngợi tình cha nghĩa mẹ.

1. Lên chùa thấy Phật muốn tu, về nhà thấy mẹ công phu chưa đến.
2. Công cha như núi Thái sơn, nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra, một lòng thờ mẹ kính cha, cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.
3. Lên non mới biết non cao, nuôi con mới biết công lao mầu từ.
4. Ôn cha nặng lắm ai ơi, nghĩa mẹ bằng trời chín tháng cưu mang
5. Nuôi con mới biết sự tình, thăm thương Cha Mẹ nuôi mình khi xưa
6. Đi đâu mà bỏ mẹ già, gối nghiêng ai sửa, chén trà ai dâng?
7. Mẹ nuôi con biển hồ lai láng, con nuôi cha mẹ tính tháng tính ngày
8. Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa, miệng nhai cơm búng lưỡi lừa cá xương.

II. CHÍN CHỮ CÙ LAO

Có tìm hiểu chín chữ Cù lao, chúng ta mới thấy công cha mẹ đối với chúng ta như biển hồ lai láng. Như câu: Công cha như núi ngất trời, nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển đông, núi cao biển rộng mênh mông, cù lao chín chữ ghi lòng ai ơi. Chín chữ Cù lao đó là gì? Sinh, Cúc, Phủ, Súc, Trưởng, Dục, Cổ, Phục, Phúc.

1. Sinh: Nghĩa sinh đẻ. Cổ nhiên, ai có mặt trên cuộc đời này cũng đều do cha mẹ sinh ra. Sinh con an toàn, khỏe mạnh là công lao lớn của mẹ và cha, nhất là người mẹ phải kiên cường để bào thai tốt, đi đứng phải nghiêm trang.

2. Cúc: Nghĩa nâng đỡ. Từ một hình hài nhỏ, cha mẹ nâng đỡ, nuôi nấng để cho con khôn lớn, thậm chí cha mẹ làm bất cứ việc gì cũng vì con và nuôi con. Đúng với câu: Nuôi con chẳng quản chí thân, bên ướt mẹ nằm, bên ráo con lăn.

3. Phủ: Nghĩa ôm ấp, trù mẫn. Đứa con trưởng thành và khôn lớn, chính là nhờ bầu sữa mẹ, thức ăn, tuy nhiên sự trù mẫn, ôm ấp, vuốt ve của cha mẹ là yếu tố cực kỳ quan trọng đối với trẻ thơ. Thống kê cho thấy, những trẻ con thiếu yếu tố ôm ấp, trù mẫn của cha mẹ, trẻ con dễ bị trầm cảm, thụ động.

4. Súc: Nghĩa bú mớm, cho ăn. Thường chúng ta nghe câu: Nhớ ơn chín chữ cù lao, ba năm nhũ bộ biết bao nhiêu tình. Nhưng tiếc thay, cử chỉ cho bú mớm của người mẹ đối với con dần dần trong thời hiện đại bị mai một, vì bảo vệ sắc đẹp, vì sức khỏe của người mẹ. Những nhà y học cho rằng sữa mẹ là nguồn thức ăn đầy đủ dưỡng chất, đề kháng hữu

hiệu vi khuẩn xâm nhập cơ thể, giúp sự tiêu hóa và sự phát triển của trẻ thơ dễ dàng.

5. Trưởng: Nghĩa nuôi lớn. Đây là giai đoạn vất vả, gian nan, cha mẹ nuôi con khôn lớn thành người, học thành tài, có công ăn việc làm. Đúng với câu: " Mẹ già trăm tuổi tóc sương, lo con tám chục năm trưởng chưa yên.

6. Dục: Nghĩa dạy dỗ. Cha mẹ là vị tiên sư ban đầu. Dạy con, đi đứng nằm ngồi, biết ăn, biết nói, lễ phép v.v... như câu: Dạy con từ thuở còn thơ, mong con lành lợi mẹ cha yên lòng.

7. Cố: Nghĩa trông nom, đoái hoài. Cha mẹ lúc nào cũng quan tâm, lo lắng cho con từng cử chỉ, dường như toàn bộ đời sống sinh hoạt của con cha mẹ đều chăm nom, theo dõi, vì con là kết quả tình yêu của cha mẹ.

8. Phục: Nghĩa ôm ấp trở đi trở lại. Tùy khả năng của con, cha mẹ hướng dẫn con đi đúng vào nghề nghiệp phù hợp, mong muốn con an vui, hạnh phúc. Trong thực tế, có những người con bôn ba danh lợi, chạy theo tiếng gọi tình yêu vô tình để mẹ già đợi trông, đúng với câu: Công cha nghĩa mẹ cao vời, nhọc nhằn chẳng quản suốt đời vì ta.

9. Phúc: Nghĩa bao bọc, che chở. Cha mẹ là chỗ dựa tinh thần, lẫn vật chất cho con. Còn cha gót đỏ như son, một mai cha mất gót con đen xì

III. CHỮ HIẾU TRONG KINH PHẬT

1. Kinh Tương Ứng: Này các Tỳ kheu, sữa mẹ mà các thầy đã uống trong suốt quá trình luân hồi nhiều hơn nước trong bốn biển.

2. Kinh Hạnh phúc (Mangala sutta): Phụng dưỡng mẹ cha là điềm lành tối thắng.

3. Kinh Trung Bộ: Này Dhananjani, người con hiếu thảo không nên vì cha mẹ mà làm các điều phi pháp, bất chánh. Vì người làm như vậy sẽ bị quỷ sứ kéo vào địa ngục. Trước sự phán xét của nhân quả, người ấy không thể vịn lý vì muốn cho cha mẹ sung sướng, vui lòng, để bào chữa cho mình là vô tội. Hành động như vậy sẽ bị thác đọa địa ngục dù nó có khóc than hay cha mẹ nó van xin kể lể.

4. Kinh Tăng Chi: Này Mahanama, người con hiếu với những tài sản mà mình đã nỗ lực thu hoạch được, do sức mạnh của đôi tay, bằng những giọt mồ hôi đổ ra một cách hợp pháp, cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường cha mẹ với thiện ý thì sẽ được cha mẹ hoan hỷ, thương tưởng và hằng cầu mong cho con được sống lâu, mạnh khỏe. Này Mahanama, người con hiếu được cha mẹ hoan hỷ, thương tưởng và cầu mong như vậy thì gia đình ấy chắc chắn sẽ thịnh vượng, không bao giờ suy giảm.

IV. GƯƠNG HIẾU HẠNH

1. Phật Thích Ca trả ơn cha mẹ bằng chánh pháp. Nghĩa là lúc vua cha sắp băng hà, ngài và hàng đệ tử về tận hoàng cung thuyết pháp giảng đạo đến lúc vua cha chứng đắc đạo quả. Khi vua cha băng hà, tận tay ngài liệm và đưa hình hài vua cha về nơi an nghỉ cuối cùng. Đối với Phật mẫu, ngài nhập hạ thứ bảy tại cung Đạo Lợi thiên để giảng tụng Abhidhamma và an trú phật mẫu trong thánh quả Tu đà hườn.

2. Trưởng lão tướng quân chánh pháp Sariputta, gần viên tịch trở về quê hương và tịch diệt trong căn nhà nơi chôn nhau cắt rốn của mình. Nhờ cơ hội ấy, trưởng lão mới có dịp tiếp độ mẫu thân an trú chánh pháp, cải tà quy chánh.

3. Ở trên thế giới và Việt Nam có rất nhiều gương hiếu của những người nổi tiếng, họ là nhà chánh trị, nhà thơ, nhà văn, nhà nghiên cứu v.v... dường như những người nổi tiếng, có chức quyền đều có lòng hiếu kính với cha mẹ ở mỗi hoàn cảnh khác nhau.

Nhà thơ Vũ Hoàng Chương có hai câu thơ đi vào lòng người muôn thuở: "Ngôn ngữ trần gian là túi rách, Đứng sao đây hai tiếng mẹ Ơi". Tình cha, nghĩa mẹ đẹp như ánh trăng rằm mùa thu, mát như gió hương đồng nội, trong sáng như ngọc pha lê. Do đó, tình cha mẹ phải thể hiện bằng hành động cụ thể, vì lời nói không đẹp bằng hành động. Mong rằng mùa Vu Lan năm nay quý vị làm điều gì đó cho cha mẹ vui, nếu cha mẹ qua đời làm phước, công phu để cầu siêu độ cho cha mẹ an vui lạc quốc. ●

Hoài Niệm

VỀ CHÙA THIÊN THAI^(*)

HT. Thích Thiện Hòa

Tôi qui y từ năm mười hai tuổi. Đến năm tôi mười tám tuổi, phong trào chấn hưng Phật giáo trong Nam do sư cụ Lê Khánh Hòa và sư Thiện Chiếu khởi xướng phát triển mạnh với mong muốn Phật tử phải "Thôi rút mình vào kinh kệ mà dang tay làm việc xã hội cho hợp với tôn chỉ cứu khổ cứu nạn của Phật". Mục tiêu đó thôi thúc, lại được sư huynh Pháp Dũng hướng dẫn, tôi đến xin thọ với hoà thượng Thích Huệ Đăng đang trụ trì ngôi chùa Thiên Thai ở Long Điền (Bà Rịa).

Hòa thượng Thích Huệ Đăng tên tự là Lê Quang Hòa, sinh năm 1873 tại xã An Đông, huyện Bình Khê tỉnh Bình Định. Xuất thân là một nho sĩ yêu nước, năm 1890, cụ tham gia phong trào Văn thân ở miền Trung. Năm 1895, cuộc khởi nghĩa Phan Đình Phùng thất bại, phong trào khởi nghĩa ở Bình Định bị thực dân Pháp khủng bố, nhiều nghĩa sĩ bị bắt giết, tù đầy. Cùng một số đồng chí, cụ bôn tẩu vào Nam, canh cánh bên lòng nỗi niềm cứu quốc.

Tổ Huệ Đăng tuy xuất gia, lòng vẫn ôm hoài bão làm sao cho dân thoát cảnh cá chậu chim lồng. Khi giảng đạo pháp của Phật, Người luôn gắn với dân tộc, kể cho chúng tôi nghe về lịch sử đấu tranh bất khuất của dân tộc và những tấm gương anh hùng của các bậc sĩ phu, truyền cho chúng tôi lòng yêu nước nồng nàn. Hoà thượng vẫn thường nói: Nước mất nhà tan, nước không độc lập thì dân không hạnh phúc. Làm cho nước độc lập, hạnh phúc chính là hợp với thuyết cứu khổ cứu nạn của Phật.

Năm tôi độ 20 tuổi, một buổi chiều tại chùa Thiên Thai có một vị khách phương xa đến xin gặp Hoà thượng Thích Huệ Đăng. Khách mặc áo dài thâm, khăn đóng, quần trắng, chân đi guốc, tay xách dù, vai quàng tay nải. Tôi đoán là một nho gia tuổi độ lục tuần.

Hòa thượng trụ trì ân cần tiếp vị khách. Luật chùa nghiêm, tôi không dám hỏi lai lịch người đến viếng chùa. Khách ở lại chùa đàm đạo cùng thầy Huệ Đăng, ở qua đêm rồi từ biệt ra đi.

Một đêm sau giờ trù kinh niệm Phật, thầy gọi chúng tôi đến. Thầy cho biết vị khách đó là cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc người quen biết trước. Thầy nói thêm: Cụ Phó bảng có một người con trai tên là Nguyễn Tất Thành, một thanh niên yêu nước, có

chí lớn. Tuy cũng là một nhà nho, nhưng Nguyễn Tất Thành không bị ràng buộc bởi phong hóa lễ nghĩa phong kiến. Hiện nay Người đã đi ra nước ngoài với tên gọi Nguyễn Ái Quốc mưu tìm đường cứu dân tộc. Sư phụ tôi có vẻ trầm tư như suy nghĩ về dĩ vãng, rồi xúc động nói: "Con đường Nguyễn Ái Quốc đi là đúng!".

Lúc đó tôi còn trẻ, không biết Nguyễn Ái Quốc là ai. Qua lời kể trân trọng của sư phụ, tôi nghĩ đó là một người yêu nước, có chí lớn. Cách mạng Tháng Tám thành công, tổ Huệ Đăng ra Bình Định thăm song đường. Lời thầy dặn "con đường Nguyễn Ái Quốc đi là đúng" luôn canh cánh bên lòng chúng tôi. Người xả thân vì độc lập dân tộc, chính là mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân. Hầu hết lớp đệ tử của Hoà thượng Huệ Đăng như chúng tôi đều dẫn thân vào con đường mới. Con đường đạo pháp gắn với dân tộc. Chúng tôi mới biết ra Chủ tịch Hồ Chí Minh chính là người mà sư phụ chúng tôi đã đề cập cách đó hàng chục năm.

Hơn nửa thế kỷ qua, lý tưởng đạo đức, sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn gắn bó với nhân dân miền Nam và in sâu trong tiềm thức của giáo giới Phật giáo miền Nam, là hiện thân của độc lập, tự do và hạnh phúc. ●

T.Q.T ghi

(*) Tựa bài do tòa soạn đặt

Hướng về Hội Thảo

Kỷ niệm 30 năm thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam

Khắc Chiếu thực hiện

Lời tòa soạn: Quan tâm nhiều đến việc hoằng hóa và xiển dương Phật pháp, đồng thời theo dõi về hướng phát triển của Giáo hội Phật giáo Việt Nam (PGVN) trong tương lai với bối cảnh của thời mở cửa cùng phong trào giao lưu văn hóa Phật giáo giữa Việt Nam với Quốc tế và các nước trong khu vực, ngày 07-11-2011 tới đây Lễ Kỷ niệm 30 năm thành lập Giáo hội PGVN sẽ được tổ chức trọng thể tại Hà Nội. Nhân dịp này Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy đã gặp gỡ và phỏng vấn HT. Thích Thiện Nhơn, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký HĐTS.GHPGVN, thành viên BTC lễ kỷ niệm. Phỏng vấn có nội dung như sau:

PV: Tính đặc thù của sự thống nhất Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN)?

HT. Thích Thiện Nhơn: Sự thống nhất Phật giáo Việt Nam là tập hợp 09 tổ chức Giáo hội, Hệ phái Phật giáo trong cả nước, bao gồm Phật giáo Bắc tông, Phật giáo Nam tông Khmer, Nam tông Kinh, Phật giáo Hệ phái Mật tông, Phật giáo Người Hoa v.v..., hình thành Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Qua đó, sự thống nhất Phật giáo Việt Nam là thống nhất về mặt tổ chức, lãnh đạo, ý chí và hành động, còn pháp môn tu học biệt truyền của từng Hệ phái vẫn được duy trì và phát triển, sinh hoạt một cách đoàn kết, hòa hợp, nhuần nhuyễn, đồng bộ trong lòng GHPGVN 30 năm qua. Đây là nét đặc thù của Phật giáo Việt Nam và chỉ có Phật giáo Việt Nam mới thực hiện được.

PV: GHPGVN đóng góp như thế nào đối với Đảng, Nhà nước, cùng Tăng Ni và đồng bào Phật tử?

HT. Thích Thiện Nhơn: Theo cơ chế của tổ chức xã hội Việt Nam, Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Qua đó, GHPGVN là một tổ chức tôn giáo trong xã hội Việt Nam. Bằng tinh thần đoàn

kết, hòa hợp, Phật giáo Việt Nam đã tác động giao thoa trong tinh thần đoàn kết của Đảng, để giữ gìn sự trong sáng của Đảng cùng phát triển trong mục tiêu chung, làm cho dân giàu, nước mạnh, ấm no, hạnh phúc. Đồng thời, Giáo hội cũng góp phần giám sát các hoạt động của các cơ quan Nhà nước để giảm bớt tệ nạn tiêu cực, tham nhũng... tạo cho bộ máy lãnh đạo Nhà nước vững mạnh, vì dân, lo cho dân và được sự tin tưởng của quần chúng nhân dân, nhất là thực hiện theo đúng Hiến pháp, là luật pháp của Nhà nước, thể hiện đúng ý nghĩa tự do tín ngưỡng như Nghị quyết 7 của Đảng đã đề ra. Sự đóng góp của Phật giáo Việt Nam cho Tăng Ni, Phật tử thông qua Ban Tăng sự, Ban Giáo dục Tăng Ni, Ban Hoằng pháp, Ban Hướng dẫn Phật tử đã phát triển ổn định trong 30 năm qua được đúc kết trong các kỳ Hội nghị tổng kết công tác Phật sự hằng năm và Đại hội Phật giáo toàn quốc trong 6 lần qua của GHPGVN.

PV: Cơ cấu tổ chức GHPGVN (năm 1981) cho đến bây giờ có khác nhau không?

HT. Thích Thiện Nhơn: Nói đúng hơn là cơ chế tổ chức hành chánh của GHPGVN đến nay là 3 cấp: Trung ương, tỉnh thành và quận huyện.

Về đơn vị, từ nhiệm kỳ đầu chỉ có 27 đơn vị cấp tỉnh, thành đến nay đã thành lập được 57 đơn vị cấp tỉnh, thành.

Nhân sự cũng đã tăng gấp bội, từ 50 thành viên của 02 Hội đồng Chứng minh và Hội đồng Trị sự, 09 thành viên các Ban Trung ương, 25 thành viên Ban Trị sự, đến nay đã có 97 thành viên Hội đồng Chứng minh, 147 Hội đồng Trị sự, 57 thành viên các Ban Trung ương, 47 thành viên Ban Trị sự và 37 thành viên các Ban chuyên môn của tỉnh, thành hội Phật giáo; 15 thành viên Ban Đại diện Phật giáo cấp huyện.

Các Ban ngành, Viện cũng đã được tăng thêm nhân sự, cơ cấu hợp lý, có sự kế thừa, mang tính chuyên môn. Có khuôn mẫu và văn phòng hoạt động riêng, theo hệ thống dọc và hệ thống ngang của GHPGVN.

PV: *Xin cho biết các Ban ngành của Trung ương Giáo hội, Ban ngành nào hoạt động tốt nhất cho Đạo pháp và Dân tộc?*

HT. Thích Thiện Nhơn: GHPGVN có 09 Ban và 01 Viện. Trong 30 năm qua đều hoạt động một cách tích cực, góp phần thành công trong chương trình hoạt động của GHPGVN. Nếu bình chọn, công tâm mà nói, thì Ban Tăng sự, Ban Giáo dục Tăng Ni và Ban Hoằng pháp là có phần khởi sắc, tạo cho Phật giáo Việt Nam có một nền tảng vững chắc.

Về hệ thống giáo dục, mang tính kế thừa và ảnh hưởng, giao lưu quốc tế đang trên đà phát triển. Cũng như Ban Hoằng pháp đã hệ thống được chương trình truyền bá Phật pháp đến tận vùng sâu vùng xa và đến cả nước ngoài; có trách nhiệm đào tạo lực lượng giảng sư kế thừa sứ mệnh hoằng truyền chánh pháp, lợi lạc quần sanh, tốt đời đẹp đạo, Phật tử tín tâm ngày càng đông, trở thành một hậu thuẫn to lớn của Phật giáo Việt Nam trong hiện tại và tương lai.

PV: *Theo Hòa thượng, các vị giáo phẩm có tham gia vào Quốc hội sau một quá trình bầu cử trước đây và bây giờ?*

- Có đóng góp gì cho sự phát triển Đạo pháp?
- GHPGVN thể hiện vai trò gì trong việc tham gia xây dựng những định chế xã hội?

HT. Thích Thiện Nhơn: Từ năm 1981 đến nay, chư Tôn Giáo phẩm trong GHPGVN đã tham gia đại biểu Quốc hội từ khóa VI-XIII là 08 khóa. Quý Hòa thượng đã đắc cử đại biểu Quốc hội và tham gia các Ủy ban - Ủy ban soạn thảo Tu chính Hiến pháp (HT. Thích Thế Long, HT. Thích Thiện Hào), Ủy ban Văn hóa Giáo dục (HT. Thích Thiện Siêu, HT. Thích Hiền Pháp), Ủy ban các vấn đề xã hội (HT. Kim Cương Tử, HT. Thích Thanh Tứ), Ủy ban đối ngoại (HT. Thích Minh Châu, HT. Thích Chơn Thiện), Ủy ban Dân tộc - Miền núi (HT. Danh Nhưộng, HT. Dương Nhơn) đã đóng góp nhiều ý kiến và công sức của mình trong việc thông qua các Luật và Nghị quyết của Quốc hội. Trong nhiệm kỳ XIII, Quốc hội sẽ tu chỉnh Hiến pháp năm 1992, chư Tôn đức đắc cử như HT. Thích Chơn Thiện, HT. Thạch Huân, TT. Thích Bảo Nghiêm, TT. Thích Thanh Quyết sẽ tiếp tục góp ý tu chỉnh Hiến pháp, các Luật v.v..., góp phần xây dựng cơ chế chính trị tại Việt Nam ngày càng ổn định và dân chủ hóa, hòa nhập vào sự phát triển chung của thế giới và nhân loại trong thế kỷ XXI và những thế kỷ tiếp theo, trong đó có Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

PV: *Hội thảo kỷ niệm 30 năm thành lập GHPGVN sắp tới, các khâu tổ chức đã chuẩn bị đến đâu rồi?*

HT. Thiện Nhơn: Căn cứ Nghị quyết Hội nghị Kỳ IV khóa VI của GHPGVN ngày 08-01-2011, Trung ương Giáo hội đã có Thông bạch số 67 ngày 10-3-2011 hướng dẫn các Ban Trị sự tổ chức Lễ Kỷ niệm và Hội thảo kỷ niệm 30 năm thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Trung ương Giáo hội đã có văn thư báo trình Chính phủ và các văn kiện liên quan, như xin đặt tên đường cho quý Hòa thượng đã có nhiều cống hiến cho dân tộc và cho GHPGVN, khen thưởng đối với các cá nhân có nhiều công đức với Giáo hội theo từng nhiệm kỳ tham gia.

Về nội dung, địa điểm, thời gian tổ chức Hội thảo kỷ niệm 30 năm thành lập GHPGVN đã được ấn định. Ban Tổ chức Trung ương, do Hòa thượng Chủ tịch Hội đồng Trị sự là Trưởng ban, 03 vị Phó Chủ tịch Thường trực HĐTS làm Phó ban Thường trực. Ban Thư ký và Văn phòng TWGH đã từng bước triển khai có hiệu quả.

Thời gian Lễ kỷ niệm là ngày 07-11-2011 tại Hội trường Bảo tàng Phật giáo Việt Nam - Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội.

Hội thảo từ ngày 23, 24/12/2011 tại Văn phòng 2 Trung ương Giáo hội - Tp. Hồ Chí Minh. Các địa phương sau ngày Hội nghị Ban Thường trực Hội đồng Trị sự 20, 21-8-2011, Trung ương Giáo hội sẽ có thông tư hướng dẫn cụ thể những vấn đề có liên quan, nhưng chủ yếu là từ tháng 9 đến tháng 10/2011, nhất là hoàn chỉnh thông điệp của Đức Pháp chủ GHPGVN, diễn văn Khai mạc của Hòa thượng Chủ tịch Hội đồng Trị sự và báo cáo công tác hoạt động Phật sự của GHPGVN trong 30 năm qua cũng như các bài tham luận cho Hội thảo. Tóm lại, công tác tổ chức Lễ kỷ niệm và Hội thảo đã thực hiện được 2/3 kế hoạch để tiến tới đại lễ. ●

Phật giáo Việt Nam

đồng hành cùng dân tộc

Bùi Hữu Được

Vụ trưởng Vụ Phật giáo, Ban Tôn giáo Chính phủ

Ngày 07-11-1981, Đại hội Phật giáo toàn quốc lần thứ nhất (tại Thủ đô Hà Nội) đã thống nhất 9 tổ chức hệ phái Phật giáo thành Giáo hội Phật giáo (GHPG) Việt Nam, với đường hướng hoạt động: Đạo pháp – Dân tộc – CNXH. Đây là cơ duyên, vận hội để Phật giáo ngày thêm gắn bó và đồng hành cùng dân tộc; đồng thời, làm thất bại mọi mưu đồ của các thế lực thù địch lợi dụng tự do tín ngưỡng, Tôn giáo để phá hoại đoàn kết Tôn giáo, đoàn kết dân tộc.

Tải qua hàng nghìn năm có mặt ở nước ta, thời đại nào, Phật giáo Việt Nam cũng đóng góp xứng đáng cho công cuộc bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước. Lịch sử đã từng ghi nhận: Phật giáo Việt Nam là một Tôn giáo lớn, yêu nước, Tôn giáo “Hộ quốc – An dân” và luôn đồng hành cùng dân tộc. Trước đây, nhiều triều đại phong kiến ở nước ta đã nương theo lời dạy của Phật để xây dựng đất nước thịnh vượng, xã hội phát triển tốt đẹp. Đặc biệt, ở thời Lý, Trần, đạo Phật được coi là quốc đạo của người Việt; các thiền sư Không Lộ, Tuệ Tĩnh, Vạn Hạnh... vừa là danh y chữa bệnh cứu độ chúng sinh, vừa là nhà chính trị, ngoại giao phò vua, giúp nước. Các vị vua, quan đều là những Phật tử tinh thông về Phật pháp, thế học, biết cách chuyển hoá tư tưởng, triết lý sống của đạo Phật thành lý tưởng phục vụ cho đời, giải thoát đau khổ cho xã hội. Chính vì vậy, đạo Phật đã ăn sâu, bám rễ trong xã hội Việt, trở thành một bộ phận của văn hoá tinh thần, góp phần tạo nên bản sắc văn hoá dân tộc, luôn gắn bó, kề vai sát cánh cùng dân tộc trong dựng nước và giữ nước, đánh bại nhiều kẻ thù hung bạo thời bấy giờ để giữ yên bờ cõi nước nhà. Đến thời đại Hồ Chí Minh, không chỉ có các nhà sư mà đông đảo tăng ni, Phật tử đã gắn bó, cống hiến cho Phật giáo và cho dân tộc qua các chặng đường cách mạng. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhiều tăng ni, Phật tử đã tham gia hoạt động cách mạng, nêu cao tinh thần vô úy của Phật giáo, bất khuất trước kẻ thù xâm lược; nhiều nhà sư “cởi áo cà sa, khoác chiến bào” xung vào các đoàn quân Nam tiến; đông đảo sư

sãi, tín đồ Phật tử tham gia phong trào: diệt giặc đói, giặc dốt, thực hiện chùa là trường học, nhà sư là thầy giáo. Ở khắp nơi, chùa đã trở thành nơi cứu tế giúp đỡ người nghèo; đặc biệt, một số chùa là nơi nuôi giấu cán bộ, cất trữ vũ khí, hội họp bí mật... Hoạt động thiết thực đó đã góp phần làm nên thắng lợi to lớn kết thúc 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, với tinh thần “hộ quốc - an dân”, Phật giáo miền Nam đã dũng cảm xuống đường đấu tranh chống ách kìm kẹp của Mỹ-Diệm; nhiều ngôi chùa trở thành địa điểm trao đổi tin tức bí mật; là nơi mở rộng cửa cho thanh niên lui tới, vừa tu học Phật pháp yêu nước, vừa tránh bị bắt lính, đôn quân. Nhiều tăng ni, Phật tử đã “dấn thân” làm cách mạng, trở thành chiến sĩ, giao liên, cán bộ binh dịch vận, vận động binh lính quyên quyền đình chiến, phản chiến. Đặc biệt, tấm gương của Hoà thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để phản đối nguy quyền tay sai đàn áp Phật giáo, phản đối chiến tranh, đòi tự do tôn giáo và độc lập dân tộc, đã làm rung chuyển miền Nam, tạo làn sóng rộng khắp trên thế giới phản đối đế quốc Mỹ xâm lược, ủng hộ chính nghĩa Việt Nam. Cùng với đó, Phật giáo miền Bắc tích cực vận động các chức sắc, tín đồ cùng toàn dân, toàn quân đoàn kết thực hiện nhiệm vụ xây dựng CNXH ở miền Bắc và chi viện cho cuộc đấu tranh anh





Lễ hội hoa đăng tại chùa Hoàng Pháp

dũng của nhân dân miền Nam thống nhất nước nhà. Với tinh thần "Quốc gia lâm nguy, thất phu hữu trách", nhiều nhà sư đã tình nguyện tòng quân, vượt Trường Sơn vào Nam chiến đấu. Đồng thời, tổ chức Phật giáo miền Bắc còn chủ động lên tiếng đấu tranh tố cáo tội ác của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai trên nhiều diễn đàn quốc tế; tham gia sáng lập và hoạt động trong tổ chức Phật giáo châu Á vì hoà bình (ABCP), góp phần vào công cuộc giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Đất nước được độc lập, tôn giáo được tự do, cả nước đi lên CNXH, ngày 07-11-1981, GHPG Việt Nam ra đời có ý nghĩa quan trọng đối với việc ổn định tư tưởng và thống nhất tổ chức Phật giáo nước nhà, tạo cơ sở đoàn kết tôn giáo, đoàn kết dân tộc để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới. Tuy nhiên, công cuộc đổi mới đất nước, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập kinh tế quốc tế đã có nhiều tác động và làm nảy sinh những vấn đề mới đối với tôn giáo. Các thế lực thù địch triệt để lợi dụng tự do tín ngưỡng, tôn giáo để phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc; xuyên tạc đường lối, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta, kích động một bộ phận nhân dân khiêu khích, chống đối hòng gây mất ổn định chính trị – xã hội, tạo cơ can thiệp vào công việc nội bộ của nước ta. Thông qua những kẻ đội lốt Phật giáo ở nước ngoài, chúng hằm hời tiếp sức cho các phần tử Phật giáo cực đoan trong nước, đứng ra đòi phục hoạt cái gọi là "GHPG Việt Nam thống nhất"; đòi tự do tôn giáo theo quan điểm phương tây và ngụy tạo nhiều sự kiện vu cáo Việt Nam đàn áp tôn giáo, vi phạm nhân quyền... tin vào những chứng cứ ngụy tạo, Mỹ đã từng đặt Việt Nam vào danh sách các nước "cần đặc biệt quan tâm về tôn giáo" (CPC), gây không ít khó khăn cho ta trong đối ngoại và quan hệ kinh tế quốc tế. Trước tình hình đó, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến tôn giáo, nhằm bảo đảm một cách đầy đủ trên thực tế quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân; đồng thời, chỉ đạo kiên quyết đấu tranh với các âm mưu, thủ đoạn lợi dụng tôn giáo, tín ngưỡng để chống phá công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Theo đó, các chính sách của Đảng, pháp

luật của Nhà nước đều khẳng định quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của mọi công dân; coi tín ngưỡng là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, không chỉ tồn tại lâu dài mà sẽ tiếp tục đồng hành cùng dân tộc trong suốt quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đồng bào các tôn giáo (trong đó có Phật giáo) là bộ phận không thể tách rời của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Gần đây, Nghị quyết Đại hội XI của Đảng đã xác định: "Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo phù hợp với quan điểm của Đảng...; động viên các tổ chức tôn giáo, chức sắc, tín đồ sống tốt đời, đẹp đạo, tham gia đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Quan tâm và tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo sinh hoạt theo hiến chương, điều lệ của tổ chức tôn giáo đã được Nhà nước công nhận, đúng quy định của pháp luật". Điều đó thể hiện một cách nhất quán tư duy mới của Đảng về tín ngưỡng, tôn giáo, góp phần giải quyết những vấn đề về tôn giáo phức tạp nảy sinh trong thực tiễn; đồng thời, mở ra những điều kiện thuận lợi để các tăng ni, phật tử thực hiện tâm nguyện "phục vụ chúng sinh", làm tròn bổn phận của mình đối với đạo pháp, dân tộc và CNXH. Nhờ có chủ trương, chính sách phù hợp, những năm qua, công tác tôn giáo nói chung, công tác của GHPG Việt Nam nói riêng đã thu được nhiều kết quả quan trọng, thiết thực đồng hành cùng dân tộc trên các lĩnh vực. Trong đời sống thường nhật, đồng bào các tôn giáo Việt Nam đã nêu cao lòng yêu nước, đạo lý từ bi, khoan dung, lục hoà để tương trợ giúp đỡ lẫn nhau vượt qua khó khăn; hăng hái thi đua sản xuất, tiết kiệm và tham gia xoá đói, giảm nghèo. Hằng năm, GHPG Việt Nam đã đứng ra vận động quyên góp giúp đỡ đồng bào khó khăn với số tiền lên tới hàng trăm tỷ đồng; chỉ tính riêng năm 2010, đã quyên góp được hơn 700 tỷ đồng, góp phần chia sẻ khó khăn, giúp đồng bào nghèo, nhất là đồng bào vùng thiên tai, thảm họa ổn định cuộc sống. Trong lĩnh vực hoằng dương chánh pháp, đã đề cao đạo lý sống cao đẹp của Đức Phật; thông qua việc truyền bá triết lý Phật giáo và thực hành giáo lý đạo Phật để xây dựng đạo đức tốt đẹp, duy trì bản sắc văn hoá dân tộc, giảm bớt tiêu cực và tệ nạn xã hội; từ đó, góp phần nâng cao nhận thức, củng cố lòng tin, khơi dậy làm điều tốt, việc thiện



Lễ hội tại chùa Đồng - Yên Tử



Thắp nến cầu nguyện cho nạn nhân Nhật Bản trong trận động đất sóng thần tại Học viện PGVN

trong Tăng ni, Phật tử và nhân dân. Đối với khối đại đoàn kết toàn dân, GHPG Việt Nam đã gương mẫu đi đầu trong đoàn kết tôn giáo, đoàn kết dân tộc; chủ động đấu tranh chống các thế lực thù địch lợi dụng chiến lược “Diễn biến hoà bình” để xuyên tạc tình hình Tôn giáo và chính sách tự do tín ngưỡng ở Việt Nam; tích cực tham gia đối ngoại nhân dân, đối ngoại tôn giáo, lên tiếng đấu tranh trên nhiều diễn đàn trong nước và quốc tế, vạch mặt những kẻ mạo xưng, đội lốt Phật giáo nhưng đi ngược lại tôn chỉ, mục đích và đường hướng hành đạo của GHPG Việt Nam. Bên cạnh đó, hệ thống tổ chức của GHPG Việt Nam đã phát triển trên khắp cả nước với hơn 40 nghìn Tăng ni và hàng chục triệu Phật tử sinh hoạt trong hàng vạn chùa chiền, tự viện; nhiều ngôi chùa, trường, lớp và cơ sở thờ tự được trùng tu, tôn tạo khang trang; tín đồ Tôn giáo được tự do hành lễ, tham quan văn cảnh và học tập để nâng cao kiến thức, trình độ. Đến nay, GHPG Việt Nam đã có hệ thống đào tạo tăng tài với 4 học viện Phật giáo, 1 trường cao đẳng, 32 trường trung cấp và hàng trăm trường sơ cấp, với hơn 70 vị sư có học vị tiến sĩ; mỗi năm đào tạo trên 5.000 Tăng ni sinh các cấp ở trong nước và gửi hàng trăm người đi đào tạo ở nước ngoài... Những thành tựu trên càng khẳng định tính ưu việt trong chủ trương, chính sách về Tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta; đồng thời, thể hiện sự lựa chọn đúng đắn của GHPG Việt Nam về đường hướng hành động “Đạo pháp – Dân tộc – Chủ Nghĩa Xã hội” để luôn đồng hành cùng dân tộc. Hiện nay và thời gian tới, nước ta tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chủ động hội nhập ngày càng sâu hơn, toàn diện hơn vào khu vực và toàn cầu. Bên cạnh những thời cơ, vận hội là cơ bản, chúng ta phải đối phó với nhiều khó khăn, thách thức; trong đó, nhiều vấn đề mới về Tôn giáo và công tác tôn giáo tiếp tục được đặt ra. Các thế lực thù địch đang triệt để lợi dụng những khó khăn, sơ hở của ta trong xử lý những vấn đề nhạy cảm về Tôn giáo để vu cáo, xuyên tạc

chính sách về Tôn giáo của Đảng và Nhà nước; kích động các hoạt động khiêu khích, ly khai trên các địa bàn trọng điểm, hòng phá hoại tiến trình xây dựng CNXH ở nước ta. Tình hình đó đòi hỏi chúng ta trong quá trình phát triển kinh tế – xã hội, củng cố quốc phòng – an ninh, phải phát huy hơn nữa sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc; trong đó, đồng bào các Tôn giáo đóng vai trò rất quan trọng. Để làm được điều đó, trước hết, cấp uỷ, chính quyền các cấp phải thấm nhuần tư tưởng đại đoàn kết của Chủ tịch Hồ Chí Minh, thực hiện tốt mối đoàn kết lương – giáo, tôn trọng chức sắc, tín đồ Tôn giáo, luôn xem họ là đồng bào, là công dân của nước Việt Nam thống nhất. Trên cơ sở đó, quan tâm, động viên, khuyến khích tín đồ Tôn giáo nói chung, tăng ni, Phật tử nói riêng, làm nhiều việc tốt, cống hiến tài năng, trí tuệ cho đất nước, thực hiện phương châm sống “Tốt đời, đẹp đạo”. Hai là, quan tâm đầu tư phát triển toàn diện cả về kinh tế, văn hoá, xã hội và quốc phòng - an ninh trên các địa bàn, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và dân trí cho nhân dân, trong đó có đồng bào các Tôn giáo. Ba là, đẩy mạnh công tác giáo dục, tuyên truyền làm cho đồng bào các Tôn giáo nhận thức đầy đủ tính ưu việt của chế độ XHCN, thấy rõ sự quan tâm của Đảng, Nhà nước ta đối với đồng bào có đạo. Thông qua đó, vạch rõ âm mưu thâm độc của các thế lực thù địch; đồng thời, xác định quyền lợi, nghĩa vụ của mỗi công dân, của mỗi người có đạo, để từ đó, nâng cao quyết tâm, trách nhiệm trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN. Bốn là, tăng cường công tác đối ngoại Tôn giáo để bạn bè quốc tế hiểu rõ tình hình tôn giáo ở Việt Nam; qua đó, tăng cường mối đoàn kết tôn giáo quốc tế và góp phần đấu tranh chống các luận điệu xuyên tạc, làm sai sự thật về tình hình Tôn giáo ở nước ta. Năm là, tiếp tục kiện toàn bộ máy làm công tác tôn giáo của Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân từ Trung ương đến cơ sở; thường xuyên chăm lo xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo, bảo đảm có đủ phẩm chất, năng lực hoàn thành tốt nhiệm vụ trong tình hình mới. ●



Phát quà cho đồng bào nghèo

THÀNH KÍNH TƯỚNG NIỆM

Trong dịp tháng 7, Vu lan – Mùa báo hiếu, Phật giáo Nam tông thành kính tưởng niệm ba vị Trưởng lão Hòa thượng Thiện Luật, Hòa thượng Hộ Tông, Hòa thượng Giới Nghiêm. Quý ngài đã có công đức rất lớn trong việc hoằng pháp khai sinh Phật giáo Nam tông tại Việt Nam, có nhiều đóng góp cho Đạo pháp và Dân tộc. Tạp chí Phật Giáo Nguyên Thủy xin trân trọng giới thiệu đôi dòng Tiểu sử của Quý ngài để quý độc giả hoan hỷ với cuộc đời, sự nghiệp, đạo pháp của quý ngài

Hòa thượng Thiện Luật (1898 - 1969)

Hòa thượng Thiện Luật, thế danh Ngô Bảo Hộ, sinh năm Mậu Tuất 1898 tại Sa Đéc, nay là tỉnh Đồng Tháp. Phụ thân ngài là cụ Ngô Văn Nghi – vốn là người Triều Châu, do điều kiện sinh hoạt nên đã đưa cả gia đình sang Cao Miên lập nghiệp tại tỉnh Prey-Veng (hay Lò Veng, tức làng Hòa Mỹ theo cách gọi của cộng đồng người Việt xa xứ).

Năm Giáp Tuất 1934, ngài dẫn theo con trai là Ngô Bửu Đạt đến chùa Prek-Reng, một ngôi chùa ở ven sông xin xuất gia. Hòa thượng trụ trì chấp thuận cho ngài thọ giới Sa di, ban cho ngài pháp danh là Thiện Luật, còn con trai ngài thì được Hòa thượng nhận làm nghĩa tử, dưỡng nuôi trong chùa hầu cận chư Tăng.

Năm Đinh Sửu 1937, lúc 39 tuổi, ngài chính thức thọ giới Tỳ kheo với thầy Tế độ là ngài Phó Tăng thống Cao Miên là Hòa thượng Uttamamuni Um-Su, thầy Yết ma là Hòa thượng Som Dach Choun Nath (sau là vua Sãi Cao Miên) và thầy Giáo thọ hưởng dẫn Phật học là ngài Hout-That (về sau là Phó Tăng thống, cuối cùng là vua Sãi, bị Pôn-Pốt sát hại năm 1975). Ba vị trên đây cùng Hòa thượng Chan-Wang là bốn vị học giả uyên thâm, lừng danh nhất của Cao Miên thời bấy giờ.

Năm Canh Thìn 1940, sau khi xin phép cho con trai được thọ giới Sa di, ngài cũng xin phép Hòa thượng trụ trì chùa Sri Sagor cho mình trở về niệm Phật Đường Thiền Lâm để tu học và xây dựng lại vì chùa đổ nát. Về đây, ngài nhật nhạp từng thanh gổ viên ngói, dốc lòng tái thiết chùa Thiền Lâm khang trang hơn trước. Với tâm nguyện cũ ngày nào vẫn canh cánh bên lòng, ngài tiếp tục tạo mọi điều kiện nâng đỡ chư Tăng Việt Nam. Một số vị giáo thọ sư từ

hệ phái Bắc tông cũng đã tìm đến đây tá túc tầm đạo. Trong đó, có ngài Ấn Lâm, khi mới chuyển từ Bắc phái sang Nam truyền (về sau là Tăng thống hệ phái Nam tông Việt Nam) cũng đã một thời cư ngụ tại đây.



Cùng năm này, nhận thấy con đường hành đạo của mình không thể chỉ là những tháng ngày gởi mình nơi đất khách, ngài bắt đầu nghĩ nhiều về quê hương Việt Nam. Nhân duyên đến lúc chín muồi, được sự động viên của Hòa thượng Choun Nath cùng chư Tăng Phật tử Việt Nam, ngài về nước thu nhận chùa Bửu Quang ở Gò Dưa, Thủ Đức làm ngôi chùa đầu tiên của Phật giáo Nam tông tại Việt Nam. Cùng đi với ngài còn có sư Hộ Tông, sư Hộ Giác và các Phật tử kiều bào.

Năm Tân Tỵ 1941, do sư Hộ Giác không quen được với phong thổ mới nên ngã bệnh, buộc lòng ngài đưa Sư trở lại Phnôm-Pênh, ngài đến ngụ tại chùa Mahāmantrey, và được xem là huynh trưởng của một nhóm chư Tăng Việt Nam gồm mười mấy vị. Ngài ngụ tại chùa Mahāmantrey tiếp tục nghiên cứu Luật tạng cho đến kỳ kết tập Tam tạng lần thứ 6 năm 1954 tại Miến Điện.

Năm Bính Thân 1956, ngài được Phật tử Việt Nam thỉnh về chùa Kỳ Viên ở Bàn Cờ, Sài Gòn để thuyết giảng Phật pháp thường kỳ tại đây. Tháng 4 năm 1957, Giáo hội Phật giáo Nam tông Việt Nam được chính thức thành lập, một Hội đồng Tăng già chưởng quản do ngài Bửu Chơn đảm nhiệm Tăng thống và ngài làm Phó Tăng thống.

Năm Đinh Dậu 1957, ngài được Phật tử cung thỉnh về chùa Phổ Minh ở Gò Vấp, Gia Định. Tại đây, ngài đã thu nhận các đệ tử xuất gia, mở lớp giảng dạy chư Tăng Nam tông được trên mười vị, hầu hết đều còn trẻ tuổi, đó là lớp chư Tăng Nam tông đầu tiên được đào tạo tại Việt Nam, do ngài và sư Hộ Giác sau khi tốt nghiệp về nước trực tiếp phụ trách giảng dạy.

Năm Mậu Tuất 1958, ngài cùng sư Hộ Giác kiến lập chùa Pháp Quang ở gần cầu Bình Lợi, Gia Định và về đây trụ trì. Chư Tăng Nam tông từ đó có một Học viện hân hoan. Ngôi trường này đã đào tạo nên nhiều Tăng tài phục vụ cho Giáo hội cũng như tu học hoằng truyền Phật pháp trên khắp thế giới.

Năm Quý Mão 1963, chính sách kỳ thị Tôn giáo của chế độ Ngô Đình Diệm diễn ra rất khốc liệt với Phật giáo Việt Nam. Trong tư cách một tu sĩ, một vị lãnh đạo tinh thần cho nhiều Tăng Ni Phật tử, ngài đã có mặt trong Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo, đấu tranh cho quyền tự do, bình đẳng của Phật giáo đến khi thành công.

Năm Giáp Thìn 1964, sau khi chế độ Ngô Đình Diệm cáo chung, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất được thành lập, ngài được suy cử ngôi vị Phó Tăng thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất.

Năm Bính Ngọ 1966, ngài được bầu làm Chủ tịch Ủy ban Bảo vệ Hiến chương Phật giáo, và ngài giữ chức vụ này cho đến cuối đời. Tuy Phật sự nặng gánh nhưng việc tu tập và truyền pháp lợi sanh của ngài vẫn không hề giảm bớt, như tâm nguyện góp phần tạo nên một hệ phái Phật giáo Nguyên thủy của người Việt ngày càng phát triển vững chắc trong ngôi nhà chung Phật giáo Việt Nam.

Tuổi già sức yếu, Hòa thượng Thiện Luật đã viên tịch vào ngày mùng 9 tháng 7 năm Kỷ Dậu, nhằm ngày 21 tháng 8 năm 1969, tại chùa Pháp Quang, thọ thế 71 năm, có 32 tuổi Hạ.

Hòa thượng Hộ Tông (1893 - 1981)

Hòa thượng Hộ Tông, Maha Thera Vansarakkhita, có thể danh là Lê Văn Giảng, sinh ngày 15 tháng 10 năm 1893, tại làng Tân An, quận Tân Châu, tỉnh Châu Đốc. Ngài xuất thân trong một gia đình trung lưu trí thức, thân phụ là ông Lê Văn Như, thân mẫu là bà Đinh Thị Giảng.

Lúc thiếu thời, ngài theo gia đình sang lập nghiệp tại Phnôm Pênh (Nam Vang), thủ đô của Cam Bốt. Năm 16 tuổi ngài được tuyển vào học trường trung học Collège Sisowath. Sau khi đậu bằng trung học (diplome), ngài làm việc cho sở bưu điện và sở giáo dục.

Năm 34 tuổi, ngài được bổ nhiệm về tỉnh Soay Riêng, gần biên giới Việt Nam. Ngài phát tâm hướng về nghiên cứu con đường tu hành, con đường giải

thoát. Ngài thử nhiều phương pháp, trong đó có những pháp môn ép xác như ăn cơm lạt với nước, ăn cơm với giấm, ăn toàn rau cải và trái cây, tuyệt dục, tu niệm chú, tu niệm Phật v.v... mà không thấy có kết quả tốt.

Năm 1934, ngài về làm việc tại tỉnh Prey Veng. Nơi đây, ngài giúp thành lập Trung tâm Thiền định tại chùa Ruong Damrey và giảng dạy Phật Pháp và pháp môn hành thiền. Với ước vọng khuyến khích người Việt hành trì và xuất gia trong truyền thống Theravāda, ngài bỏ công dịch quyển Luật Xuất Gia trong 2 năm, và sau đó soạn thêm quyển Kinh Nhứt Hạnh cho người tại gia cư sĩ, bằng tiếng Việt.

Năm 1936, ngài trở lại Phnôm Pênh, cùng với một nhóm bạn đạo cư sĩ người Việt tu bổ lại một chùa Bắc tông cũ, tên là chùa Sùng Phước, để làm nơi truyền giảng đạo Phật Nguyên thủy cho người Việt trên đất Cam Bốt. Năm 1940, sau khi được sự đồng ý của hiền thể, ngài quyết định xuất gia. Ngài xuất gia ngày 15 tháng 10 năm 1940, vị thầy truyền giới là vị Phó Tăng thống Cam Bốt, và lấy pháp danh là Hộ Tông (Vansarakkhita).

Trong thời gian ngài còn là cư sĩ, ngài thường về Việt Nam để truyền đạo, dạy thiền, và tạo nhiều quen biết với các cư sĩ Phật tử, trong đó có ông Nguyễn Văn Hiếu. Ông Hiếu là một người bạn đạo chí tình, thường xuyên trao đổi các kinh nghiệm tu học, và hết lòng ủng hộ, khuyến khích con đường hoằng pháp của ngài Hộ Tông. Năm 1939, ông tìm ra một thửa đất ở Gò Dưa, Thủ Đức, để cất chùa cho người Việt. Cuối năm 1940, ông thỉnh Tỳ kheo Hộ Tông về trụ trì, và sau đó, Hòa thượng Chuon Nath, Tăng Thống Cam Bốt, cùng một đoàn gồm 30 vị tỳ kheo được mời thỉnh đến làm lễ kết giới Sima, và đặt tên là chùa Bửu Quang (Ratana Ramsayarama). Từ đó, Tỳ kheo Hộ Tông cùng với các Tỳ kheo Việt Nam khác như ngài Bửu Chơn, Thiện Luật, Huệ Nghiêm bắt đầu truyền giảng Phật Pháp Nguyên thủy cho người Việt tại Việt Nam.

Năm 1944, ngài trở lại Cam Bốt, thực hành hạnh du tăng đầu đà (dhutanga), chu du khắp nơi trong rừng sâu vắng vẻ, độc cư hành thiền. Năm 1949, ngài trở về Việt Nam. Lúc đó, chùa Bửu Quang đã bị lính Pháp tàn phá vào 2 năm trước (1947). Cùng với ông Hiếu, ngài tìm mua một thửa đất trống ở khu Bàn Cờ, quận Ba, Sài Gòn, và xúc tiến xây cất một ngôi chùa khác, rộng lớn hơn, ngay tại trung tâm thành phố, và đặt tên là chùa Kỳ Viên (Jetavana Vihara). Chùa Kỳ



Viên được hoàn tất vào năm 1950. Đồng thời, chùa Bửu Quang cũng được trùng tu lại vào năm 1951.

Năm 1954, cùng với Hòa thượng Bửu Chơn, ngài đến tham dự Đại hội Kết tập Tam Tạng Pali lần thứ VI tại Rangoon, Miến Điện, và có đọc diễn văn trong ngày bế mạc đại hội. Sau đó, ngài đi thăm các thánh tích tại Ấn Độ, và dự các khóa tu học ngắn hạn về hành thiền và kinh điển Pāli tại Tích Lan và Thái Lan.

Ngày 18 tháng 12 năm 1957, Giáo hội Tăng già Nguyên thủy Việt Nam được chính thức thành lập, đặt trụ sở tại chùa Kỳ Viên, và toàn thể chư Tăng suy cử ngài vào chức vụ Tăng Thống của Giáo hội, khóa I.

Trong suốt cuộc đời, từ khi bắt đầu thấm nhuần Phật Pháp, ngài luôn sống cho Đạo, vì Đạo, luôn luôn lo xây dựng thêm chùa, khuyến khích xuất gia, soạn thảo kinh sách, truyền giảng giáo pháp. Ngoài 2 chùa đầu tiên, ngài trực tiếp tham gia và đóng góp xây dựng nhiều chùa Nguyên Thủy khác như chùa Bửu Long (Thủ Đức), Tam Bồ (Lâm Đồng), Phi Nôm (Định Quán), Bồ Đề (Vũng Tàu), Tam Bảo (Đà Nẵng), v.v...

Trong suốt bốn mươi một hạ của tỳ kheo, ngài không bao giờ rời kinh sách. Mỗi nơi ngài đến ngụ đều có một tủ kinh. Ngài sống một đời giản dị, ba y một bát như một vị tỳ kheo mẫu mực của truyền thống Nguyên Thủy. Hằng đêm, ngài thức giấc lúc 3 giờ sáng, tụng niệm và tham thiền. Sau đó bắt đầu viết và phiên dịch kinh sách, không lúc nào chểnh mảng. Ngài phiên dịch và trước tác gần 20 tác phẩm kinh điển quý giá để đáp ứng nhu cầu tu học của Tăng Ni và Phật tử Việt Nam.

Ngày 25 tháng 8 năm 1981 (26 tháng 7, Tân Dậu) trước những giờ phút cuối cùng, ngài vẫn minh mẫn giảng dạy các vị tỳ kheo đệ tử về pháp hành thiền quán niệm hơi thở. Sau đó, ngài bảo vị đệ tử thân cận đọc kinh rải tâm tử và ngài từ từ nhắm mắt. Trong một khoảnh khắc, ngài mở hé mắt nhìn lên trời rồi nhắm lại, an lành viên tịch. Lúc đó là 16 giờ 45 phút. Ngài hưởng thọ 89 tuổi đời, 41 tuổi đạo.

Thiền Sư Giới Nghiêm (1922 - 1984)

Hòa thượng Thiền sư Giới Nghiêm thế danh là Nguyễn Đình Trăn, sanh ngày 05 tháng 5 năm 1922 (nhằm ngày 09 tháng 4 năm Nhâm Tuất), tại làng Giạ Lê Thượng, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên - Huế. Thân phụ là cụ ông Nguyễn Đình Tài, và cụ bà Nguyễn Thị Thành.

Ngài xuất thân trong một gia đình có truyền thống theo đạo Phật. Năm 9 tuổi, ngài xuất gia tu

học và thọ giới Sadi tại một ngôi chùa làng Bồng Lãng - Huế. Năm 1942, ngài thọ giới Tỳ kheo tại chùa Phổ Đà, Đà Nẵng, thuộc hệ phái Bắc truyền. Năm 1944, ngài du học tại Campuchia và đã được Hòa thượng Niếp Tích truyền lại giới tỳ kheo theo truyền thống Phật giáo Theravāda. Từ năm 1947, ngài theo học đạo với

đức vua sãi Campuchia là Trưởng lão Hòa thượng Chuon-Natch. Những năm kế tiếp, ngài du học tại Thái Lan, Miến Điện và được Hòa thượng Thiền sư Mahasi Sayadaw truyền thụ pháp hành Tứ Niệm Xứ. Năm 1954, ngài dự Hội nghị Kết tập Tam tạng Thánh điển Pāli lần thứ VI tại Yangon Miến Điện.

Trở về quê hương năm 1957, ngài cùng các vị cao tăng khác là Hòa thượng Hộ Tông, Hòa thượng Thiện Luật, Hòa thượng Bửu Chơn... thành lập Giáo hội Tăng già Nguyên thủy Việt Nam (GHTGNTVN). Từ 1964 đến năm 1976, ngài liên tiếp nắm giữ chức vụ Tăng thống GHTGNTVN nhiều nhiệm kỳ.

Năm 1979, được sự cung thỉnh của Mặt trận Đoàn kết Dân tộc Cứu nước Campuchia, ngài cùng phái đoàn Phật giáo Nguyên thủy Việt Nam, truyền cụ túc giới cho 7 vị sư sãi lãnh đạo; để giúp phục hồi Phật giáo Campuchia sau pháp nạn. Tại Giới đàn này, ngài được cung thỉnh làm Đàn đầu Hòa thượng.

Năm 1980, ngài tham gia Ban Vận động thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Năm 1981, tại Đại hội kỳ I, ngài được suy cử vào chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN.

Hơn nửa thế kỷ xuất gia hành đạo, hoằng pháp và phục vụ xã hội, ngài đã để lại cho hậu thế nhiều công đức và nhiều công trình Phật sự to lớn.

Ngài là vị thiền sư thành lập được nhiều thiền viện, trong đó có Tam Bảo thiền viện (Vũng Tàu), và thiền viện Phước Sơn (Đồng Nai), cùng nhiều tự viện trong cả nước. Ngài đã phiên dịch được nhiều kinh sách có giá trị, và đào tạo nhiều đệ tử trở thành Tăng tài cho Giáo hội.

Ngày 09 tháng 8 năm 1984, ngài an nhiên thị tịch lúc 10 giờ 30 phút, già từ cõi thế tại chùa Phật Bảo, trụ thế 63 năm với 40 hạ lạp. Ngài mất đi là một sự mất mát to lớn cho GHPGVN nói chung, Tăng ni và đồng bào Phật tử Nam tông nói riêng, một vị cao Tăng thạc đức suốt đời phục vụ cho đạo pháp và dân tộc. ●



KINH VÍ DỤ TẮM VẢI (VATTHŪPAMA SUTTA)

HT. Thích Minh Châu



Thế Tôn nói một tắm vải cầu uế, nếu đem nhuộm thời không ăn nhuộm, nhuộm không tốt đẹp vì tắm vải không trong sạch; cũng vậy, cõi ác chờ đợi một tâm cầu uế. Một tắm vải không cầu uế, nếu đem nhuộm, thời ăn nhuộm, nhuộm được tốt đẹp, vì tắm vải trong sạch; cũng vậy, cõi Trời chờ đợi tâm không cầu uế. Cầu uế của tâm là mười sáu ác pháp (xem kinh số 3, Trung Bộ Kinh). Biết được mười sáu ác pháp này là cầu uế, vị Tỷ-kheo đoạn trừ được các cầu uế, thành tựu lòng tin tuyệt đối đối với ba ngôi báu. Đến giai đoạn này tức là chứng được Bất lai, vị ấy có sự từ bỏ, giải thoát nghĩ rằng “Do ta thành tựu lòng tin tuyệt đối, đối với ba ngôi báu chứng được nghĩa tín thọ (atthavedam), pháp tín thọ (dhammavedam), chứng được hân hoan liên hệ đến pháp, từ hân hoan hỷ sanh, từ hỷ thân được khinh an, từ thân khinh an cảm giác được lạc thọ”. Với lạc thọ tâm được thiền định. Vị có giới như vậy, pháp như vậy, tuệ như vậy, dù có ăn đồ ăn ngon lành cũng không vì vậy trở thành một pháp chướng ngại.

Rồi vị ấy an trú bốn vô lượng tâm: Từ, bi, hỷ, xả.

Vị ấy quán tri (pajānāti): có cái này (quả A-la-hán), có các hạ liệt (khổ và tập), có các thù thắng (con đường đoạn trừ đau khổ), có sự xuất ly tối thượng

vượt qua các tướng. Do vị ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm được giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Với tâm đã giải thoát, vị ấy biết “Tâm ta đã giải thoát”, vị ấy chứng quả A-la-hán, và được gọi là Tỷ-kheo đã được tắm rửa với sự tắm rửa nội tâm.

Khi ấy Bà-la-môn Sundarikabhāradvāja mời Thế Tôn đi tắm ở sông Bahukā vì sông này được xem là có khả năng giải thoát, được nhiều công đức, gột sạch được ác nghiệp.

Thế Tôn nói lên bài kệ để giải thích rằng các con sông không có khả năng gột sạch tội lỗi của người làm ác. Kẻ thanh tịnh trong sạch thời ngày nào cũng tốt lành, vì người ấy chỉ làm các nghiệp trong sạch và chỉ nên tắm ở đây thôi. Một người không dối trá, không làm hại chúng sanh, không lấy của không cho, không tham, có lòng tin thời đi tắm sông làm gì. Sau khi nghe vậy, Bà-la-môn Sundarikabhāradvāja xin quy y ba ngôi báu, xin xuất gia, thọ đại giới và không bao lâu trở thành vị A-la-hán.

Trong kinh này, chúng ta nhận thấy con đường chứng quả A-la-hán có sai khác với con đường giới định tuệ thông thường. Ở đây vị Tỷ-kheo phải biết mười sáu ác pháp là cầu uế, đoạn trừ chúng, biết được chúng đã đoạn trừ, nên thành tựu lòng tin tuyệt đối đối với ba ngôi báu. Đến giai đoạn này, vị ấy chứng được quả Bất lai, nếu có sự từ bỏ, có sự đoạn trừ, có sự xả ly. Vị ấy nghĩ, vị ấy đã có lòng tin tuyệt đối đối với ba ngôi báu, nên chứng được nghĩa tín thọ, pháp tín thọ, chứng được hân hoan liên hệ đến pháp, từ hân hoan hỷ sanh, từ hỷ thân được khinh an, từ thân khinh an cảm giác được lạc thọ, với lạc thọ, tâm được thiền định. Với giới như vậy, pháp như vậy, tuệ như vậy, vị ấy tu tập bốn vô lượng tâm. Rồi vị ấy biết: Có cái này (quả A-la-hán), có cái hạ liệt (khổ đế, tập đế), có cái thù thắng (con đường đưa đến diệt đế), có sự vượt qua các tướng (về bốn vô lượng tâm), đây chỉ cho Niết-bàn tức là diệt đế. Vị ấy nhờ biết vậy, thấy vậy, nên tâm giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu, chứng quả A-la-hán. Như vậy được gọi là vị Tỷ-kheo đã tắm rửa với sự tắm nội tâm. ●

GIỚI LUẬT CỦA NGƯỜI XUẤT GIA

Tk. Indacanda Nguyệt Thiên dịch

PHẬN SỰ CỦA VỊ XUẤT HÀNH (GAMIKA):

[418] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu xuất hành không thu xếp các đồ vật bằng gỗ và các đồ vật bằng đất nung, mở ra cửa lớn và cửa sổ, không thông báo về chỗ trú ngụ, rồi ra đi. Các đồ vật bằng gỗ và các đồ vật bằng đất nung bị mất mát. Chỗ trú ngụ không được bảo quản. Các tỳ khưu ít ham muốn, ...(như trên)..., các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ khưu xuất hành lại không thu xếp các đồ vật bằng gỗ và các đồ vật bằng đất nung, mở ra cửa lớn và cửa sổ, không thông báo về chỗ trú ngụ, rồi ra đi khiến các đồ vật bằng gỗ và các đồ vật bằng đất nung bị mất mát, chỗ trú ngụ không được bảo quản?

Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ... (như trên)...

- Nay các tỳ khưu, nghe nói ...(như trên)..., có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

...(như trên)... Sau khi khiển trách, ngài đã



Chư Tăng đi bát

thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng:

- Nay các tỳ khưu, chính vì điều ấy ta sẽ quy định phận sự cho các tỳ khưu xuất hành, các tỳ khưu xuất hành nên thực hành đúng đắn theo như thế.

[419] Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu xuất hành trước khi ra đi nên thu xếp các đồ vật bằng gỗ và các đồ vật bằng đất nung, nên đóng lại cửa lớn và cửa sổ, nên thông báo về chỗ trú ngụ. Nếu không có tỳ khưu, nên thông báo cho vị sa di. Nếu không có sa di, nên thông báo cho người ở chùa. Nếu không có người ở chùa, thông báo cho nam cư sĩ. Nếu tỳ khưu, hoặc sa di, hoặc người ở chùa, hoặc nam cư sĩ đều không có, nên sắp xếp cái giường lên trên bốn hòn đá, rồi đặt cái giường lên trên cái giường, đặt cái ghế lên trên cái ghế, còn sàng tọa nên chất thành đồng ở phía bên trên, nên thu xếp các đồ vật bằng gỗ và các đồ vật bằng đất nung, nên đóng lại cửa lớn và cửa sổ, rồi mới nên ra đi.

Nếu trú xá bị đột nước mưa, nên lợp lại nếu có nỗ lực hoặc nên thực hiện sự nỗ lực (nghĩ rằng): "Trú xá có thể được lợp thế nào đây?" Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp; nếu không đạt được, tại vị trí nào không bị nước mưa đột thì tại chỗ đó nên sắp xếp cái giường lên trên bốn hòn đá, rồi

đặt cái giường lên trên cái giường, đặt cái ghế lên trên cái ghế, còn sàng tọa nên chất thành đồng ở phía bên trên, nên thu xếp các đồ vật bằng gỗ và các đồ vật bằng đất nung, nên đóng lại cửa lớn và cửa sổ, rồi mới nên ra đi. Nếu toàn bộ trú xá đều bị nước mưa dột, nên mang sàng tọa vào làng nếu có nỗ lực hoặc nên thực hiện sự nỗ lực (nghĩ rằng): "Làm thế nào để sàng tọa có thể được mang vào làng đây?" Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp; nếu không đạt được, nên sắp xếp cái giường lên trên bốn hòn đá ở ngoài trời, rồi đặt cái giường lên trên cái giường, đặt cái ghế lên trên cái ghế, còn sàng tọa nên chất thành đồng ở phía bên trên. Nên thu xếp các đồ vật bằng gỗ và các đồ vật bằng đất nung. Nên lấy cỏ hoặc lá phủ lên, rồi mới nên ra đi (nghĩ rằng): "Có lẽ các thứ này có thể được tồn tại."

Này các tỳ khưu, đây là phận sự của các tỳ khưu xuất hành, các tỳ khưu xuất hành nên thực hành đúng đắn theo như thế.

PHẬN SỰ TÙY HỖ:

[420] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu không tùy hỷ ở chỗ thọ thực. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao các sa-môn Thích tử lại không tùy hỷ ở chỗ thọ thực?

Các tỳ khưu đã nghe được dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng:

- Này các tỳ khưu, ta cho phép tùy hỷ ở chỗ thọ thực.

[421] Sau đó, các tỳ khưu đã khởi ý điều này: "Vị nào sẽ tùy hỷ ở chỗ thọ thực?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức

Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng:

- Này các tỳ khưu, ta cho phép các tỳ khưu trưởng lão tùy hỷ ở chỗ thọ thực.

[422] Vào lúc bấy giờ, có bữa trai phạn dâng đến hội chúng của nhóm người nọ. Đại đức Sāriputta là trưởng lão của hội chúng. Các vị tỳ khưu (nghĩ rằng): "Đức Thế Tôn đã cho phép vị tỳ khưu trưởng lão tùy hỷ ở chỗ thọ thực" nên để đại đức Sāriputta ở lại mỗi một mình rồi ra đi. Khi ấy, đại đức Sāriputta đã làm hoan hỷ những người ấy rồi đã đi về mỗi một mình sau cùng. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy đại đức Sāriputta mỗi một mình đang đi lại từ đằng xa, sau khi nhìn thấy đã nói với đại đức Sāriputta điều này:

- Này Sāriputta, chắc hẳn bữa thọ thực đã được tốt đẹp?

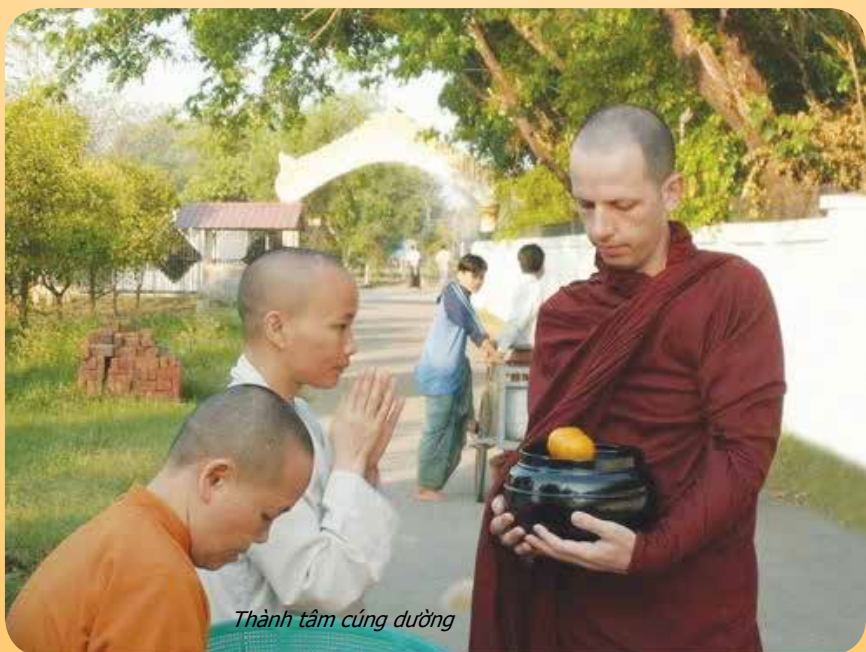
- Bạch ngài, bữa thọ thực đã được tốt đẹp tuy nhiên các tỳ khưu đã để con ở lại mỗi một mình và ra đi.

Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng:

- Này các tỳ khưu, ta cho phép bốn hay năm vị tỳ khưu trưởng lão hoặc các vị kế tiếp chờ đợi ở chỗ thọ thực.

[423] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu trưởng lão nọ trong lúc chờ đợi (để tùy hỷ) muốn đại tiện. Trong lúc cố nín phân lại, vị ấy đã bị choáng váng và ngã xuống. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Này các tỳ khưu, ta cho phép ra đi khi có việc cần làm sau khi đã thông báo cho vị tỳ khưu kế bên (còn tiếp). ●



Thành tâm cúng dường



NỘI QUY BAN TĂNG SỰ TRUNG ƯƠNG

CHƯƠNG VIII TRỤ TRÌ - BỔ NHIỆM TRỤ TRÌ

ĐIỀU 41: Tại mỗi đơn vị cơ sở Tự, Viện có Tăng, Ni cư trú, Ban Trị sự Phật giáo cấp Tỉnh bổ nhiệm Trụ trì. Trụ trì là người thay mặt Giáo hội quản lý, điều hành các hoạt động của cơ sở Tự, Viện theo đúng Chánh pháp, Hiến chương Giáo hội và pháp luật Nhà nước. Về mặt luật pháp, trụ trì là người chủ hộ, chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hoạt động Phật sự tại cơ sở Tự, Viện.

ĐIỀU 42: Cơ sở Tự, Viện tại các địa phương do Ban Trị sự Phật giáo cấp Tỉnh và Ban Đại diện Phật giáo cấp Huyện quản lý theo quy định tại điều 16, 17, 18 chương V của Nội quy này. Quyền hạn và nhiệm vụ trụ trì được đặt trong phạm vi lãnh đạo của Ban Thường trực Ban Trị sự Phật giáo cấp Tỉnh hoặc Ban Đại diện Phật giáo cấp Huyện về mọi mặt tại cơ sở đó. Những cơ sở đã có trụ trì nhưng chưa có quyết định bổ nhiệm trụ trì, Ban Trị sự Phật giáo cấp Tỉnh ra quyết định hợp thức hóa trụ trì cho cơ sở đó.

ĐIỀU 43: Những cơ sở Tự, Viện khuyết nhiệm trụ trì, tùy theo tình hình cơ sở đó, được giải quyết trong 3 trường hợp:

1. Trường hợp Giáo hội có đủ nhân sự là Tăng hay Ni để bổ nhiệm trụ trì thì sẽ bổ nhiệm Tăng hay Ni (có hộ khẩu thường trú) trong địa phương thuộc phạm vi Tỉnh, Thành phố liên hệ cơ sở đó.

Chỉ có Ban Thường trực Ban Trị sự Phật giáo cấp Tỉnh mới có thẩm quyền ra quyết định bổ nhiệm trụ trì, thông qua ý kiến đề xuất của Ban Đại diện Phật giáo cấp Huyện sau khi tham khảo ý kiến Tăng, Ni, Phật tử nội bộ cơ sở Tự viện đó; nếu có liên hệ các Hệ phái, thì phải được sự thống nhất đồng bộ của chư vị Giáo phẩm Hệ phái.

Quá trình tiến hành thủ tục bổ nhiệm trụ trì phải đăng ký với chính quyền ở cấp Tỉnh (nếu bổ nhiệm ra khỏi Quận, Huyện cư trú) hoặc chính quyền Quận, Huyện (nếu bổ nhiệm trong cùng Quận, Huyện).



Sau khi được sự thống nhất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, Ban Thường trực Ban Trị sự Phật giáo cấp Tỉnh sẽ ban hành quyết định bổ nhiệm trụ trì.

Việc bổ nhiệm Trụ trì cần có sự lựa chọn những Tăng, Ni với những tiêu chuẩn như sau: Về Phật học, có trình độ Tốt nghiệp Trung cấp Phật học; về thể học, tốt nghiệp Phổ thông Trung học (tú tài) trở lên; về mặt đạo, đã thọ giới Tỳ kheo ít nhất là 5 năm (hoặc có hạ lạp từ 5 năm) trở lên, có tăng phong phẩm hạnh và đơn phát nguyện trụ trì.

2. Trong trường hợp cần thiết phải bổ nhiệm nhân sự Tăng hay Ni từ Tỉnh, Thành phố này đến trụ trì cơ sở Tự, Viện thuộc Tỉnh, Thành phố khác phải có sự trao đổi nhất trí giữa Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam với Ban Thường trực Ban Trị sự Phật giáo cấp Tỉnh, các cơ quan chức năng chính quyền Tỉnh, Thành phố liên hệ (nơi đi và nơi đến) và Ban Thường trực Ban Trị sự Phật giáo cấp Tỉnh nơi đến ký Quyết định bổ nhiệm trụ trì.

Trường hợp Tăng hay Ni là giáo phẩm của Giáo hội truyền chuyển vùng sinh hoạt tôn giáo hoặc bổ nhiệm công tác, Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam sẽ tham khảo ý kiến Ban Thường trực Ban Trị sự Phật giáo cấp Tỉnh và đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tại địa phương đối với việc bổ nhiệm trụ trì hoặc giới thiệu đương sự di chuyển vùng sinh hoạt tôn giáo theo điều 23 chương III Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo và điều 18, 19 mục 6 chương III Nghị định số 22/2005/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Ban Trị sự Phật giáo cấp Tỉnh có quyền ra quyết định bãi miễn và thu hồi quyết định bổ nhiệm Trụ trì đối với cơ sở Tự, Viện khi vị trụ trì cơ sở đó vi phạm Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam và Pháp luật Nhà nước.

4. Trường hợp không có nhân sự là Tăng hay Ni để bổ nhiệm trụ trì thì do Ban Đại Diện Phật giáo cấp Huyện nơi đó triệu tập phiên họp, lập các thủ tục theo luật định, đăng ký với cơ quan Nhà nước cùng cấp để bầu cử cư sĩ Phật tử thuộc Tự, Viện đó đại diện Tự, Viện làm nhiệm vụ quản lý điều hành cơ sở Tự, Viện, theo hai trường hợp:

a) Nếu cơ sở Tự, Viện có tín đồ Phật giáo thì bầu cử một Ban Hộ Tự gồm 5 thành viên: Một Trưởng ban, một Phó ban, một Thư ký, một Thủ quỹ và một Kiểm soát. Chức năng của Ban Hộ tự là đại diện cho tín đồ Phật giáo, đảm nhận vai trò quản lý, điều hành sinh hoạt tín ngưỡng tại cơ sở Tự, Viện



theo đúng đường lối, chủ trương của Giáo hội Phật giáo Việt Nam và chịu trách nhiệm về các sinh hoạt tại cơ sở Tự, Viện trước Ban Đại diện Phật giáo cấp Huyện, Ban Trị sự Phật giáo cấp Tỉnh và trước pháp luật Nhà nước.

b) Nếu xét thấy không cần lập Ban Hộ tự, thì thành lập Ban Trụ trì lâm thời do ban Đại diện Phật giáo cấp Huyện quản lý và hỗ trợ về mặt tín ngưỡng cho đến khi bổ nhiệm được Trụ trì.

5. Những cơ sở Tự, Viện đã có trụ trì được giải quyết theo các trường hợp:

a) Không lập Ban Hộ tự.

b) Nếu trước đây đã thành lập Ban Hộ tự do chưa có Trụ trì, sau khi bổ nhiệm trụ trì thì Ban Hộ tự hết chức năng và nhiệm vụ đã được phân công.

c) Đối với các chùa Nam tông (Nam tông Khmer và Nam tông Kinh), theo truyền thống của Hệ phái thì Ban Trị sự Phật giáo cấp Tỉnh ban hành quyết định công nhận Ban Quản trị chùa.

6. Đối với các Tổ Đình hay cơ sở lớn của các Tổ chức, Hệ phái thì có thể bổ nhiệm 01 Ban Quản Trị gồm Viện chủ, Trụ trì, Phó Trụ trì v.v...

7. Đối với Phật giáo Nam tông (Nam tông Khmer, Nam tông Kinh) thực hiện theo truyền thống Hệ phái.

8. Theo Pháp lệnh Tín ngưỡng Tôn giáo, các Tăng, Ni từ địa phương này đến địa phương khác để thực hiện các hoạt động Phật sự và ngược lại, phải được sự chấp thuận của cơ quan cấp Huyện trước khi cho cư trú tại địa phương. Ban Đại diện Phật giáo cấp Huyện phải trình Ban Thường trực Ban Trị sự Phật giáo cấp Tỉnh tri tường để thống nhất trong việc quản lý chung.

ĐIỀU 44: Bất động sản của cơ sở Tự, Viện là tài sản của Giáo hội theo quy định tại điều 49 chương XI Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam và được Pháp luật bảo hộ (Còn tiếp).●

Phương pháp Thiền sư *Achaan Maha Boowa*

Thiền Minh dịch
(tiếp theo & hết)

Những điều ước mơ không thành tựu cũng thuộc và nằm trong thân này. Áo giặc về con người và pháp hành [17] là ảo giác về thân này. Chấp thủ về con người và pháp hành là sự chấp thủ về thân này. Sự phân biệt con người và pháp hành là sự phân biệt của thân này. Sự tham đắm về tình yêu và hận thù là sự tham đắm về thân. Không muốn chết là sự lo lắng về tấm thân này - khi một người qua đời, bạn bè, thân nhân khóc lóc, thương tiếc là vì thân này. Sự thất vọng và đau khổ từ ngày chào đời cho đến chết cũng vì thân này. Ngày lẫn đêm người và vật chạy theo con đường này và thành từng đoàn, tìm kiếm thức ăn và nơi ở cũng vì bản chất của thân.

Nguyên nhân lớn lao trong thế gian này là bánh xe cuốn hút người và vạn vật theo nó mà không bao giờ để họ mở mắt nhìn sự việc chín chắn theo bản chất tự nhiên của nó; nó giống như ngọn lửa đang thiêu đốt họ liên tục. Thân xác là nguyên nhân của mọi việc. Chúng sinh gặp phải vô số phiền não cho đến khi họ hoàn toàn không thể thoát ra khỏi hoàn cảnh này, cũng bởi vì thân. Nói tóm lại, toàn bộ câu chuyện trong thế gian này là những điều có liên quan về tấm thân lẻ loi này.

Khi quán chiếu thân bằng phương pháp được trình bày trước đây là trí tuệ, nó sẽ trở nên nhàm chán về thân của mình lẫn thân người khác và thú vật. Điều này sẽ giảm bớt sự thích thú của hành giả đối với thân xác, và như vậy sẽ từ bỏ sự chấp thủ về thân và đoạn trừ nó. Cùng lúc đó hành giả sẽ biết thân và toàn bộ những phần của nó thực sự là cái gì, và hành giả không còn tham đắm tình yêu và hận thù với thân xác của người khác nữa.

Trong khi dùng ánh sáng trí tuệ để quán chiếu thân, tâm có thể nhận biết được bản thân của mình và rồi hiểu tâm người khác, cũng như những loài cầm thú khá rõ ràng, cho đến khi nào hành giả thấy nhiều chi tiết hơn là tất cả thân thể được phân chia thành ba phần (là tam tướng: vô thường, khổ não, vô ngã) và chia thành bốn yếu tố (là tứ đại: đất, nước, gió, lửa). Từ đầu đến cuối mỗi phần của thân thể đều là

như vậy. Thậm chí nhà vệ sinh và nhà bếp được hành giả quán chiếu bằng "thân" này.

Ai có thể quán chiếu tinh thông thân thể theo phương pháp này thì có thể được tôn xưng giống như một người am tường thế gian và hiểu biết tất cả mọi lãnh vực của cuộc sống. Để quán chiếu rõ phạm vi "trung âm" từ đầu đến cuối, tất cả tam giới này là nhờ quán chiếu theo phương pháp thật mọi thứ trong phạm vi của "thân" và cuối cùng quán chiếu tất cả hoài nghi đối với thân thể, điều này được gọi là sắc pháp.

Bây giờ chúng ta tiếp tục thảo luận về tuệ giác uyên thâm mà nó phát sinh từ thiền định liên quan với danh pháp. Danh pháp gồm có: thọ, tưởng, hành và thức - bốn phần này thuộc năm uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức). Hành giả không nhìn thấy chúng bằng mắt mình được, mà có thể cảm nhận chúng bằng tâm thức. Chính xác hơn bốn uẩn này được định nghĩa như sau:

Thọ (vedana) nghĩa là những cảm giác được hành giả cảm nhận bằng tâm đôi khi nó là thọ vui, thọ khổ và thọ trung tính.

Tưởng (sanna) nghĩa là ý thức và bao gồm ghi nhớ và hồi tưởng.

Hành (sankhāra) nghĩa là tâm hành, ý hành và những sự liên hệ của tâm đối với những đối tượng ngoại trừ đặc tính cảm giác và sự nhận thức.

Thức (vinnāna) là tâm thức hay sự cảm nhận về sắc, thanh, hương, vị, xúc, là những ấn tượng thuộc về tâm thức, ngay giây phút đó khi những đối tượng này tiếp xúc với mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý một cách tương ứng.

Bốn danh pháp này là những hoạt động của tâm, phát xuất từ tâm, có thể cảm nhận trong tâm, và nếu như tâm vẫn còn phóng túng thì chúng là những kẻ lừa dối của tâm, và do đó chúng là những thứ có thể làm lu mờ chân lý.

Sự thẩm sát bốn danh pháp này hành giả phải thực hiện bằng trí tuệ, và toàn bộ trong thuật ngữ

thuộc về tam tướng, chúng luôn thay đổi trong bất kỳ hình thức gì, những uẩn này luôn luôn có sự hiện diện của tam tướng trong phạm vi của chúng. Nhưng khi sự thẩm sát những uẩn này, hành giả có thể làm như vậy một cách đơn độc hoặc là thực hiện bất kỳ một trong tam tướng nào khi hành giả muốn, hoặc là hành giả có thể thẩm sát tất cả chúng với nhau, bởi vì mỗi cái trong uẩn và mỗi cái trong tam tướng là những khía cạnh của chánh pháp mà nó được liên kết và quan hệ với nhau. Như vậy nếu hành giả chỉ thẩm sát một trong năm uẩn hoặc một trong tam tướng thì nó sẽ đưa hành giả đến để hiểu biết và thấy được sự uyên thâm và đầy đủ trong tất cả những uẩn và các tướng còn lại, dường như hành giả muốn thẩm sát tất cả chúng với nhau cùng một lúc, bởi vì tất cả chúng có những chân lý cao cả như là biên giới, lãnh thổ của chúng, và giống như điều đó thì thích hợp cho chúng. Bởi vì bất cứ khi nào hành giả nhìn vào tam tướng về ngũ uẩn, hành giả thấy được tứ diệu đế. Điều đó giống như ăn thực phẩm, nó xuống bao tử, sau đó thẩm vào những phần của thân thể, tất cả những vùng mà thích hợp cho nó.

Một người tu tập thiền định phải có tâm chánh niệm và trí tuệ để gần gũi và quen thuộc với danh pháp - đó là tứ uẩn. Tứ uẩn này luôn luôn thay đổi bởi vì chúng xuất hiện trong một khoảng thời gian, rồi biến mất hoặc đoạn diệt; vì là vô thường nên chúng cũng đau khổ và vô ngã. Đây là tính cách mà chúng muốn phô bày và nói lên bản chất thật của chúng, nhưng chúng chẳng bao giờ có thời gian để dừng lại và quán chiếu nó. Chúng không bao giờ có thời gian để an lạc, thậm chí trong một giây phút. Từ ngoại cảnh cho đến nội tâm, ở khắp mọi nơi, suốt mọi lãnh vực, chúng nhất trí cho thấy rằng đều là vô thường, và vì thế có khổ và vô ngã, và đó là điều chúng khước từ lòng tham muốn, có nghĩa là chúng không có người làm chủ. Chúng muốn nói lên rằng, chúng luôn luôn tự tại và không có sự ràng buộc, và bất cứ ai còn si mê và chấp thủ vào chúng thì chỉ gặp đau khổ, thất vọng, buồn chán chứa đầy trong lòng cho đến lúc cuối cùng. Nước mắt đau khổ của người ấy giống như con sông ngập lụt; điều này vẫn tiếp tục như vậy mãi mãi và trong khi làm người vẫn còn si mê và đầy sự trói buộc. Tuy vậy, người không dễ dàng biết rằng những uẩn đó là biến lệ cho bất cứ ai còn si mê.

Việc thẩm sát tất cả uẩn và những khía cạnh của thân hoặc pháp của tự nhiên, với trí tuệ chơn chánh để biết chúng một cách rõ ràng, hạn chế tối đa sự đau khổ và giảm bớt tiến trình tái sinh. Thậm chí người cũng có thể đoạn trừ chúng hoàn toàn trong tâm, để người ấy có thể cảm nhận được hạnh phúc chơn chánh.

Pháp của tự nhiên chẳng hạn như những uẩn, là thuốc độc cho những ai vẫn còn chìm đắm trong si mê, nhưng đối với một người thật sự biết rõ những uẩn và pháp trong tự nhiên thì không bị nguy hại

bởi chúng và có thể đạt được những giá trị từ chúng bằng những đường lối thích hợp. Nó giống như một nơi có nhiều bụi gai đương mọc lên; chúng có thể gây nguy hiểm cho bất cứ ai không biết chúng nằm ở đâu và họ bị vướng vào chúng. Nhưng một số người khác biết rõ chúng và dùng chúng làm hàng rào cho một nơi ở, như vậy người đó đã tạo được lợi ích cho mình vì đã sử dụng chúng đúng cách. Vì vậy một người tu tập thiền định phải khôn khéo kết hợp giữa những uẩn và pháp trong tự nhiên.

Khi thực hành sâu sắc, hành giả đang thực hiện việc tu tập sẽ hoàn toàn bị lôi cuốn trong việc tìm kiếm bản chất thật của những uẩn và giáo pháp. Hành giả hầu như không có thời gian để nghỉ ngơi và ngủ bởi vì sức mạnh tinh tiến khiến hành giả không muốn dừng nghỉ mà lao vào việc thẩm sát bằng con đường trí tuệ một cách tự nhiên.

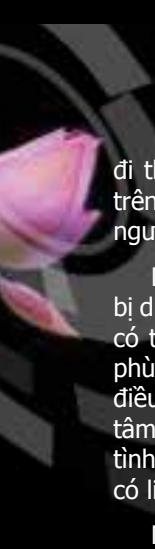
Nhờ trí tuệ thấu hiểu chân lý, tâm hành giả trở nên trong sạch, hành giả thấy được bản chất như thật của giáo pháp ở khắp mọi nơi, thấy được phiền não và ái dục trong bất cứ hình thức nào, điều này không thể có được đối với người thiếu trí.

Sự so sánh sau đây có thể giúp hành giả làm sáng tỏ điều này. Giả sử như tên trộm đánh cắp một vài món đồ, những món đồ đó bị dơ bẩn do bởi có liên quan với tên trộm. Nhưng chính quyền cần thận điều tra vụ án cho đến khi họ có đầy đủ nhân chứng và vật chứng, họ thỏa mãn biết rằng những món đồ bị đánh cắp và chúng đã được hoàn lại cho người chủ cũ hoặc cất một nơi an toàn để không có ai bị nghi ngờ là có liên quan với chúng. Sau đó chính quyền không còn quan tâm đến những món đồ bị đánh cắp, nhưng họ chỉ xử lý việc phạm tội của tên trộm. Như vậy họ phải có bằng chứng để buộc tội tên trộm và bắt giữ anh ta rồi xử anh ta theo luật pháp. Khi có chứng cứ thật sự về tội lỗi của anh ta, tòa án sẽ buộc tội anh ta theo luật pháp, và những người không liên quan thì được trả tự do, như trước khi họ đã bị vu oan.

Tâm vô minh và các pháp ở thế gian thì đều giống như sự so sánh này, bởi vì những uẩn và các pháp thế gian thì không có trách nhiệm về sự lầm lẫn và hoàn toàn thoát khỏi những phiền não, và ác đạo, nhưng những uẩn và các pháp thế gian đều có liên quan với tam giới, bởi vì tâm hoàn toàn bị sức mạnh của vô minh khống chế, tự nó không biết được câu trả lời cho câu hỏi: "vô minh là gì?"

Vô minh và tâm là một và đó là cái tâm hoàn toàn bị vô minh dẫn dắt tạo nên yêu thương và hận thù được chôn giấu trong tứ đại và ngũ uẩn - đó là sắc, thanh, hương, vị, xúc, và ở trong mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và tâm. Nó cũng ẩn chứa tình yêu và hận thù qua sắc, thọ, tưởng, hành, thức trong khắp tam giới. Đó là vạn pháp mà tất cả những hình thức trên đều bị chấp thủ vào, và thương yêu hận thù cũng đến từ tâm si mê này, tâm đó đã bám víu và chấp thủ chúng.

Do bởi sức mạnh chấp thủ và bám víu, tâm vô minh



đi thăng thang qua sinh, lão, bệnh, tử, và đi mãi mãi trên con đường này trong suốt mỗi kiếp sống, bất kể người sang hèn, tốt xấu, khắp cả tam giới này.

Những hình thức tái sanh khác nhau mà chúng sanh bị dính mắc vào tam giới thì vô tận, tuy vậy tâm vô minh có thể dính mắc vào bất cứ cảnh giới nào khi tái sinh phù hợp với những điều kiện của tâm và phụ thuộc vào điều kiện yếu hoặc mạnh, xấu tốt của chúng. Rồi cái tâm này sẽ đi tái sanh ở những tình huống mà những tình huống đó dẫn đến một môi trường phù hợp với tâm có liên hệ đến.

Như vậy tâm dần dần thay đổi khác với bản chất thật của nó, vì do bởi sức mạnh của vô minh và nó bắt đầu làm dơ bẩn và nhuộm màu cho mọi vật trong thế gian này bằng tính cách giả dối, như vậy nó đang làm thay đổi bản chất tự nhiên. Nói một cách khác, tứ đại thay đổi và trở thành người và súc vật, và rồi có sinh, lão, bệnh, tử, phù hợp với ảo giác thường còn và sự vô minh của con người.

Khi hành giả hiểu rõ sự việc bằng trí tuệ, ngũ uẩn và các pháp thế gian không phải là vấn đề chính, mà cũng không phải là điều khởi đầu của vấn đề, nhưng chúng có liên hệ với vấn đề do bởi sự vô minh, quyền lực và sức mạnh tạo nên vấn đề, lôi cuốn tất cả hiện tượng và bản chất tự nhiên này, rồi trí tuệ sẽ tìm kiếm nguồn gốc của tất cả, đó là nguồn gốc của tất cả vấn đề đã phát sinh vô tận, và trí tuệ đã đánh mất niềm tin vào tri kiến này mà nó nằm trong tâm. Trí tuệ đã thể nhập vào sự kiện mà "tâm biết" vẫn còn đầy vô minh và đó là tâm thường suy nghĩ sai lạc.

Bây giờ khi hành giả có chánh niệm và trí tuệ đã được phát huy do sự rèn luyện lâu dài, chánh niệm và trí tuệ có thể thâm nhuần và thể nhập thẳng vào "tâm". Mặc dù tâm thì đầy vô minh và sẵn sàng để chiến đấu chống lại trí tuệ, sự vô minh này không còn có thể chịu nổi với "thanh kiếm kim cương", với tâm chánh niệm và có trí tuệ, sự vô minh biến mất khỏi tâm mà nó được từng tồn vinh trong nhiều thời đại.

Ngay khi vô minh bị đoạn trừ và biến mất do bởi sức mạnh siêu phàm của tuệ đạo [20], nó là vũ khí chân chánh được dùng cho thời điểm này, toàn bộ chân lý đã bị ngăn chặn và bao phủ do vô minh trong vô số kiếp, bây giờ đã được mở ra và khám phá như là những món "đồ đã bị đánh mất" [21] hoặc như là chân lý hoàn hảo. Giáo pháp mà hành giả chưa được biết trước đây, cuối cùng đã xuất hiện như là tri giác và tuệ giác ở mỗi pháp - mà hành giả đã khám phá được mà không còn bị che giấu hoặc bị trở ngại.

Khi vô minh đã bị vũ khí của tuệ giác tiêu diệt, Níp-bàn sẽ sáng tỏ đối với những ai thực hành đúng như thế, hiểu biết đúng như thế, và nhận thức đúng như thế - không có cách nào khác hơn nữa.

Tất cả chơn đế từ năm uẩn hoặc những cảm xúc nội và ngoại [22] cho đến toàn bộ khắp thế gian là pháp bảo đã được hành giả khám phá chân tướng của nó.

Như vậy chẳng còn có một điều gì có thể phát sinh như một kẻ thù trong tâm của hành giả trong tương lai - ngoại trừ sự thăng trầm của ngũ uẩn mà hành giả cần phải theo dõi cho đến khi chúng đạt đến cuối cùng của bản chất chẳng có điều gì khác hơn nữa.

Như vậy toàn bộ vấn đề là sự vô minh "sự hiểu biết sai trái" mà mãi mãi quấy phá và cản trở những điều kiện tự nhiên, để chúng được thay đổi khỏi tình trạng tự nhiên của chúng. Chỉ cần đoạn trừ vô minh, thế gian - có nghĩa là bản chất tự nhiên của vạn vật - trở nên bình thường và chẳng còn có một điều gì để đổ lỗi hoặc chỉ trích. Sự việc này như thế là một tên cướp đã bị cảnh sát tiêu diệt, và sau đó những người dân thành phố có thể sống hạnh phúc và không còn phải lo lắng sợ hãi. Rồi tâm có sự hiểu biết, nhận thức và đi theo chân lý của tất cả pháp chân đế, và tri kiến này được quân bình và không còn thiên kiến về một mặt nào.

Kể từ ngày vô minh bị đoạn trừ ra khỏi tâm, nó sẽ không còn lại trong ý nghĩ, thiền định, hiểu biết, và nhận thức thể nhập vào chân đế đều được kết hợp với tâm. Mắt, tai, mũi v.v., và sắc, thính, hương v.v. như vậy chúng biến mất ra khỏi bản chất tự nhiên của chúng, mà không bị đè nén hoặc bị trói buộc, mà cũng không đẩy mạnh và khuyến khích do bởi tâm theo như thường lệ. Bởi vì tâm bây giờ ở trong một trạng thái của pháp và thanh thản, nó vô tư với mọi thứ cho nên nó sẽ không còn bất cứ kẻ thù nào nữa. Điều này có nghĩa là tâm và các pháp trong vũ trụ hòa hợp trong một trạng thái hết sức an lạc và vắng lặng do bởi giá trị chân lý hoàn hảo.

Công việc của tâm và tuệ giác thể nhập vào danh pháp đi kèm với tâm được kết thúc ở điểm này.

Tôi muốn xin lỗi với những ai tu tập vì mục đích loại trừ phiền não bằng cách thực hành giáo pháp của đức Phật, và những ai đã tìm thấy lời giải thích này khác biệt với những điều mà quý vị đã tu tập. Nhưng hành giả cũng phải biết rằng pháp trong tất cả kinh điển cổ của Phật giáo cũng vạch rõ vào những sự phiền não và pháp nằm trong nó, bởi vì hành giả đừng nghĩ rằng phiền não và pháp được che giấu ở một chỗ nào khác, ở bên ngoài, tách rời khỏi nó.

Người có giáo pháp sẽ có tâm vững chắc và không còn bị ràng buộc, bởi vì giáo pháp của đức Phật dạy cho mỗi người chúng ta, được sử dụng và cảm nhận trong mọi tâm của chúng ta. Hành giả đừng bao giờ nghĩ rằng giáo pháp của Phật là vấn đề của quá khứ và tương lai và nó chỉ liên hệ với những ai chết hoặc chưa ra đời. Hành giả phải nhận thức rằng đức Phật đã không dạy cho những ai đã chết hoặc những người chưa được sanh ra. Ngài chỉ dạy cho người ở hiện tiền và cho những người còn sống như chúng ta, bởi vì bản chất của Phật giáo là hiện hữu trong hiện tại và luôn luôn là một vấn đề của hôm nay.

Cầu xin cho tất cả chúng sinh được hạnh phúc, và cầu xin phước báu cho tất cả những ai đọc và nghe bài pháp này. ●



Sắc pháp được dịch từ phạn ngữ Pāli Dhammarūpa là một phần trong bốn phần pháp chân đế: Tâm (citta), sở hữu tâm (cetasika), sắc pháp (dhammarūpa) và níp bàn (nibbāna).

Vậy Dhammarūpa - sắc pháp có nghĩa lý như thế nào? chúng ta cùng tìm hiểu!

* Sắc pháp: là pháp có bản thể thật gồm nhiều thành phần vật chất vô tri, hay thể chất vô tri giác hằng tiêu hoại đổi thay, hoặc có đặc tính tính cách thay đổi và hoại diệt. Trong đó, ta phải cảm nhận hoặc có thể thấy, mới nhận hiểu các phần tử vật chất đó rất rất nhỏ, có thể quan sát hoặc cảm nhận được.

Nói theo tính cách khoa học, là hàm chứa cả về vật lý ẩn bên trong phần tử vật chất đó.

Như: một sắc có ít nhất 8 thành phần sắc cộng lại là sắc đất, sắc nước, sắc lửa, sắc gió (địa, thủy, hoả, phong), sắc cảnh sắc, sắc cảnh khí, sắc cảnh vị và sắc vật thực (nội).

* Về sự tiêu hoại đổi thay:

"Tâm qua 17, sắc nhào một khi". Ở đây là nói đến sự tồn tại của một sắc (pháp) được tính nương theo phần tâm (citta) sanh diệt = 17 sát na thì sắc pháp sanh diệt một lần (17 sát na x 3 (sát na tiểu: sanh, trụ, diệt) = 51 sát na tiểu).

Điều cần biết là dòng tâm thức diệt sanh rồi sanh diệt là vô cùng nhanh hay diễn biến cực kỳ mau lẹ. Theo chú giải một khảy núng tay, tâm sanh diệt 1.666.666.666 cái, ta hình dung đủ chậm 17 lần so với tâm, nhưng cũng quá đủ để thấy sắc pháp hoại tiêu đổi thay nhanh như thế nào.

Ngoài ra, sắc pháp biến hoại thay đổi do tác động ảnh hưởng bởi: nghiệp (kamma), tâm (citta), quý tiết (utujarūpakalāpa) và vật thực (āhājarūpakalāpa).

Cách hằng tiêu hoại biến đổi của thành phần vật chất vô tri giác này (sắc pháp) chịu sự chi phối bên trong thân, bên ngoài thân của bốn nhân tố: sắc nghiệp + sắc tâm + sắc quý tiết + sắc vật thực.

Sắc pháp cùng danh pháp là hai yếu tố kết hợp cấu tạo thành sự luân chuyển cho một kiếp sống chúng sanh trong cõi hữu tâm, hữu sắc, hoặc riêng phần sắc pháp thì hiện hữu cả 27 cõi hữu sắc.

Sắc pháp Dhammarūpa, ta phải thẩm nghiệm phân biệt và cảm nhận biết cho thật kỹ, bởi dễ nhận định lệch đi, hay sai lầm giữa chơn đế và tục đế, giữa siêu lý và chế định, vì sắc pháp vừa thực tế vừa vi tế. Sự nhận xét này, ta xem phần chú giải phân định về sắc pháp như sau:

Sắc Pháp (DHAMMARŪPA)

Tk. Giác Tuệ

* Một hạt bụi rất nhỏ mà mắt thường (ý nói mắt của ta) có thể nhìn thấy được qua luồng ánh sáng gọi là Ratharina.

* Một ratharina có thể phân ra làm 16 tājjaris.

* Một tājjaris lại đem phân ra làm 16 Anu.

* Một Anu tiếp tục phân ra làm 16 Paramanu.

Một hạt bụi nhỏ ta nhìn thấy được bao gồm bởi 4096 paramanu.

Tóm tắt:

1 hạt bụi rất nhỏ = 1 ratharinu.

Lấy 1 ratharinu phân ra 16 = 1/16 tājjaris.

Lấy 1/16 tājjaris phân ra 16 = 1/256 Anu.

Lấy 1/256 Anu phân ra 16 = 1/4096 paramanu.

Rút gọn

1 ratharinu phân ra 16 = 1/16 tājjaris; phân 16 = 1/256 Anu; phân 16 = 1/4096 paramanu

Theo các nhà khoa học hiện nay thì nguyên tử là phần tử nhỏ nhất của vật chất bất khả phân chia....., còn vào thời Đức Phật trước dương lịch 574 năm, Paramanu là một đơn vị vi tế nhất của vật chất, mà con người không thể tiếp tục phân tách ra được nữa. Nhưng với nhãn quang siêu phàm, Bạc toàn tri nhãn (Samantacakkhu) tức Nhất thể chúng trí (Sabbāññañāna) Đức Phật, Ngài đã nhìn thấy 1 Paramanu được cấu tạo bởi bốn đại hay bốn nguyên chất.

Bốn đại hay bốn nguyên chất đó là:

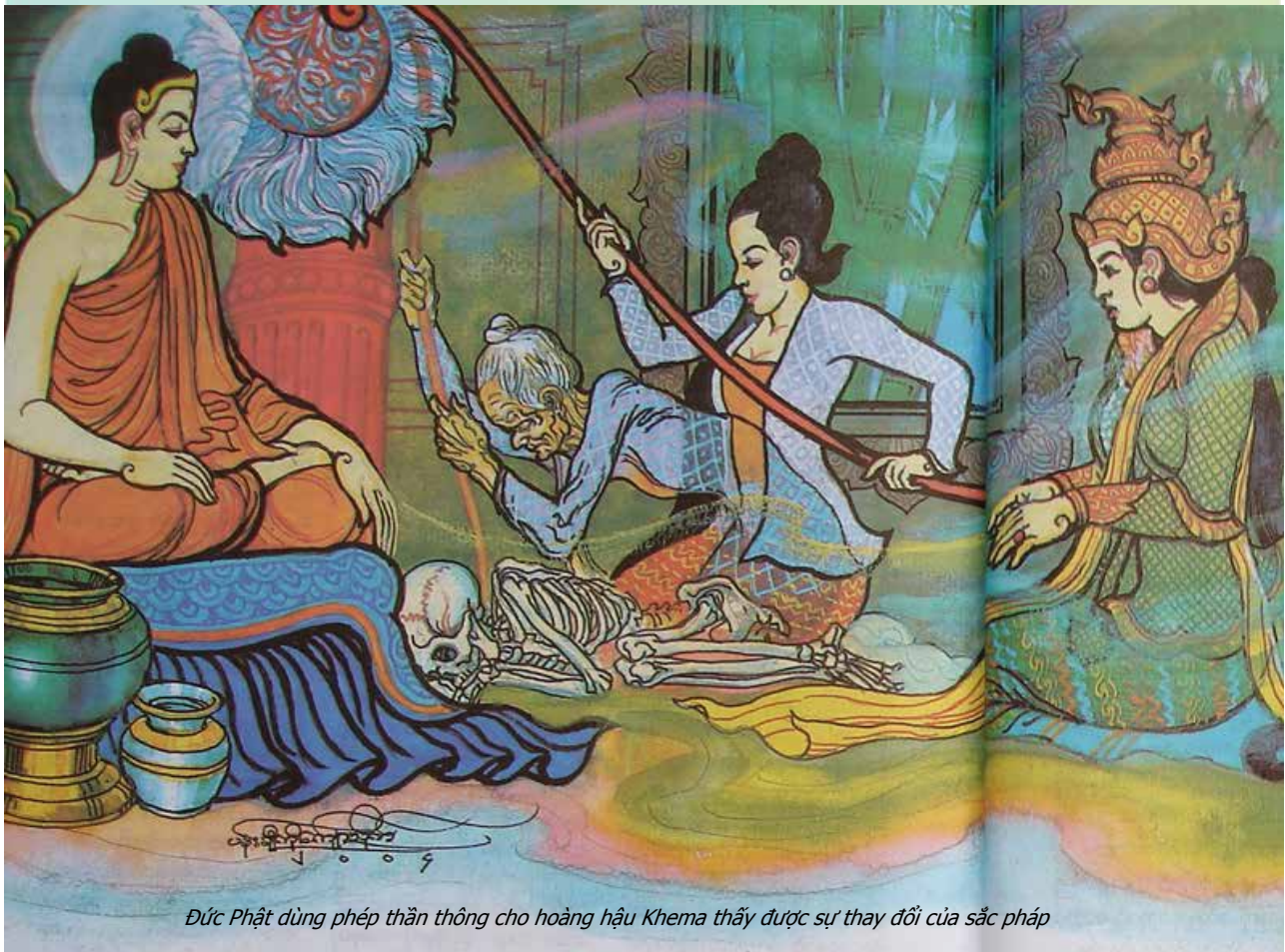
- Địa đại (sắc đất - Paṭhavī Phatu).

- Thủy đại (sắc nước - Apo Phatu)

- Hoả đại (sắc lửa - Tejo Phatu)

- Phong đại (sắc gió - Vājo Phatu)

Đồng thời nương theo bốn sắc đại trên, sinh ra



Đức Phật dùng phép thần thông cho hoàng hậu Khema thấy được sự thay đổi của sắc pháp

24 thứ sắc khác nhau gọi là sắc y đại sinh (sắc nường vào tứ đại sinh ra) loại sắc nường theo sinh ra là:

- Sắc thanh triệt có 5 sắc
- Sắc cảnh giới có 4 sắc
- Sắc tính có 2 sắc
- Sắc ý vật có 1 sắc
- Sắc mạng quyền có 1 sắc
- Sắc vật thực có 1 sắc
- Sắc giao giới có 1 sắc
- Sắc biểu tri có 2 sắc
- Sắc kỳ dị có 3 sắc
- Sắc tứ tướng có 4 sắc

Sắc nường sinh (sắc y đại sinh) = 24 sắc

Trước khi tìm hiểu đặc tính và tính năng của các thứ sắc nêu trên, ta cần biết thêm tám tính chất của sắc pháp như sau (hay cách gọi về sắc pháp có 8 ý nghĩa):

1) Pháp hiệp thể (Lokiya): là một trong năm uẩn (sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn), bởi chúng phụ thuộc (nằm trong) năm uẩn.

2) Pháp dục giới (Kāma-vācāra): do lấy hết 28 sắc, vì chúng nằm trong phạm vi của cõi dục lạc (cõi dục giới)

3) Pháp vô nhân hay pháp phi nhân (Ahetuva): vì là thành phần vật chất vô tri giác, nên không có nhân tương ứng (tham, sân, si, vô tham, vô sân, vô si).

4) Pháp hữu duyên (sappaccaya): vẫn có, hay bị tác động duyên trợ tạo, tức do nghiệp (kamma), tâm (citta), quý tiết (utu) và vật thực (āhāra) giúp tạo ra.

5) Pháp hữu vi (Sankhāra): sắc pháp bị chi phối bởi bốn nhân trợ tạo kamma, citta, utu và āhāra.

6) Pháp hữu lậu (Sāsava): là đối tượng hay cảnh của dục vọng (tứ lậu: dục lậu tức sở hữu tham, hữu lậu tức tham bất tương ứng sanh cho người sắc giới – vô sắc và người dục giới đắc thiền, tà kiến lậu tức sở hữu tà kiến và vô minh lậu tức sở hữu si).

7) Pháp vô cảnh (Anārammaṇam): ở đây ý nói không tự nhận biết cảnh, mà chỉ làm chỗ nường cho tâm thức biết cảnh, hoặc là gọi pháp phi sở duyên, chỉ làm chỗ dựa cho ý thức biết cảnh.

8) Pháp phi trừ (Appahātabba): khác với danh pháp (cần đoạn trừ phiền não), sắc pháp không thể đoạn diệt các kiết sử như phần danh pháp; tuy nhiên vẫn phải bị luật vô thường chi phối, chỉ khi "Vô dư níp bàn" thì sắc pháp tự diệt mất (không còn sanh diệt). ●

Thế giới quan Phật giáo

qua Kinh tạng Nikaya

HT. Thích Thiện Tâm
(tiếp theo & hết)

Giáo dục tứ đế, một quá trình giáo dục khoa học và nhân bản, hình thành nhân cách toàn diện con người mọi thời đại

Khi tìm hiểu giáo dục Phật giáo, tứ đế là một phần giáo lý đặc biệt quan trọng được đề cập trong hầu hết các kinh.

A. Môi tương quan giữa ngũ uẩn và tứ đế

Khi trình bày về tứ đế là Phật muốn nói đến thực trạng hiện hữu bất như ý của con người và nguyên nhân của nó trong quá trình nhận thức về thế giới và con người, đồng thời nêu bật khả năng và phương pháp tự thân con người giải quyết mọi vấn đề mà thực tiễn đem lại; nghĩa là thực trạng nguyên nhân và hậu quả, cứu cánh và phương tiện, đau khổ và hạnh phúc, mê và ngộ, thiên đường và địa ngục, Phật và chúng sanh, sanh tử và Níp bàn.... Tất cả đều tùy thuộc vào trình độ nhận thức và hoạt động của con người và xã hội loài người. Con người có thể tạo thiên đường cho chính mình và ngược lại cũng tạo địa ngục cho chính mình. Nhân quả là hai mặt tồn tại của một thực tại mâu thuẫn diễn ra trong quá trình tồn tại và đấu tranh thống nhất giữa các mặt đối lập, liên tục vận động và phát triển theo chiều của vòng tròn xoắn ốc của tự thân sự vật hiện tượng của tự nhiên, xã hội và con người và các mối quan hệ của chúng. Nói theo luận ngữ Phật giáo là nhân quả thể gian (Khổ - Tập), và nhân quả xuất thế gian (Diệt - Đạo).

B. Vấn đề nhân quả và nghiệp báo, một nội dung giáo dục quan trọng nhằm hoàn thiện nhân cách của con người

Tất cả sự vật hiện tượng của tự nhiên, xã hội và con người không phải tuần hoàn, biến dịch một

cách ngẫu nhiên, hoặc do sự tác động bởi một sức mạnh siêu nhiên nào mà phải tuân theo một quy luật chung. Đó là quy luật nhân quả. Quy luật này vận hành không phải chỉ do một yếu tố đơn thuần mà nó còn mang nhiều yếu tố phụ thuộc, nội hàm và ngoại diên. Do đó, nhân quả cũng như nghiệp báo - một định luật tác động trong, mang tính chất nhân quả của con người và mọi loài sinh vật - cũng như đều là hệ quả tất yếu xuất phát từ nguyên lý duyên khởi và mang tính vận động và tương thuộc (vô thường, vô ngã). Nhân là năng lực tác động và quả là sự hình thành năng lực tác động là trạng thái tiếp nối nhau, tương quan biện chứng của quá trình nhân => quả => nhân, không rời nhau mà tồn tại. Không gây nhân thì không gặp quả, gây nhân nào thì gặp quả ấy... định luật nhân quả đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong nghiên cứu khoa học thực nghiệm. Trên bình diện hoạt động xã hội con người và các sinh loại, luật nhân quả biến thành luật nghiệp báo (Kamma) và tác động chi phối đến toàn bộ đời sống dưới nhiều tính chất và biểu hiện vô cùng phức tạp.

Vì nhân quả mang ý nghĩa duyên sinh vô thường và vô ngã. Do đó, nếu hiểu nhân quả như một tính chất nhất định độc lập với tính duyên sinh vô ngã thì sẽ trở thành một định kiến sai lầm trong nhận thức của con người.

Đây là hệ thống giáo lý được cụ thể hóa từ giáo lý duyên sinh vô ngã, trên cơ sở lấy con người làm đối tượng nghiên cứu bằng những phương pháp nghiên cứu và thực nghiệm dựa trên nền tảng tư duy và hành động khoa học nhằm mô tả, phân tích và chứng minh tất cả nguyên nhân và hệ quả tất yếu hoặc khả hữu trong mọi tình huống và biểu hiện trong mối quan hệ giữa con người và thế giới. Tứ đế còn đề ra những biện pháp tích cực và hữu hiệu giúp con người tự giải đáp và tự giải quyết mọi vấn đề liên quan đến những mâu thuẫn và tồn tại của tự thân mỗi người,

con người với con người, con người với tự nhiên và xã hội bằng chính khả năng của con người và những con người với điều kiện khi con người và những con người đã hiểu đúng, suy nghĩ đúng, nói năng đúng và hành động đúng. Nói tóm lại là đời sống đúng theo các nguyên lý, quy luật vận hành của thế giới khách quan, tức là đạt được năng lực hiểu và làm chủ xã hội, làm chủ tự nhiên và làm chủ bản thân mình.

Như vậy, chính từ đó đã trang bị cho người một đời sống có ý nghĩa, một cuộc sống mình vì mọi người và mọi người vì mỗi người – tự lợi lợi tha (tức là sống có ích cho mình và có ích cho đời), tự giác giác tha, giác hạnh viên mãn (tức là tự mình nỗ lực đạt được trí tuệ để sống đúng và vận dụng những quy luật khách quan và giúp cho người khác cũng đạt được như thế, là đã đạt được mẫu người có nhân cách toàn diện vậy). Mẫu người như vậy có gì khác với mẫu người toàn diện mà xã hội chúng ta nỗ lực phấn đấu để thực hiện? Để kết thúc phần nghiên cứu này chúng ta hãy nghe chính đức Phật dạy: “Này các tỳ kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu bốn pháp thánh đế mà chúng ta phải luân chuyển luân hồi lâu năm, ta hỏi các người bốn thánh đế ấy là gì? Này các tỳ kheo, bốn thánh đế ấy là khổ, tập, diệt, đạo thánh đế” (kinh Đại Níp bàn – Trường Bộ III, trang 90).

Kết Luận

Tổng quan những vấn đề chúng ta thấy Phật giáo tư tưởng rất uyên áo khi đề con người và thế giới nào thì Phật giáo cũng vị trí và giá trị nhân bản qua thế giới quan

để trình bày trên có một hệ thống đề cập đến vấn đề trên bình diện đề cao vai trò, của con người duyên sinh vô

thường vô ngã của ngũ uẩn và tứ đế đem màu sắc biến chứng và lịch sử, tất cả sự vật hiện tượng đều do những yếu tố này thành lập, ly khai chúng tất nhiên không có con người và thế giới, hiểu đúng bản chất con người và thế giới để trở lại cải tạo thế giới và phục vụ cho con người cũng chính là nhiệm vụ trọng tâm của Phật giáo.

Như vậy, theo quan điểm khoa học, thế giới quan Phật giáo khẳng định vị trí và nhiệm vụ của con người, khả năng nhận thức quy luật vận hành của thế giới tự nhiên, xã hội và tư duy đều tùy thuộc vào mối quan hệ tư duy và tồn tại. Một đặc trưng then chốt là nếu không dựa trên nền tảng thế giới quan và phương pháp luận khoa học thì không thể giải thích đúng đắn vấn đề con người, hoặc sẽ biến lý thuyết triết học về con người thành công cụ lý luận cho thần học. Do đó, cần nhấn mạnh ý nghĩa tự nhận thức của con người trong việc xây dựng một hệ thống về thế giới; tư duy con người trong giải quyết vấn đề cơ bản của triết học, và đó cũng là vấn đề của Phật giáo cần quan tâm nghiên cứu và giới thiệu cho mọi người.

Trong đường hướng giáo dục của Phật giáo thời hiện đại, giáo dục Phật giáo cần chú ý phát huy chánh pháp và loại trừ tà pháp để góp phần thực hiện đường lối Giáo hội đã vạch ra là “Đạo pháp – Dân tộc – Chủ nghĩa xã hội” đây cũng thể hiện tinh thần khế lý khế cơ trong hệ thống giáo dục Phật giáo vậy. Tin tưởng nền giáo dục Phật giáo sẽ góp phần tích cực vào trong nền giáo dục quốc dân để sự nghiệp xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc sớm đạt mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh, phù hợp với tinh thần trang nghiêm Phật độ; phụng sự chúng sanh là thiết thực chư Phật vậy”. ●



Mandalay Miến Điện

Lá Cờ Phật Giáo

Phật tử Henry Stell Olcott (người Mỹ), đã sáng chế ra lá cờ Phật giáo 6 màu, vào năm 1950 và đã trở thành lá cờ Phật giáo Quốc tế.

Ông sinh năm 1832 tại Orange (Mỹ), lớn lên đi học, và thành đạt tại đại học Columbia, nhập ngũ theo lệnh động viên.

Năm 1866, ông xin xuất ngũ và theo học ngành luật rất nổi tiếng, trong thời gian này, ông nghiên cứu về Tôn giáo Á đông và chú tâm đặc biệt về Phật giáo.

Năm 1878, ông Henry Stell Olcott cùng bà Helena Petrova Elavatsky (người Nga), sang Ấn Độ, quê hương của đức Phật Thích Ca Mâu Ni Gotama, để nghiên cứu và tâm đạo. Sau 2 năm nghiên cứu ông bà nhận thấy dân Ấn Độ theo đạo Phật quá ít, đa số dân chúng đều là tín đồ của đạo Bà la môn; các Thánh tích của đức Phật đã trở thành hoang phế, có nơi bị xen lẫn với các di tích được xây dựng mới của Ấn giáo và Bà la môn giáo; do không tìm được tinh hoa, cội nguồn của chánh Pháp, hai vị đành bỏ đất Ấn, tìm sang xứ khác.

Năm 1880, họ tìm đến Tích Lan (Sri Lanka), vì ở đảo này, theo Phật sử, thì vào thế kỷ thứ III trước công nguyên, chính đức vua Asoka (A Dục vương) đã cho truyền đạo Phật đến đây. Lịch sử Phật giáo ghi rằng: Vào năm 218 công nguyên, đức vua Asoka đệ nhị (Chuyển Luân Thánh Vương) đã bảo trợ cuộc kết tập Tam tạng lần thứ 3 với 1.000 vị Thánh Tăng Alahán do ngài Đại đức Tissa chủ tọa, sau đó đức vua đã thỉnh cử 10 đoàn tăng lữ đi truyền bá chánh Pháp khắp nơi, nhất là thỉnh đức Thánh Tăng Mahinda truyền khẩu toàn bộ Tam Tạng đã được kết tập lần thứ 3 sang đảo Sri Lanka, cho xây chùa và truyền bá chánh Pháp một cách rộng rãi tại xứ này.

Ở tại Tích Lan không bao lâu, hai vị phát tâm xin qui y Tam bảo tại một ngôi chùa nhỏ ở phía Nam đảo Sri Lanka. Khi trở thành Phật tử, ông quyết tâm học hỏi, nghiên cứu Phật giáo tại đảo quốc này.

Ông nhận thấy dân chúng theo đạo Phật thì rất đông, nhưng ý chí tinh thần thì quá ư phức tạp, độn căn chậm chạp, vì thế, ông có tâm nguyện muốn



Như Liên sưu tầm

xây dựng lại tinh thần đoàn kết, hòa hợp, để tạo thành sức mạnh cho Phật giáo Tích Lan, nên ông đã cố gắng viết quyển Đạo Phật Cương Yếu bằng bản ngữ để cho người dân có ý thức về đạo Phật; mặt khác, ông muốn làm một biểu tượng để qui tụ tất cả Phật tử Tích Lan trong nước bằng cách vẽ lên một lá cờ Phật giáo với 6 màu sắc theo hào quang của đức Phật tổ Thích Ca Mâu Ni Gotama.

Năm 1950, lá cờ được công nhận là lá cờ Phật giáo Quốc tế trong Hội Liên hữu Phật giáo Thế giới họp lần đầu tiên tại Tích Lan.

Năm 1952 lá cờ Phật giáo Quốc tế, một lần nữa đã được xác định tại Hội nghị Phật giáo Thế giới họp tại Nhật Bản.

Phật tử Henry Stell Olcott từ đó đã trở thành một Phật tử kiên trung của đạo Phật; ông thường đến Nhật Bản để thuyết pháp rất nhiều lần; ông kêu gọi tinh thần đoàn kết Phật giáo, là sự thống nhất giữa Bắc tông và Nam tông trên khắp thế giới, bằng cách hướng sự chú ý về những nguyên tắc căn bản của đạo Phật.

Ông qua đời tại tư thất của ông ở tại làng Adyar Ấn Độ, thọ 75 tuổi; ông rất được nhân dân ngưỡng mộ và tôn sùng như đức vua Asoka (một vị đại đế Phật tử lừng danh của Ấn Độ vào thế kỷ thứ III công nguyên); hằng năm đều có lễ kỷ niệm ngày mất của ông Henry Stell Olcott và được cử hành long trọng trên khắp đất nước Sri Lanka.

Lá cờ Phật giáo là biểu tượng về hào quang 6 màu của đức Phật. Sau khi chứng quả vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác dưới cội Bồ Đề (tại Bodhiyaya) tại khu rừng Uruvela của xứ Senāni vào ngày 15-4 âm năm Dậu, đức Thế Tôn đã tọa thiền và kinh hành qua lại dưới cội cây Bồ Đề trong suốt 7 tuần lễ để vui hưởng hương vị Niết bàn. Vào tuần

lễ thứ 4, chư Thiên hóa ra căn nhà bằng ngọc ở phía tây bắc cây bồ đề đức Phật ngự vào tọa thiền, nhập định; lúc ấy Ngài đã quán thấy những điểm cao thâm vi diệu của Pháp tùy thuộc phát sanh duyên khởi để cập đến tính chất nhân quả liên quan của các Pháp và từ kim thể của Ngài đã phóng ra hào quang 6 màu trọn 7 ngày đêm làm cho chư Thiên khắp nơi đều hân hoan vui mừng khôn xiết.

Sáu màu hào quang đó chính là kết quả về công hạnh tu tập Ba la mật bờ cao thượng của Bồ tát, nhất là pháp đại thí mà Ngài đã thực hành suốt thời gian bồi bổ Ba la mật 20 A tăng kỳ và 100 ngàn đại kiếp. Theo đó:

1. Màu xanh dương: Pāli (Nīla) tượng trưng cho sự bố thí mắt đến vị bà la môn mù mắt.



Hoa sen hồng được bình chọn là Quốc hoa

2. Màu vàng: Pāli (Pīṭa) tượng trưng cho sự lóc thịt bố thí cho cọp ăn.

3. Màu đỏ: Pāli (Lohita) tượng trưng cho hành động móc gan, lấy máu chữa bệnh cho mẹ.

4. Màu trắng: Pāli (Odāsa) tượng trưng cho sự bố thí bạch tượng lúc Ngài là thái tử Vessantara, xứ Jetuttara.

5. Màu gạch: Pāli (Menjet) tượng trưng cho màu chân của chim phụng, vì lúc đó bồ tát sinh làm chim và Ngài đã bố thí mạng sống cho dạ xoa ăn thịt.

6. Màu tổng hợp (của 5 màu trên): tượng trưng cho ánh lửa đang rực cháy, do có kiếp Ngài sinh làm thỏ và đã tự nhảy vào lửa đỏ để nướng thịt mình thí cho kẻ đói. ●



Sống Trong Thực Tại

Viên Minh

Con người từ lúc mới sơ sinh đã biết hướng ra thế giới bên ngoài để thu thập những thông tin cần thiết cho đời sống. Đến bốn năm tuổi đã tích lũy được những kiến thức cơ bản để có thể xử lý những sinh hoạt thông thường. Sau đó nhờ học tập từ gia đình, bè bạn, học đường và cộng đồng xã hội; kết hợp với khả năng tư duy, chiêm nghiệm, phán đoán mà kỹ năng và kinh nghiệm ngày càng phong phú, đa dạng và cũng càng phức tạp hơn.

Nếu một người không thể tiếp thu thông tin cần thiết từ bên ngoài thì anh ta chỉ có thể sống một đời sống thực vật. Vì vậy, hướng ra bên ngoài không phải là một sai lầm - mà đó chính là điều kiện tiên hóa tất yếu của đời sống con người trong cộng đồng xã hội.

Cái sai đưa đến phiền não, khổ đau, chán chường, thất vọng... chính là ở chỗ: Con người không biết rằng mình đã dần dần bị dính mắc, sa lầy, sống lệ thuộc vào thế giới bên ngoài đến độ hoàn toàn bỏ quên chính mình - vong thân - và tha hóa... Albert Camus đã giật mình khi phát hiện rằng, mình không còn là chính mình nữa mà đã trở thành một kẻ lạ mặt tự bao giờ!

Trên mỗi đối tượng tiếp xúc hàng ngày, chúng ta không ngừng gia thêm những tình cảm, chẳng hạn như ưa, ghét, tham, sân... rồi tùy thuộc vào những cảm tính đó chúng ta chủ quan chọn lựa, lấy bỏ.

Ở một mức độ nào đó, điều này xem ra cũng là chuyện tự nhiên, bình thường; nhưng khi những

thái độ này ngày càng được tích lũy, vun bồi, gia tăng, phát triển cho đến khi trở nên quá sâu dày, kiên cố... thì bắt đầu trở nên nguy hiểm!

Tại sao? Lý do là chúng ta đã hình thành những thành kiến, cố chấp, hận thù, oan kết hay những say mê, chìm đắm trong thế giới bên ngoài, đến độ chúng ta đánh mất khả năng quay trở lại chính mình.

Điều này biểu hiện quá rõ đối với những người ghiền cờ bạc, rượu chè, ma túy... Nhưng thật ra, ít nhiều gì chúng ta cũng đều sống trong một mức độ vong thân nào đó. Bằng chứng là khi yêu ai hay giận ai, khi thất bại hay nhục nhã... chúng ta có thể quên ăn, mất ngủ, đứng ngồi không yên; kẻ thì lo âu, sợ hãi, người lại thất thần, đãng trí...

Kết quả tâm lý ấy đơn giản chỉ vì chúng ta đã bị dính mắc khá sâu vào ngoại cảnh. Lúc đó, chúng ta muốn nghỉ ngơi, thanh thản dù chỉ trong chốc lát cũng không phải dễ dàng gì!

Trường hợp trên giống như ví dụ này: Tâm chúng ta co dẫn như một sợi dây thun. Nếu sợi dây thun bị kéo quá căng và dính kẹt vào một vật nào đó, một lát hay một vài lần thôi thì có vẻ như không sao; nhưng nếu bị kéo căng lâu ngày hay nhiều lần thì sợi thun khó có thể trở lại trạng thái bình thường ban đầu.

Cho nên, một khi đã bị căng dẫn bất khả hồi thì xem như dây thun đã hỏng. Một cái cân lò xo cũng vậy, nếu cân quá tải nhiều lần, nó có thể bị dẫn ra và không trở về số không được nữa! Trường hợp cái cân bị hỏng thì ai cũng dễ dàng phát hiện, nhưng ít ai có thể nhận ra cái tâm mình đã bị hư hỏng quá nặng một khi nó bị dính mắc quá nhiều không còn rỗng rang, thư thái được nữa.

Bạn có thể ngồi yên lặng một lát được không? Khó lắm, nếu như bạn đang bị ràng buộc vào một cái gì đó, bấy giờ cái tâm của bạn đang tự biểu lộ là nó đã bị lệ thuộc và dính mắc đến mức độ nào.

Một người đang bận tâm, hay đang chìm sâu trong những kỷ niệm vui buồn quá khứ, đang toan tính cho một viễn ảnh tương lai, đang mong cầu một sở đắc, đang tức giận hoặc say mê ai đó... thì khó có thể tập trung vào hiện tại hay trở lại với chính mình.

Khi chúng ta phiền não, khổ đau, lo âu, sầu muộn... tức là chúng ta đang để cho ngoại cảnh can dự quá nhiều vào đời sống nội tại của mình.

Trước hết, chúng ta phải thấy ra tình trạng vong thân, tha hóa này để tự cứu mình ra khỏi sự lệ thuộc, sự dính mắc, sự buộc ràng vào thế giới xung quanh.

Khi chúng ta gỡ sợi dây thun ra khỏi chỗ dính mắc, phản xạ đầu tiên là nó sẽ trở về tình trạng tự nhiên ban đầu của nó. Cũng vậy, sau khi được thư

giãn, buông xả, nghỉ ngơi hoàn toàn, tâm trí chúng ta sẽ tự quay về với thực tại thân - thọ - tâm - pháp. Trở về thực tại, Thiền Vipassanā gọi là chánh niệm, và Thiền Tông gọi là hồi quang phản chiếu.

Tâm có chánh niệm thì không lang thang hướng ngoại hay bỏ mặc chính mình – không thất niệm ngay nơi thực tại thân tâm đang diễn ra trong mỗi người.

Tuy nhiên, trở về với chính mình không phải là trở về khởi điểm đã trôi vào quá khứ, mà chính là trở về tình trạng đang là - thay vì cố gắng giải quyết, chọn lựa, lấy bỏ đối tượng. Ngay lúc đó, bạn chỉ cần trọn vẹn với thực tại mà không cần thêm bớt bất cứ điều gì.

Có thể bạn chánh niệm trên một đối tượng bên ngoài, hãy trọn vẹn với đối tượng ấy, không xao lãng, cũng không chìm đắm là được.

Sau đây là một vài gợi ý điển hình giúp bạn dễ dàng trở về với thực tại:

- Có thể bạn thấy mình đang thở, cứ để yên cho nó tiếp tục thở như nó là, đừng thêm bớt gì cả. Nhớ là đừng thêm động tác nào nhằm làm chủ nó, hãy để hơi thở làm công việc tự nhiên của nó, đó chẳng phải là sở trường của nó sao?

Nhiều người tưởng rằng thiền hơi thở là phải thở theo một cách nào đó để định tâm, nhưng làm như vậy bạn lại xen vào trạng thái tự nhiên của hơi thở, đồng thời bạn bị rơi vào qui trình của sự dính mắc bên trong. Trừ phi bạn đang tập kỹ thuật dưỡng sinh, yoga hay khí công gì đó.

Không dính mắc, không có nghĩa là hoàn toàn bỏ rơi thế giới bên ngoài. Đời sống là một sự tương giao gần bó trong ngoài. Nếu bạn dính vào bên ngoài thì quên mất bên trong, và ngược lại. Thế là bạn tự cô lập, phân ranh, một chiều, tức là bạn chỉ sống được một nửa sự sống của bạn mà thôi! Hay đúng hơn, bạn vẫn còn bị vướng kẹt bên lề cuộc sống vốn luôn trôi chảy không ngừng.

Đức Phật lấy ví dụ một khúc gỗ trôi giữa dòng sông. Nếu nó kẹt vào bờ bên này hay bờ bên kia thì nó không thể thuận dòng ra biển cả.

Sự sống là dòng sông, là dòng pháp. Hãy sống thuận dòng, thuận pháp, đừng bơi ngược dòng cũng chớ đắm chìm trong đó. Đối đầu và mê đắm chính là bản chất của sự dính mắc chấp thủ.

Vậy hãy để tâm bạn làm việc nên làm, không cần ngưng trụ. Chỉ cần bạn đừng quên mình đang thở thôi là đủ rồi. Đừng bắt hơi thở phải thế này, thế kia với ý đồ định tâm hay vì một mục đích tương lai nào khác. Làm thế, bạn vô tình dựng lên cái ngã tạo tác đầy tham vọng điều khiển theo ý mình.

- Khi đang đi, đứng, ngồi hay nằm, hãy trọn vẹn với trạng thái diễn biến ấy. Đừng để tâm lang thang ra khỏi động thái của thân và đừng để cái ngã quản lý có cơ hội xen vào.

Tâm không an trú nơi thân gọi là tâm bất tại, thất niệm hay phóng tâm. Tâm cùng hợp nhất với thân gọi là tự tại, nhất như, hay chánh niệm.

Nhất như không có nghĩa thân tâm (danh sắc) là một - mà là một sự kết hợp tự nhiên, hài hòa và đồng bộ với nhau. Rõ hơn, là tâm không bỏ quên thân vì bị thu hút bởi đối tượng của tham sân si. Đó là ý nghĩa đích thực của chánh niệm.

Tuy nhiên, bạn đừng quá chú ý vào những trạng thái đi, đứng, ngồi, nằm này với tham vọng trụ tâm hay để tìm kiếm điều gì trong đó; vì như thế tâm bạn lại bị dính vào một đối tượng hay một mục đích khiến bạn phải phân tâm hay ngưng trệ - nghĩa là không thể chánh niệm một cách trọn vẹn với thực tại đang là.

Trở về trọn vẹn với đi, đứng, ngồi, nằm chủ yếu là không để rơi vào tình trạng vong thân, tha hóa, chứ không có nghĩa là tự cô lập mình với thế giới bên ngoài.

- Nếu bạn có khả năng bao quát hơn, có thể thấy mình trong mọi sinh hoạt hàng ngày của bạn, chẳng hạn như ăn uống, tắm giặt, nấu nướng, lau quét, lái xe, mở cửa, đóng cửa, mặc áo, mang giày...

Dẫu bạn làm gì cũng không quên mình thì thật là tuyệt vời. Được như vậy, bạn có thể ung dung, tự tại khi làm gì cũng không ra ngoài chánh niệm nơi thực tánh tự nhiên. Lúc đó, tâm bạn sáng suốt, trong lành và ổn định một cách tự nhiên, không cần gia tâm tọa thiền hay nhập định gì cả.

- Sâu sắc hơn, bạn có thể trọn vẹn được một cách trung thực những cảm giác trên thân như đau nhức, nóng nực, mát mẻ, êm ái... hoặc những cảm xúc trong tâm như vui vẻ, buồn bực, bức xúc, thanh thản...

Trở về trên thân tương đối dễ, nhưng trở về với những cảm giác thì khó hơn nhiều. Vì khi có cảm giác khổ chúng ta thường muốn chấm dứt nó ngay, và vô tình làm gia tăng cảm giác khổ ấy. Khi có cảm giác lạc chúng ta thường muốn níu giữ nó lại, vì vậy, biến nó thành nỗi khổ của sự lo sợ mất mát.

Chúng ta càng bị trói buộc vào bên ngoài, thì bên trong những cảm giác càng gia tăng; nhưng, hoặc là chúng ta quên mất không hề hay biết, hoặc là chúng ta bóp méo, nhồi nắn nó một cách chủ quan tùy theo độ dính mắc sâu cạn, ít nhiều.

- Vì thế hơn, khi tâm bạn ưa thích hay bất bình, nó thường hướng chú ý vào đối tượng hơn là chính nó, nơi đã phát sinh ra những thái độ phản ứng ấy.

Vì vậy, khi yêu thương, hờn giận, hài lòng, bất mãn... bạn chỉ lo quan tâm đến đối tượng bên ngoài mà không thấy chỗ xuất phát thái độ bên trong, đó là cái tâm của bạn!

Như vậy, phản ứng theo thói quen, bạn chỉ lo

đối phó với tình hình bên ngoài mà quên rằng cái quan trọng chính là thái độ phản ứng của tâm mình! Nhưng bạn thường không muốn biết tâm mình đang như thế nào mà chỉ muốn biết đối tượng ra sao. Như thế là bỏ gốc theo ngọn.

Tuy nhiên, trong mọi trường hợp, bạn đừng bắt tâm dừng lại, cũng đừng buông thả cho nó chạy rong! Bạn chỉ cần nhìn lại hiện trạng tâm mình là đủ rồi! Cứ để mọi việc tự động điều chỉnh, bạn không cần phải gia công giải quyết, kiểm duyệt, phê phán hay biện minh gì cả.

Tóm lại, chúng ta giống như những người ham tìm kiếm thú vui hoặc bất mãn với hoàn cảnh hiện tại mà bỏ nhà ra đi mong cầu đạt được sở thích, ước nguyện!

Bằng cách ấy, chúng ta cứ ra đi, đi mãi, quên cả đường về, đành phải tha phương cầu thực, nay đây mai đó; lang thang theo những bước thăng trầm trong niềm vui, nỗi khổ bên ngoài mà không biết rằng nhà mình xưa nay vốn đầy đủ tất cả, chẳng thiếu điều gì.

Vì thế, đừng lang thang tìm cầu một miền đất hứa, mà quên đi ngôi nhà sẵn có của mình, đó là thực tại hiện tiền. Đức Phật khuyên chúng ta "Hãy trở về mà thấy" (Ehipassiko). Rõ hơn, Ngài dạy: "Ta, quả thật là nơi nương nhờ của ta, ai khác có thể là nơi nương nhờ? Khi ta đã thuần tịnh, đó là nơi nương nhờ khó được".

Mạnh Tử nói: "Trời đất đầy đủ nơi ta, chân thành trở về với chính mình, không hạnh phúc nào lớn hơn".

Huệ Năng nói: "Không ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ".

Cô đọng lại, trở về thực tại giúp chúng ta:

- Hóa giải những ràng buộc: Người có chánh niệm ít khi bị dính mắc, và nếu có bị dính mắc thì cũng thoát khỏi dễ dàng hơn những người thất niệm.

- Sống an nhiên tự tại: Người bỏ quên chính mình thì không thể an nhiên, tự tại; do đó cũng không thể thanh thản, thoải mái. Điều này chỉ có được nơi người luôn sống trọn vẹn với thực tại hiện tiền.

- Trí nhớ tốt hơn: Khi đã bị dính mắc vào một điều

gì người ta thường hay quên, hay lãng trí. Trái lại, người có chánh niệm tuy không cố ý ghi nhớ điều gì nhưng vẫn dễ dàng nhớ được điều mình đã làm.

- Dễ dàng định tâm: Khi tâm đang bận rộn lo nghĩ về một điều gì, như tưởng nhớ hay tức giận một ai đó thì rất khó tập chú vào công việc hiện tại. Hành động trở nên vụng về, không chính xác. Người chánh niệm nhờ trọn vẹn với mình nên rất dễ dàng tập trung tâm ý trong hiện tại.

- Bảo toàn nguyên khí: Theo nguyên lý y học cổ truyền phương Đông thì "Tinh thần nội thủ" không những có thể bảo toàn được nguyên khí khỏi bị phân tán, mà còn phát huy được nội lực chân chính.

- Dễ dàng tự chủ: Một người tinh thần bị phân tán đã không thể chú tâm thì làm sao có thể tự điều phục được. Giống như một người lái xe bị ngoại cảnh chi phối không thể điều khiển tốc độ hay hướng đi thích ứng được nên rất dễ gây ra tai nạn. Còn người chánh niệm không cần cố gắng vẫn có thể tự chủ một cách rất tự nhiên.

Hỏi:

- *Thầy nói, trong quan hệ với ngoại giới, chúng ta thường quan tâm đến đối tượng mà quên chính mình, như vậy là bỏ gốc lấy ngọn. Có phải ý thầy muốn nói đừng quan tâm đến người khác, chỉ nên lưu ý đến tâm tư nguyện vọng của mình?*

Đáp:

- Không phải vậy, chỉ quan tâm đến ý muốn của mình mà không để ý đến tâm tư nguyện vọng của người khác là ích kỷ. Chúng ta cần phải quan sát, lắng nghe hay học hỏi những người xung quanh, nhưng cũng không được bỏ quên chính mình, không để bị tha hóa.

Tùy trường hợp mà chúng ta quan tâm bên trong, bên ngoài hay cả hai. Vì chúng ta thường quá quan tâm đến đối tượng bên ngoài đến độ quên lãng chính mình, do đó cần phải trở về với mình trước. Khi tâm đã tương đối an ổn thì nên hướng tâm quan sát thế giới xung quanh; và khi tâm đã vững vàng, sáng suốt thì chúng ta có thể quan sát cả trong lẫn ngoài mà không bị thiên lệch.

Hỏi:

- *Khi đi bộ trên phố hay lái xe ngoài đường - nếu chánh niệm - chúng ta chỉ quay vào trong trọn vẹn với thân-thọ-tâm-pháp, không quan tâm bên ngoài liệu có gây tai nạn không?*

Đáp:

- Tất nhiên nếu bạn chỉ chăm chú vào trong mà không quan tâm bên ngoài thì rất dễ gây tai nạn, nhất là khi ở chỗ đông người hay nơi nguy hiểm. Như chúng ta đã biết, quá chăm chú vào trong sẽ bị dính mắc bên trong, và ngược lại, quá quan tâm bên

ngoài thì dễ bị vong thân.

Khi bạn đang đi bộ hay lái xe mà bị lôi cuốn vào một đối tượng nào đó, dù trong hay ngoài; ví dụ như bạn đang chìm đắm trong ý nghĩ hận thù hay thương tiếc, lúc đó, bạn quên rằng mình đang đi hay đang lái xe, và tất nhiên bạn rất dễ gây tai nạn giao thông. Đó là thất niệm chứ không phải chánh niệm. Khi chánh niệm bạn đã nhất tâm, không phân tán, không quên mình, nên bạn có thể chú tâm trọn vẹn với việc lái xe hay đi bộ.

Chánh niệm không phải là chỉ chuyên chú vào thân-thọ-tâm-pháp như những đối tượng đơn độc, tách biệt và cố định mà là thân-thọ-tâm-pháp biến đổi trong mối quan hệ tương giao duyên khởi với thế giới bên ngoài.

Ví dụ như khi đang đi trên phố, nếu tâm bạn bị cuốn hút trong một mối lo toan nào đó, bạn có thể va vấp hoặc đụng chạm vào người khác; nhưng khi chánh niệm, tâm trí bạn bén nhạy đến nỗi có thể cảm nhận được mọi diễn biến xung quanh mà vẫn không quên chính mình.

Sai lầm của bạn là không thấy được sự khác biệt giữa niệm và định, hay giữa trọn vẹn với thực tại và sự tập chú vào bên trong điều này có thể cần thiết khi bạn thiền định. Tuy nhiên, thiền định cần một nơi an toàn để thực hiện, còn đang lái xe hay đi trên đường phố thì bạn cần phải chánh niệm mới an toàn.

Hỏi:

- *Thầy nói chánh niệm là trọn vẹn với thực tại? Vậy khi tham dự, sân hận, ngã mạn sinh khởi... cũng cứ trọn vẹn với chúng hay sao? Thế thì làm sao đoạn tận tham, sân, si như đức Phật dạy được?*

Đáp:

- Bạn thử xem xét thật kỹ tình huống sau đây: để dỗ một em bé đang khóc – có phải mục đích của bạn là làm cho bé ngừng khóc hay là bạn nên hết lòng thương yêu, thông cảm và chia sẻ với toàn bộ hoàn cảnh của bé?

Nếu bạn chỉ muốn bé đừng khóc vì lợi ích của riêng bạn, chứ không cần thấu rõ con bạn khóc vì nỗi gì, thì không bao giờ bạn hiểu được bé. May là bé khóc để bạn biết con mình đang đói hay khát, nóng hay lạnh... vậy bạn cần chia sẻ một cách trọn vẹn với bé chứ đừng chỉ cố tìm cách bắt bé đừng khóc.

Một điều kỳ diệu là chính sự yêu thương trọn vẹn sẽ làm bé ngừng khóc! Và cũng chỉ có chánh niệm, tỉnh giác trọn vẹn mới hóa giải được tham sân.

Trọn vẹn với tham sân trong chánh niệm, tỉnh giác khác hẳn với bị chìm đắm và cuốn trôi trong tham sân một cách mê muội. Nói cách khác, khi tỉnh giác, trọn vẹn với tham sân là trọn vẹn với mình (chánh niệm); khi mê muội, đắm chìm trong tham sân là quên lãng chính mình (thất niệm) đấy. ●

Đức Phật với 45 năm mùa an cư kiết hạ

TK. Định Phúc

Dưới cội cây Bồ Đề (Bodhirukkha), vào ngày trăng tròn tháng Vesak năm 623 TCN, đức Bồ Tát Siddhattha đã trở thành một vị Phật Chánh Đẳng Chánh Giác (Sammāsambuddho) duy nhất và tối thượng nhất trong tam giới này. Từ lúc thành đạo cho đến ngày Đức Thế Tôn viên tịch Níp bàn dưới tàng cây của hai cội long thọ (Sālā) tại vườn Kusinārā của người Malla, Ngài đã trải qua 45 năm hoằng pháp với 45 lần an cư mùa mưa để đem đến con đường giải thoát cho những chúng sanh nào hữu duyên với Chánh Pháp.

Trong suốt 45 năm đó, Ngài không ở suốt nơi nào trong thời gian lâu, đó là thông lệ ba đời chư Phật, Ngài thường du hành khắp nơi để tiếp độ chúng sanh, khi mùa mưa đến thì Ngài cùng với chư Tăng mới an cư tại một địa điểm suốt 3 tháng mùa mưa. Rồi sau đó, khi mãn hạ thì Ngài cùng với chư Tăng lại tiếp tục công cuộc hoằng pháp độ sinh.

1. Mùa an cư thứ 1:

Vào ngày rằm tháng 6, sau khi thành đạo được hai tháng, đức Phật vận chuyển bánh xe Pháp tại vườn Lộc Uyển, ở Isipattana để tiếp độ cho nhóm 5 anh em của ngài Kiều Trần Như (Koṇḍañña) với bài pháp đầu tiên là bài Kinh Chuyển Pháp Luân (Dhammacakkapavattanasutta). Với bài pháp này, ngài Kiều Trần Như đã thành tựu được Thánh quả Nhập lưu và xuất gia tỳ khưu với hình thức “Ehi Bhikkhu!”, trở thành vị Thánh Tăng đầu tiên trong Phật giáo.

Vào ngày 16 cho đến ngày 19 tháng 6 thì lần lượt các ngài Vappa, ngài Bhaddiya, ngài Mahānāma và ngài Assaji cũng đắc được Thánh quả Nhập lưu và cũng được xuất gia bằng “Ehi Bhikkhu!”.

Sau đó, ngày 20 tháng 6 thì đức Thế Tôn thuyết bài Kinh Vô Ngã Tướng (Anattalakkhaṇasutta) đến cho 5 vị tỳ khưu và cuối thời pháp các ngài đã thành tựu được Thánh quả A-la-hán. Như vậy là chỉ 5 ngày đầu tiên của mùa an cư thứ nhất, đức Thế Tôn đã thuyết Pháp tiếp độ được 5 vị Thánh Tăng đầu tiên để mở đầu cho công cuộc hoằng Pháp của Ngài.

Sau đó, Ngài còn tiếp độ cho thanh niên Yasa



Vào mùa hạ thứ 5 đức Phật chấp thuận cho di mẫu Gotamī xuất gia

cùng với 54 người bạn xuất gia và trở thành những vị Thánh Tăng. Như vậy, ngay lúc này trên thế gian đã có được 61 vị Thánh vô lậu xuất hiện.

2. Mùa an cư thứ 2-3-4:

Sau khi tiếp độ đức vua Bimbisāra (Bình Sa Vương) và tiếp nhận ngôi Tịnh xá Trúc Lâm (Veḷuvana vihāra – ngôi Tịnh xá đầu tiên trong Phật giáo) gần thành Rājagaha (Vương Xá thành). Và chính tại nơi này, đức Thế Tôn đã cùng với chư Tăng nhập hạ suốt 3 mùa an cư. Tuy nhiên, chúng ta nên hiểu là không phải Ngài ở suốt nơi này 3 năm, mà Ngài chỉ ở suốt 3 tháng mùa mưa thôi, rồi Ngài tiếp tục du hành thuyết Pháp cho đến khi mùa mưa thì Ngài lại trở về Trúc Lâm Tịnh xá an cư mùa mưa.

3. Mùa an cư thứ 5:

Đức Phật đã nhập hạ tại ngôi Trùng Các Giảng đường (Kūtāgārasālā) ở Đại Lâm (Mahāvana) gần kinh thành Xá Vệ (Vesālī). Trong mùa an cư này, di mẫu Mahāpajāpatigotamī cùng với 500 thích nữ đã tự

cạo tóc đắp y, đi bộ từ Kapilavatthu đến Vesālī để xin đức Phật cho nữ giới xuất gia. Ngài đã ban hành 8 trọng pháp (Garudhamma) đến cho Dì mẫu như là sự xuất gia tỳ khuru Ni của bà. Như vậy, đến mùa an cư này, thì hội chúng Tỳ khuru Ni đã xuất hiện, Giáo hội Tỳ khuru Ni đã được thành lập, tứ chúng đã có mặt đầy đủ kể từ đây.

4. Mùa an cư thứ 6:

Đức Thế Tôn cùng với chúng Tỳ khuru an cư mùa mưa tại núi Maṅkula⁽¹⁾.

5. Mùa an cư thứ 7:

Vào mùa hạ này, đức Phật đã ngự lên cung trời Tāvātimsā để thuyết giảng Abhidhamma (Vi Diệu Pháp) cho thân mẫu của Ngài, là vị thiên tử ở cõi trời Đâu Suất (Tusita) trong suốt 3 tháng mùa mưa (tính theo thời gian cõi nhân loại). Sau khi nghe xong thời Pháp, vị thiên tử đặc được Thánh quả Tu đà huân.

Mỗi ngày, Đức Phật dùng thần thông hóa hiện ra một vị Phật nữa để thuyết Pháp, còn Ngài đi khát thực tại xứ Bắc Cưu Lưu Châu, sau khi khát thực xong thì Ngài trở về Saṅkassa tóm tắt lại những gì Ngài đã thuyết cho Tôn giả Sāriputta nghe. Rồi sau đó Ngài trở lại cõi trời Tam Thập Tam để tiếp tục thuyết pháp.

Vào ngày măn hạ, đức Thế Tôn từ cung trời trở về địa cầu bằng chiếc thang ngọc do Thiên chủ Sakka hóa dựng, bên phải có chiếc thang bằng vàng cho chư Thiên và bên trái có chiếc thang bạc cho chư đại Phạm thiên. Cổng thành Saṅkassa nơi Phật ngự xuống là một trong số những địa điểm sẽ không bao giờ thay đổi của thế gian này, và tất cả chư Phật đều giáng trần tại đây sau khi thuyết Abhidhamma.

6. Mùa an cư thứ 8:

Đức Phật đã an cư mùa mưa tại rừng Bhesakala, ở núi Sumsumāra của xứ Bhagga.

1. Trong chú giải Buddhavaṃsa thì ghi lại là núi Makula.



7. Mùa an cư thứ 9:

Đức Phật an cư tại ngôi chùa Ghositārāma ở Kosambi.

Thứ hậu Māgandiyā có mỗi hận thù với đức Phật vì Ngài nói bà "Không thể so sánh với con gái của ma vương, Ngài không bao giờ đưa chân đứng tới nàng bởi vì nàng chỉ là một bị chứa đầy 32 thể trước"

khi cha mẹ của nàng đưa đến để gả nàng cho đức Phật. Vì mỗi hận từ trước, thứ hậu cho mượn con đồ xỉ vả, mắng chửi đức Phật khi Ngài đi khát thực trong kinh thành. Và sau 7 ngày thì mọi tiếng ồn ào, mắng chửi này đã tự yên lặng.

8. Mùa an cư thứ 10:

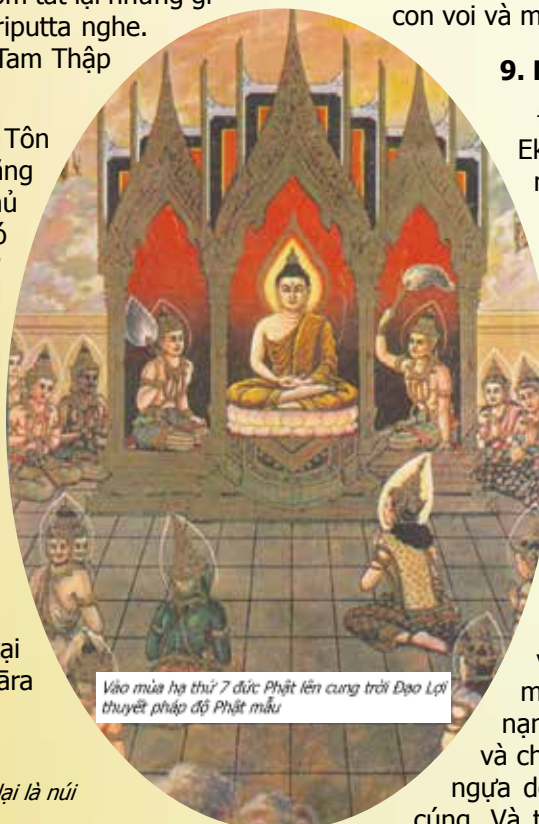
Có hai nhóm Tỳ khuru trong thành Kosambi bất hòa với nhau, Thế Tôn khuyên ngăn không được nên Ngài đi vào rừng Pārileyyaka một mình và trải qua mùa an cư tại đây với sự hộ độ cúng dường của một con voi và một con khỉ.

9. Mùa an cư thứ 11:

Đức Phật đã ngự đến ngôi làng Ekanālā, trong Dakkhinagiri, một ngôi làng theo Bà la môn giáo gần xứ Magadha. Ngài ngự đến đây để thuyết pháp tiếp độ cho ông Bà la môn Kasibhāradvāja bằng thời Pháp với đề tài "Cách làm ruộng của đức Phật". Sau đó ông xuất gia trở thành vị Tỳ khuru Phật giáo và chứng đắc được Thánh quả A la hán.

10. Mùa an cư thứ 12:

Theo lời thỉnh cầu của Bà la môn Verañja, đức Phật cùng với chúng tỳ khuru an cư mùa mưa tại xứ Verañjā. Lúc bấy giờ, nạn đói xảy ra tại xứ này, đức Phật và chư Tăng phải dùng thức ăn của ngựa do một người buôn ngựa dâng cúng. Và trong mùa an cư này, Tôn giả



Sāriputta bạch hỏi đức Phật về thọ mạng của Giáo Pháp. Thế Tôn đã giảng cho Tôn giả nghe về thọ mạng của Giáo Pháp trong thời các vị Phật quá khứ. Tôn giả bạch xin Phật ban hành giới luật nhưng Thế Tôn đã từ chối lời thỉnh cầu ấy.

11. Mùa an cư thứ 13:

Mùa an cư này, đức Phật ngự tại núi Cālīya. Lúc bấy giờ, tỳ khuu Meghiya là thị giả hầu cận của Ngài. Một hôm, trên đường đi khất thực trong làng Jantu, tỳ khuu Meghiya thấy một khu vườn xoài bên bờ sông có khung cảnh hữu tình, khả ái nên muốn đi đến đó để tu tập. Tỳ khuu Meghiya đến bạch xin đức Phật nhưng Ngài quán thấy duyên lành chưa đến nên Ngài khuyên ngăn 3 lần nhưng Tỳ khuu Meghiya vẫn bỏ đi.

Tỳ khuu Meghiya quá nóng vội nên lúc độc cư thiền tịnh vẫn không an trú được và quay trở về với đức Phật. Thế Tôn giảng dạy cho Meghiya về năm pháp để thuần thực tâm giải thoát, là năm pháp diệt trừ tà tư duy, để hỗ trợ cho pháp hành thiền định. Tỳ khuu Meghiya vâng lời Thế Tôn và chẳng bao lâu thành tựu được Thánh quả A la hán.

12. Mùa an cư thứ 14:

Mùa an cư này đức Phật cùng với chư Tăng nhập hạ tại ngôi đại Tịnh xá Kỳ Viên (Jetavana Mahāvihāra) do ông Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika) kiến tạo gần kinh thành Sāvatthī. Trong mùa an cư này, Sa-di Rāhula tròn 20 tuổi nên được xuất gia Tỳ khuu với ngài Tôn giả Sāriputta làm thầy tế độ.

13. Mùa an cư thứ 15:

Đức Thế Tôn cùng với chúng Tỳ khuu nhập hạ tại ngôi chùa Nigrodhārāma, gần kinh thành Kapilavatthu. Ngôi chùa này do đức vua Mahānāma kiến lập để cúng dường và cung thỉnh đức Phật với chư Tăng trú ngụ. Cũng được ghi nhận là đức Thế Tôn chỉ nhập hạ duy nhất một mùa an cư tại quê hương của mình.

Một sự kiện cũng đáng lưu ý là việc đức vua Thiện Giác (Suppabuddha) vì hận đức Phật đã bỏ rơi con gái mình (công chúa Yasodharā) và làm cho con trai của mình (Devadatta) đi xuất gia nên vua đã ngăn cản đức

Phật khi Ngài đi khất thực. Do hành động này, vua đã bị đất rút một cách thê thảm và đau đớn.

14. Mùa an cư thứ 16:

Đức Phật đã ngự tại Aggalāva của xứ Ālavī và đã tiếp độ được dạ xoa Ālavaka rất hung ác, nhờ đức Phật tiếp độ và giáo hóa nên dạ xoa thành tựu được Thánh quả Tu-đà-huờn.

15. Mùa an cư thứ 17:

Mùa an cư này Đức Phật nhập hạ tại Trúc Lâm Tịnh xá (Veluvanavihāra) ở thành Rājagaha của xứ Magadha (Ma Kiệt Đà).

16. Mùa an cư thứ 18:

Thế Tôn nhập hạ 3 tháng mùa mưa ở núi Cālīya.

17. Mùa an cư thứ 19-20:

Hai mùa an cư liên tiếp, đức Thế Tôn nhập hạ tại Trúc Lâm Tịnh xá (Veluvanavihāra).

Một sự kiện quan trọng xảy ra trong mùa hạ, là sự kiện Tôn giả Ānanda chính thức trở thành vị thị giả hầu cận bên đức Thế Tôn. Suốt 20 năm, Ngài không có vị thị giả cố định thường túc trực để hầu cận, nên vào mùa hạ này Thế Tôn cũng đã lớn tuổi (55 tuổi) nên Ngài muốn có một vị thị giả hầu cận phục vụ. Tôn giả Ānanda trở thành vị Tỳ khuu thị giả của đức Phật kể từ mùa hạ này trở đi.

18. Mùa an cư thứ 21 cho đến mùa an cư thứ 44:

Đức Thế Tôn chỉ thường trú tại hai ngôi chùa chính ở Sāvatthī, đó là Kỳ Viên Tịnh xá do ông Cấp Cô Độc cúng dường và ngôi Đông Phương Tự (Pubbārāma) do bà Visākhā cúng dường.

19. Mùa an cư thứ 45:

Mùa an cư cuối cùng của đức Thế Tôn là tại ngôi làng Beluva gần kinh thành Vesālī. Trong mùa hạ này Ngài lâm trọng bệnh nhưng vẫn duy trì mạng quyền để tiếp tục công cuộc hoằng Pháp độ sinh. Đức Thế Tôn nhập hạ suốt 3 tháng mùa mưa tại đây rồi tiếp tục du hành về nhiều nơi và cuối cùng là Kusiṇārā để viên tịch Níp bàn vào ngày trăng tròn tháng Vesak cách đây 2555 năm.

45 năm, 45 mùa an cư kiết hạ của đức Thế Tôn đã trải qua. Thời gian qua đi không bao giờ trở lại được nhưng những bước chân của Ngài và chư Tăng trên khắp nẻo đường để thuyết Pháp tế độ chúng sanh vẫn lưu lại. Đó là hình ảnh đẹp, tấm gương sáng về một bậc vĩ nhân duy nhất trong tam giới này. ●



Phật giáo

hiện nay tại Thái Lan

"Buddhism in Contemporary Thailand"

HT Thiện Tâm dịch
(tiếp theo & hết)



Hòa thượng GS.TS Thepsophon Dhammakosajarn,
Viện Trưởng trường Đại học Mahachulalongkorn Thái Lan

Để cung cấp việc giáo dục cho các nhà sư và người mới, Hội đồng tối cao của Giáo hội đảm nhiệm việc duy trì một hệ thống giáo dục truyền thống bao gồm các nghiên cứu Phật học và nghiên cứu Pāli. Có ba cấp học Giáo pháp và chín cấp học Pāli. Ba cấp học Giáo Pháp được giảng dạy tại Thái Lan được chú ý là giáo dục cơ bản cho các vị tỳ kheo và sa di.

Học viên học Pāli được yêu cầu phải biết đọc Tam Tạng Kinh và chú giải trong bản tiếng Pāli. Họ học cách dịch tiếng Pāli sang tiếng Thái và tiếng Thái sang tiếng Pāli. Các vị sa di phải được thọ cụ túc giới sau khi vượt qua các kỳ thi ở cấp chín và được đức vua bảo trợ. Tiếng Pāli khó học, liên quan đến rất nhiều khả năng trí nhớ và học đọc tụng. Tuy nhiên, Nhà nước công nhận cấp chín là cấp học cao nhất và thành tích học vẫn chỉ tương đương với bằng cử nhân. Hậu quả là những vị tỳ kheo và sa di tỏ ra lờ là đối với việc học tiếng Pāli. Giáo hội muốn cấp học Pāli cao nhất phải được chính thức công nhận ngang bằng với trình độ Tiến sĩ, nên đã mạnh dạn thay đổi chương trình học tập cần thiết cho một luận án được viết bằng ngôn ngữ Pāli

Làm thế nào để giúp chúng ta có thể học cổ ngữ Pāli một cách dễ dàng, để như thời xưa, chư Tăng các hệ phái Theravāda có thể sử dụng trong giao tiếp ở các Quốc gia khác nhau? Pāli có thể trở thành ngôn ngữ Quốc tế của Phật giáo Nguyên thủy (theravāda), cũng như tiếng Anh là ngôn ngữ của toàn cầu hóa, chẳng hạn như, trong các cuộc gặp gỡ như thế này, tài liệu sẽ được trình bày bằng tiếng Pāli.

Tại Thái Lan, giáo dục Phật giáo hiện nay được cung ứng bởi hai trường đại học Phật giáo do chư Tăng điều hành. Đó là Trường Đại học

Mahachulalongkornrajavidyalaya và trường Đại học Mahamkut. Cả hai đều là trường công lập, được sự tài trợ của chính phủ Thái Lan và cả hai đều có chương trình học từ Cử nhân đến Tiến sĩ, mở rộng cho cả người xuất gia và tại gia theo học.

Trường Đại học Mahachulalongkornrajavidyalaya hiện nay có 10 cơ sở trong cả nước và bốn Trường Cao đẳng dành cho chư Tăng theo học, với 10 trung tâm giáo dục, cũng như 3 học viện trực thuộc tại Hàn Quốc và Đài Loan. Tất cả các chi nhánh của Trường Đại học Mahachulalongkornrajavidyalaya được liên kết với nhau thông qua mạng lưới công nghệ thông tin. Có bốn khoa tại Đại học Mahachulalongkornrajavidyalaya là khoa Phật học, khoa Giáo dục học, khoa Nhân văn học, và khoa Xã hội học.

Tại Đại học Mahachulalongkornrajavidyalaya, chúng tôi đã thành lập một chương trình quốc tế ở cấp sau đại học được giảng dạy bằng tiếng Anh; chương trình này thu hút nhiều sinh viên và giảng viên nước ngoài đến theo học và công tác giảng dạy các môn Phật học và Triết học Phật giáo, nhờ thế mà duy trì được việc giảng dạy Phật giáo quốc tế ở trình độ cao. Mạng lưới các cơ sở của chúng tôi trên khắp đất nước cố gắng không ngừng nhằm nâng cao trình độ học vấn và phẩm hạnh của Tăng chúng hầu đào tạo Tăng tài đảm nhiệm vai trò giảng dạy chánh Pháp và có khả năng luận giải Phật pháp phù hợp với sự mong đợi và yêu cầu của thời đại. Nói cách khác, chương trình giảng dạy của chúng tôi được thiết kế với mục đích đào tạo chư Tăng có năng lực đáp ứng những yêu cầu mà cộng đồng đặt ra.

Trong chương trình hợp tác giáo dục quốc tế của trường, chúng tôi cần sự hợp tác của những giảng viên có khả năng giảng dạy bằng tiếng Anh và những

người có khả năng đánh giá bài viết và luận văn viết bằng tiếng Anh. Chúng tôi mong muốn được trao đổi giảng viên, nghiên cứu sinh và sinh viên với các Quốc gia và học viện khác nhằm xây dựng mạng lưới giáo dục Phật giáo mang tầm cỡ quốc tế.

Để đáp ứng yêu cầu giáo dục Phật giáo cho học sinh tại các trường học trên cả nước, Giáo hội Phật giáo Thái Lan đã đề xuất ý kiến với Bộ Giáo dục cần sớm ra chỉ thị đến tất cả trường học phải giảng dạy Phật Pháp cho tất cả học sinh từ lớp 1 đến lớp 12. Mặc dù trình độ am tường Phật pháp ở các huyện địa phương có thể biên soạn chưa được bài bản, thậm chí chưa được chính xác trong một số trường hợp, tuy vậy, các trường cấp huyện vẫn được phép tự xây



Đại lão Hòa thượng quyền xử lý vua sãi Thái Lan phát biểu

dựng chương trình giảng dạy Phật Pháp cho huyện mình. Chính vì thế, sau này mới có yêu cầu là cần phải xây dựng lại chương trình giảng dạy chính thức để hướng dẫn cho các nhà giáo địa phương trong việc giảng dạy Phật Pháp cho địa phương mình. Trường Đại học Mahachulalongkornrajavidyalaya đảm nhiệm việc thực hiện một chương trình như thế, và tôi xin vui mừng báo cáo với quý vị rằng, chương trình ấy nay đã hoàn tất và đã được Bộ Giáo dục giới thiệu đến tất cả các trường học trên cả nước.

Chương trình giảng dạy Phật pháp cho học sinh từ lớp 1 đến 12 gồm tiểu sử của đức Phật, những câu chuyện Jataka, Phật Pháp căn bản, giới thiệu về Tam tạng và thuật ngữ Phật học. Chương trình này được thiết kế nhằm truyền đạt sự hiểu biết về Giáo hội và nhiệm vụ cũng như vai trò của chư Tăng. Bên cạnh giá trị giáo dục về đức tinh tấn, chúng tôi tin rằng chương trình này sẽ giúp nâng cao vai trò của Phật giáo qua việc khai sáng cho các em hiểu được giáo lý cao quý của đạo Phật, và sẽ góp phần bảo vệ Phật giáo bằng cách trang bị tri thức Phật học cho các em học sinh một cách chính xác đâu là lời dạy của đức Phật. ●

Đời sống tu tập của người cư sĩ theo tinh thần Phật dạy

Thích Thiện Bảo

Hiện nay, với việc phát triển khoa học kỹ thuật ở mức cao, nhân loại cũng đang phải đối diện trước vô vàn những biến động của đời sống vật chất với nhiều gánh nặng về kinh tế, văn hóa, chính trị - xã hội v.v...

Giữa lúc sự phân hóa xã hội đang đè nặng lên vai của mọi người đang sống, nhất là đối với hoàn cảnh của người cư sĩ tại gia, thì nền giáo lý được đức Thế Tôn truyền dạy lại càng là một nhu cầu cần thiết cho con người để có phương cách sống hài hòa trước những khó khăn thách thức của nền văn minh vật chất cứ như một vòng xoáy cuốn hút con người mãi miết chạy theo trong cuộc mưu sinh để tồn tại và phát triển.

Trong suốt lịch sử truyền bá chánh Pháp của đức Phật từ khi Thành đạo đến khi nhập Niết bàn, Ngài đã tùy duyên hóa độ nhằm truyền trao cho người cư sĩ tại gia - một bộ phận đông đảo trong đời sống cộng đồng xã hội - chấp nhận và ứng dụng tu tập giáo nghĩa của Ngài để thực sự đạt được lợi ích. Do vậy, giáo lý của đức Phật được mọi tầng lớp từ vua quan cho đến thứ dân, nam phụ lão ấu thực hành và làm cho lan tỏa rộng rãi trong các xứ sở thuộc lưu vực sông Hằng thời bấy giờ.

Đề cập đến điều này để nhằm xác định vai trò của người cư sĩ tại gia trong sứ mệnh tu tập, ứng dụng và truyền bá giáo pháp của Phật, như trong những pháp thoại Ngài dạy cho người Phật tử tại gia phương cách tạo dựng hạnh phúc trong cuộc sống. Một lần, cư sĩ Dighajanu đến thưa với đức Phật: "Bạch Thế Tôn, chúng con là những người cư sĩ bình thường, sống đời sống gia đình với vợ con. Xin Thế Tôn dạy cho chúng con sống như thế nào để được hạnh phúc trong hiện tại và cả sau này".

Đức Phật dạy rằng: "Có bốn điều có thể giúp hành giả được sống hạnh phúc. Có bốn loại hạnh phúc vật chất mà người tại gia cư sĩ có thể thọ hưởng, thịnh thoảng và tùy cơ hội, là: "Hạnh phúc được có vật sở hữu, hạnh phúc được có tài sản, hạnh phúc không nợ nần và hạnh phúc không bị khiển trách". Điều đáng lưu ý là mặc dầu ba loại

hạnh phúc đầu tiên đều liên quan đến điều kiện kinh tế, nhưng đức Phật nhắc nhở người Phật tử rằng hạnh phúc về của cải, kinh tế chỉ bằng một phần mười sáu của hạnh phúc tinh thần, do sống một cuộc đời trong sạch, không tội lỗi.

Từ góc nhìn này, ta có thể thấy rằng đức Phật coi trọng việc ổn định tài chánh như là một điều kiện căn bản tạo nên hạnh phúc cho con người, nhưng Ngài không xem việc làm ra của cải là cần và đúng nếu nó được thiết lập trên một nền móng thiếu đạo đức và tâm linh, bởi nó sẽ gây mất cân bằng trong đời sống người cư sĩ tại gia. Trên cơ sở tuệ giác, Phật giáo không cho rằng của cải vật chất là cứu cánh của cuộc đời, nhưng Phật giáo nhìn nhận rằng con người cần phải có các điều kiện vật chất tối thiểu để có thể thành công trong đời sống tâm linh. Có rất nhiều pháp thoại về các đề tài này rải rác trong các kinh điển. Ví như trong kinh Chuyển Luân Thánh Vương (Cakkavattisihanada, Trường Bộ, 26), đức Phật cũng nêu rõ cái nghèo là nguồn gốc của thói vô đạo đức và tội lỗi như trộm cắp, dối trá, bạo động, hằn thù, độc ác. Không thể dùng các biện pháp hình luật mà có thể làm cho con người tránh xa tội phạm; theo quan điểm Phật giáo, muốn xóa bỏ tệ nạn xã hội, thì các điều kiện về kinh tế, an sinh xã hội của người dân cần phải được cải thiện. Lại nữa, đức Phật luôn nhấn mạnh hạnh phúc của con người phải được xây dựng trên nền tảng đạo đức phù hợp với hoàn cảnh thực tế mà con người đang sống. Ngài đã từng chi tiết hóa sinh hoạt hàng ngày trong khi dạy chàng thanh niên Singala rằng, anh ta hãy nên chi tiêu khoảng 1/4 số tiền kiếm được, kinh doanh 1/2 và để dành 1/4 còn lại làm tài sản dự phòng, cho thấy mối quan tâm đặc biệt của Ngài đối với thành phần Phật tử tại gia.

Đa số các bài Pháp liên quan đến Phật tử tại gia là do đức Phật giảng cho cư sĩ Anathapindika (Cấp Cô Độc). Có một lần, khi thuyết giảng về pháp bố thí, Ngài dạy: "Dâng cúng đến chư Tăng hay đức Phật tạo rất nhiều phước báu. Như kiến thiết tu viện, giúp chư tỳ kheo có chỗ tu hành càng được nhiều phước báu hơn. Càng nhiều phước hơn xây cất tu viện là quy y Tam bảo. Càng nhiều phước hơn quy y Tam bảo là hành trì ngũ giới. Càng nhiều phước báu hơn trì giới là hành thiện một lúc về tâm Từ. Và cuối cùng, hơn tất cả các phước báu, là phát triển sự chứng ngộ tính cách vô thường của vạn hữu".

Nhiều người hiểu sai rằng Phật giáo chỉ tuyên thuyết về những lý tưởng xa vời, tuyệt đối và các tư tưởng triết học cao siêu mà bỏ qua những vấn đề về đời sống kinh tế xã hội. Thực ra, đức Phật luôn lý giải tường tận về chân hạnh phúc của con người, theo đó hạnh phúc không thể có được nếu không dựa vào một cuộc sống trong sạch, có đạo đức và giới luật. Rải rác trong rất nhiều pháp thoại, kinh điển được lưu truyền đến nay, từ những lời dạy thiết thực của đức Phật, giới cư sĩ nam nữ tại gia sống đời sống gia đình bình thường nhưng vẫn có thể tu tập, hành trì và đạt

được giải thoát, chứng ngộ. Có một pháp thoại khác về cuộc sống hôn nhân gia đình.

Trong lần đức Phật đến viếng nhà trưởng giả Cấp Cô Độc, Ngài đã giảng cho cô con dâu Sujata của gia đình này một bài Pháp về bảy hạng vợ trên thế gian:

1- Người vợ quấy rối: Kẻ không ngó ngàng chăm sóc chồng và không nhã nhặn, ôn hòa, dễ bị khêu gợi, dễ bị làm chuyện hư hèn trác nết.

2- Người vợ có tính trộm cắp: Kẻ phung phí của chồng, đầu chỉ một chút đỉnh nào mà chồng đã có công tạo.

3- Người vợ như bà chủ: Người làm biếng, tham ăn, cả ngày không làm gì mà chỉ ngồi lê đôi mách và la lối gắt gỏng, không để ý đến công lao khổ nhọc và chuyên cần của chồng.

4- Người vợ như mẹ: Người luôn luôn hiền lương và từ mẫn, bảo vệ chồng như bà mẹ hiền chăm sóc đứa con.

5- Người vợ như em gái: Kính nể chồng như em đối với anh, khiêm tốn ôn hòa và hết lòng phục vụ chồng.

6- Người vợ như bạn: Luôn hoan hỷ đến với chồng như gặp lại người bạn thân lâu ngày xa cách; con người cao quý, đức hạnh và trong trắng.

7- Người vợ như người giúp việc: Dù bị hăm dọa sẽ làm tổn hại đến mình, hay hình phạt mình, vẫn không nổi giận, luôn luôn vâng lời chồng mà không bao giờ sân hận. Đức Phật giảng giải về đặc tính của bảy hạng vợ trong thế gian và lưu ý rằng hạng vợ gây rối cho chồng, trộm cắp và làm bà chủ của chồng là xấu. Trái lại, hạng vợ đối với chồng có tình thương như mẹ, như em gái, như bạn và như người tớ gái trung thành là tốt và đáng được tán dương.

Trong một đoạn kinh đề cập đến việc để cho Chánh Pháp được cửu trụ ở thế gian, Đức Phật đã nói:

"Ở đây, sau khi Như Lai nhập diệt, các Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ sống tôn trọng và quy thuận bậc Đạo sư, sống tôn trọng và quy thuận giáo pháp, sống tôn trọng và quy thuận Tăng chúng, sống tôn trọng và quy thuận học giới, sống tôn trọng và quy thuận lẫn nhau. Đây là nguyên nhân khiến cho Chánh Pháp được tồn tại lâu dài sau khi Như Lai viên tịch" (A.III.247).

Người Phật tử tại gia không phải chỉ có tín ngưỡng theo Phật mà còn phải sống theo Pháp, thực hành giáo Pháp, ứng dụng Pháp vào đời sống để được an lạc cho tự thân, gia đình và tha nhân. Vai trò thừa tự Pháp của người Phật tử tại gia, do vậy rất quan trọng trong bối cảnh hiện nay của Phật giáo nước nhà, sẽ góp phần vào việc làm sáng rõ diện mạo của một Tôn giáo luôn mang lại lợi ích cho cuộc đời, cho nhân thế. ●



Hòa thượng Thích Thiện Tâm

Cần sáng tỏ hiệu quả của xuất gia gieo duyên

Minh Thạnh (thực hiện)

Ý kiến của Hòa thượng Thích Thiện Tâm về những luận điểm chính mà bài viết "Xuất gia gieo duyên - Mặt trái của một vấn đề" sẽ giúp chúng ta hiểu một cách đúng đắn, tường tận, sáng rõ hơn về pháp tu xuất gia gieo duyên, từ đó có những cố gắng thúc đẩy tích cực hơn đối với Phật sự này.

Thiền viện Phước Sơn, Đồi Lá Giang, Phước Tân, Long Thành, Đồng Nai, là một cơ sở tu học của hệ phái Phật giáo Nguyên thủy Theravada, đã tổ chức thành công khóa tu xuất gia gieo duyên theo truyền thống Phật giáo Nguyên thủy vào mùa An cư Kiết hạ. Khóa khởi đầu vào năm 2009 đã có 150 Phật tử, phần đông là giới trẻ thuộc thành phần học sinh tham gia.

Khóa tu xuất gia gieo duyên đã được đông đảo Phật tử Việt Nam mọi hệ phái nhiệt liệt hoan nghênh. Tuy nhiên, cũng có một ý kiến khác về loại hình tu tập này, cụ thể là bài viết "Xuất gia gieo duyên: Mặt trái của một vấn đề", mà chúng tôi tìm thấy trên trang web ban Hoằng pháp Thành hội Phật giáo TP. HCM. Cuối bài có ghi chú "Bài viết thể hiện quan điểm riêng của tác giả".

Nhận thấy, việc trao đổi ý kiến về bài viết có tính chất phản biện này sẽ có tác dụng làm sáng tỏ hiệu quả thật sự của việc xuất gia gieo duyên, chúng tôi đã xin có cuộc thưa chuyện với Hòa thượng Thích Thiện Tâm, vị chức sắc đại diện cho Phật giáo Theravada trong cơ cấu Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Ủy viên Ban Thường trực Hội đồng Trị sự trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Phó ban Trị sự Thành hội Phật giáo TP. HCM

Ý kiến của Hòa thượng về những luận điểm chính mà bài viết "Xuất gia gieo duyên: Mặt trái của một vấn đề" sẽ giúp chúng ta hiểu một cách đúng đắn, tường tận, sáng rõ hơn về pháp tu xuất gia gieo duyên, từ đó có những cố gắng thúc đẩy tích cực hơn đối với Phật sự này.

Cư sĩ Minh Thạnh (CSMT): Kính bạch Hòa thượng, con được biết là Hòa thượng cũng đã đọc qua bài viết "Xuất gia gieo duyên: Mặt trái của một vấn đề". Vậy nên để tăng ni Phật tử mọi hệ phái của Phật giáo Việt Nam hiểu một cách đúng đắn về pháp tu này con xin lần lượt trình ý Hòa thượng về một số luận điểm mà bài viết nói trên nêu ra. Đầu tiên, kính bạch Hòa thượng, phải chăng chỉ có "Phật giáo Nam

tông của bà con Khmer tại một số vùng miền Tây Nam Bộ cũng có truyền thống xuất gia gieo duyên (như các nước Phật giáo Nam tông) còn hệ phái Phật giáo Nam tông của các sư người Kinh thì chưa có truyền thống xuất gia này?"

Hòa thượng Thích Thiện Tâm (HTTTT): Điều đó không đúng đâu đạo hữu. Phật giáo Nam tông người Kinh cũng có truyền thống xuất gia gieo duyên như

truyền thống Phật giáo Nam tông ở các nước trên thế giới.

Tuy nhiên, trước đây, do cơ sở chùa chiền hạn chế, nên việc xuất gia gieo duyên của Phật giáo Nam tông không tổ chức cho tập thể một cách đồng loạt, mà thường chỉ tổ chức cho một vài vị Phật tử có thuận duyên, vào bất cứ thời điểm nào trong năm thuận tiện, có khi chỉ tổ chức cho một người.

Vì vậy, tin tức về những cuộc xuất gia gieo duyên riêng rẽ như vậy không được truyền tải trên các phương tiện thông tin đại chúng, khiến cho có việc lầm tưởng rằng khóa tu xuất gia gieo duyên ở Thiền viện Phước Sơn là lần tổ chức đầu tiên.

Nói đây là lần đầu tiên tổ chức với quy mô lớn, có hàng trăm Phật tử xuất gia gieo duyên thì đúng hơn.

CSMT: Bạch Hòa thượng, con cũng nghĩ như vậy, và hiện nay nghe nói ở Mỹ cũng có các khóa tu gieo duyên được tổ chức cả từ phía Phật giáo Bắc tông, gọi bằng một cụm từ khác, là "xuất gia đoàn kỷ".

HTTT: Thầy chưa biết nhưng một điều chắc chắn, là xuất gia ngắn hạn hay dài hạn, theo tâm nguyện và hoàn cảnh từng Phật tử cụ thể, đều là việc rất tốt, đương nhiên cần được nhân rộng.

Ở các nước Phật giáo Nam tông, người xuất gia gieo duyên không chỉ là Phật tử địa phương mà còn là những Phật tử trên đường tìm hiểu Phật giáo đến từ nhiều nước trên thế giới, đặc biệt là phương Tây.

Ở các nước Phật giáo Nam tông, vua chúa, hoàng thân quốc thích, chính khách, tướng lãnh, quan chức... đều trải qua xuất gia gieo duyên, mà không phải chỉ là giới hạn sinh viên học sinh, không chỉ giới hạn ở người trẻ tuổi.

CSMT: Kính bạch Hòa thượng, nhưng có ý kiến băn khoăn về mặt trái của việc xuất gia gieo duyên mà cụ thể nó được miêu tả như một cách "đào tạo" sư giả.

HTTT: Thế ý của đạo hữu về việc này thế nào?

CSMT: Kính bạch Hòa thượng, con

thấy đây là chuyện gán ghép khiên cưỡng. Sư giả và xuất gia gieo duyên không có liên quan gì đến nhau. Muốn làm sư giả để đi làm tiền bất chính, người ta chỉ cần xuống tóc và có y bát. Tức là những yếu tố hình thức bên ngoài. Còn ngoài ra đâu cần biết Phật pháp, nghi lễ, kinh kệ... Còn để bắt chước cung cách khất thực, thì chỉ cần thực tập vài phút. Con thấy nhiều sư giả chỉ đứng hay xin như người bình thường, không có "tác phong" sư, mà vẫn có người cho tiền, vì thấy để họ đứng chờ lâu thì bất nhẫn và bất tiện cho công việc làm ăn đối với nơi kinh doanh.

HTTT: Xuất gia gieo duyên có 2 nội dung quyết định, là giới luật và nếp sống thiền môn nghiêm túc và đạo hạnh. Sư giả dứt khoát không có hai thứ đó. Người mà có được 2 điều đó thì thành sư thật rồi, đâu còn là sư giả nữa. Vì tuân thủ theo đúng giới luật và nếp sống tự viện Nam tông, một vị sư chỉ đi xin thức ăn (khất thực), không được nhận tiền và không ăn phi thời (không ăn sau giờ ngo, tức 12 giờ trưa). Trang bị những điều cần có ở sư thật để đi làm sư giả thì đâu có ai làm được chỉ vì có được gì đâu? Đạo hữu thống nhất với thầy điều đó chứ?

CSMT: Dạ, kính bạch Hòa thượng, bên cạnh đó, con còn thấy nhiều điều kỳ lạ, nếu không muốn nói là ác ý, trong lập luận cho rằng tệ nạn sư giả là mặt trái của xuất gia gieo duyên. Nó vô lý cũng giống như nói rằng huấn luyện bắn súng cho người học quân sự là giúp cho người đó sau khi xuất ngũ dễ dàng làm cướp vậy. Nhưng trong thực tế, làm cướp thường là những người không được học hành, còn sinh viên những người phải qua huấn luyện quân sự, thì hầu như chỉ có trường hợp cá biệt bất thường mới rơi vào con đường trộm cướp.

Tuy nhiên, bạch Hòa thượng, ý kiến trong bài viết "Xuất gia gieo duyên: Mặt trái của một vấn đề" có nói đến việc "Những cô cậu choai choai vừa cạo đầu chưa sạch tóc tập tu, được bao nhiêu người cung kính, cung phụng cúng dường, sau này về đời, nếu gặp cuộc sống khó khăn, họ sẽ nghĩ lại những tháng ngày hạnh phúc trong chùa, giờ mà vào lại thì không thích, đành phải làm công việc "dễ ăn" này để

kiếm sống. Chính điều này sẽ làm chúng ta thêm ngậm ngùi!”

HTTTT: Là Phật tử Nam tông, đạo hữu có ở qua một ngày trong một chùa Nam tông chưa? Nếu đã ở qua thì đạo hữu có thể chỉ ra được ý kiến trên không đúng chỗ nào?

CSMT: *Kính bạch Hòa thượng, con cảm thấy phải cố gắng rất nhiều khi ở trong chùa Nam tông, vì việc đầu tiên là phải thay đổi thói quen ăn uống từ 3 bữa/ngày thành 1 bữa/ngày, không được ăn vật. Đời sống tu tập theo truyền thống Nam tông không dễ dàng chút nào. Đó chỉ là làm Phật tử thôi, chưa nói đến kỷ luật của người xuất gia. Nghĩ rằng xuất gia gieo duyên sẽ “hạnh phúc” với sự cung kính cúng dường cúng dường rõ ràng là không hiểu biết gì về Phật giáo Nam tông.*

HTTTT: Bất kỳ ở cương vị nào, cũng đều có nghĩa vụ và quyền lợi. Nhưng người xuất gia theo truyền thống Nam tông, đặc biệt là trong các khóa tu gieo duyên, chỉ được cúng dường thực phẩm (một buổi/ngày), y bát, tọa cụ, thuốc men, không có cúng dường tiền. Chỉ cúng dường những thứ tối thiểu cần thiết cho đời sống xuất gia.

Việc cúng dường đó là việc bảo đảm cho mức sống ở cấp giới hạn tuyệt đối, không khổ hạnh, nhưng phải tuân theo triết để giới luật.

Việc cúng dường đó không thể giúp người xuất gia gieo duyên có được nếp sống hạnh phúc theo kiểu “dễ ăn” như nếp sống đời thường. Nhưng bên cạnh quyền lợi rất hạn chế đó (được cúng dường cơm ngày 1 bữa giới hạn trong dung tích bình bát, không được để dành và những vật phẩm tối thiểu cho cuộc sống tu hành) là nghĩa vụ hết sức nặng nề, là giới luật.

Xuất gia gieo duyên khác với khóa tu ở chỗ người xuất gia phải thọ giới sa di và giữ nghiêm sa di trong suốt thời kỳ xuất gia tu học.

CSMT: *Bạch Hòa thượng con hiểu xuất gia gieo duyên không phải là một chuyến đi nghỉ mát miễn phí, hay thực tập làm chức sắc Tôn giáo, mà là việc tu, trước*

hết là bằng một cách triệt để, là thọ và giữ nghiêm giới.

HTTTT: Không phải chỉ tu giới, mà phải tu định, tu huệ, tu thiện, tu các thiện pháp.

Trong đạo Phật, người tu sĩ khác với người tín đồ không phải ở chỗ được phong cấp, mà cơ bản là ở giới luật và cuộc sống xuất gia trong kỷ luật Tăng đoàn. Xuất gia gieo duyên là chịu sự ràng buộc của giới luật trước hết trong một thời gian, còn sau đó, là nếp sống quy củ của tự viện.

Những việc giới hạn nếp sống của người xuất gia gieo duyên trong khuôn khổ đó là nhằm hướng đến cái thiện, sự giải thoát, tinh thần trung đạo (không khổ hạnh, không lợi dưỡng, để tạo một định hướng đạo đức khi họ trở về lại cuộc đời).

CSMT: *Kính bạch Hòa thượng, con nghĩ là áp lực, yêu cầu của việc tu tập xuất gia gieo duyên cao hơn so với các hình thức khóa tu dành cho Phật tử. Vì rất rõ ràng, xuất gia gieo duyên Nam tông là sống đời tu sĩ Phật giáo Nam tông thật sự trong thời gian xuất gia, trước hết là không được ăn phi thời, không được giữ tiền, phải tuân thủ giới sa di. Trong khi người Phật tử trong các khóa tu thì giữ 5 giới hay 8 giới của người cư sĩ, vẫn sống với chuẩn cư sĩ, nhưng chỉ khác là ở trong chùa.*

HTTTT: Việc so sánh xin dành cho đạo hữu. Điều thầy xác nhận là xuất gia gieo duyên là sống đời tu sĩ đúng với những tiêu chuẩn của giới luật, trong thời gian có thể là ngắn hạn. Còn có được sự cung kính, thì đó là sự cung kính đối với giới pháp bậc trên và đối với hạnh nguyện và đời sống xuất gia, không phải cung kính con người cụ thể.

CSMT: *Kính bạch Hòa thượng, vậy nghĩ là xuất gia gieo duyên thì được cung kính thì cũng là cách nghĩ sai lầm tương tự “cách nghĩ” của mảnh vải được làm quốc kỳ khi thấy người ta chào cờ, trong một câu chuyện ngụ ngôn.*

HTTTT: Đạo hữu trình bày vấn đề có vẻ căng quá, dù là cụ thể. Thầy chỉ nói

thêm là xuất gia gieo duyên theo truyền thống Nam tông không phải chỉ là “những cô cậu choai choai vừa cạo đầu chưa sạch tóc để tập tu, liền được bao nhiêu người cung kính, cung phụng cúng dường”. Đó chỉ là một góc nhỏ của xuất gia gieo duyên.

Còn ở một góc khác, cũng của xuất gia gieo duyên theo truyền thống Phật giáo Nguyên thủy là vua, hoàng thân, thái tử, hoàng tử, công chúa, quan chức..., ở các nước Nam tông... khi đi tu xuất gia gieo duyên cũng chỉ được đối xử bình đẳng như một người thợ hớt tóc, một anh nông dân xuất gia, chỉ là người Tăng sĩ thợ giới sa di như nhau. Không nhắc tới điều này là khiếm khuyết đó.

CSMT: Kính bạch Hòa thượng, như vậy, thiết tưởng Phật giáo Theravada Việt Nam cũng cần tổ chức xuất gia gieo duyên như thế với đủ mọi lứa tuổi, để phát huy ưu điểm của pháp môn này, cũng như để giải tỏa những sự hiểu lầm.

HTTT: Khi đó, nếu đạo hữu tu tập xuất gia gieo duyên, thì cây bút nổi tiếng được nhiều người biết đến và nể trọng của đơn vị truyền thông hàng đầu của Phật giáo Việt Nam hiện nay cũng sẽ được chú ý và cư sĩ Phật giáo Nam tông đối xử, có cung kính cúng dường đi nữa, thì cũng như những anh công nhân, nông dân khác xuất gia đó.

CSMT: Kính bạch Hòa thượng con hiểu rõ và điều đó là đương nhiên. Giới hạnh là như nhau đối với mọi người nếu thọ giới nghiêm cẩn. Con nghĩ có lẽ, cũng nên nghĩ đến việc Phật giáo các hệ phái khác nghĩ đến việc tổ chức xuất gia gieo duyên để nâng cao chất lượng tu tập trung tại chùa đối với những Phật tử có hạnh nguyện, có khả năng thọ giới cao hơn trong một thời gian, đưa họ đến gần đời sống xuất gia thực thụ.

HTTT: Thầy nghĩ là nếu Phật giáo Việt Nam Bắc tông ở nước ngoài đã tổ chức tu xuất gia đoàn kỳ, tức xuất gia ngắn hạn như đạo hữu đã nói, thì có lẽ, sớm muộn gì Phật giáo trong nước các hệ phái cũng phải tính đến một hình thức “nâng cấp” như vậy cho người cư sĩ trong việc tổ chức các khóa tu.

CSMT: Kính bạch Hòa thượng, như vậy, vấn đề xuất gia gieo duyên đã được làm rõ. Con nghĩ mặt trái của vấn đề ở đây chỉ là người cư sĩ xuất gia gieo duyên có tuân thủ triệt để giới luật và qui định dành cho đời sống xuất gia chặt chẽ kỷ luật như họ đã dự kiến hay không mà thôi.

Con xin cảm ơn Hòa thượng đã dành thời gian cho buổi tiếp chuyện để làm sáng tỏ vấn đề. Kính chúc Hòa thượng pháp thể khinh an. ●



HT Thích Đức Nghiệp và HT Thích Thiện Tâm (đứng) chụp ảnh lưu niệm tại chánh điện chùa Phổ Minh - Gò Vấp



Hạnh phúc là gì?

Phạm Chí Quốc

*Hạnh phúc là gì?
Làm thế nào để có hạnh phúc? Một cảm nhận,
một góc nhìn về hạnh phúc dưới đây hi vọng sẽ cho bạn một
khoảng lặng để suy nghiệm về hạnh phúc của mình...*

Thật bất ngờ khi ngồi uống cà phê buổi sáng với một người bạn ở vùng đất cuối trời (gia đình rất bình thường như bao gia đình bình thường khác) và nghe câu nói bộc phát của bạn: "Tao thấy hạnh phúc khi mỗi buổi sáng có thể ngồi uống cà phê với bạn bè trước khi đi làm. Tao không là gì cả, nhưng tao có thể làm những việc mình thích. Tao thấy như vậy là hạnh phúc".

Chợt thấy hay. Dù không phải là công chúa hay hoàng tử, dù không phải tổng thống hay vua chúa, dù không phải đại gia hay những người quyền quý, nếu người ta cảm thấy hạnh phúc với từng phút giây đang sống, biết bằng lòng với những gì của hiện tại thì khi đó người ta có hạnh phúc. Cũng như bạn, tôi thấy mình có thể tồn tại trên cõi đời này thì đó là niềm hạnh phúc của tôi, dù tôi có bình thường như bao người khác.

Tôi chỉ biết rằng tôi còn đôi tay và đôi chân lành lặn, còn đôi mắt để nhìn cuộc sống, còn một tấm thân bình thường, đó là hạnh phúc.

Tôi chỉ biết rằng mỗi tối khi đi làm về cùng gia đình ăn uống một cách vui vẻ, đó là hạnh phúc.

Tôi chỉ biết rằng được giúp đỡ một mảnh đời éo le, được đấu tranh với một số trong vô số những bất công ngang trái trong xã hội để làm cuộc sống ngày một tốt đẹp hơn, đó là hạnh phúc.

Tôi chỉ biết rằng được khoác vai người bạn thân của mình, cùng chia sẻ những điều vui buồn trong cuộc sống, đó là hạnh phúc.

Tôi chỉ biết rằng còn nhìn thấy ba mẹ và những người thân yêu nhất của mình hiện tiền trên cõi đời này, còn bình an, đó là niềm hạnh phúc.

Hạnh phúc - một cảm thọ tưởng chừng ở xa, khó đạt được nhưng bạn không thể ngờ là nó bình dị như thế đó. Nó lúc nào cũng ở bên cạnh mình, nhưng điều quan trọng là mình có nhận ra và nắm bắt lấy nó hay không. Như câu chuyện về chú heo con này đây:

Có một chú heo con luôn tò mò và thích khám phá những điều mới mẻ. Một ngày kia, khi heo con rong chơi khắp nơi, chú nghe người ta nói với nhau về hạnh phúc và những hành trình đi tìm kiếm hạnh phúc của họ. Tò mò heo con hỏi mẹ của nó: "Mẹ ơi, hạnh phúc là gì vậy mẹ?".

Mẹ của heo con trả lời: "Là cái đuôi của con đẩy con trai yêu!". Vậy là heo con mỗi ngày đều tìm cách với tới cái đuôi của mình, nó cứ với mãi, xoay vòng xoay vòng đến khi mệt là mà vẫn không thể nào với tới cái đuôi của mình. Vậy là heo con cầu cứu mẹ: "Mẹ ơi, sao hạnh phúc khó với tới vậy mẹ, con làm mãi mà không có cách nào với được nó! Làm sao người ta có được nó hả mẹ?".

Mẹ của heo con mỉm cười âu yếm và nói với cậu con trai cưng của mình: "Vì sao con lại muốn với tới nó hả con trai, con không thấy rằng nó luôn theo mỗi bước con đi và mãi mãi bên con sao. Con cứ hãy đi bất cứ nơi đâu và làm bất kỳ điều gì con muốn, khi con mệt mỏi và dừng bước để nhìn lại phía sau, con sẽ thấy cái đuôi của mình luôn ở sau mình và gần nơi con nhất, nó không bao giờ rời bỏ con, con trai à!

Hạnh phúc là thế đó!.



Bà Mẹ

Nhuận Hiền

Mắt bà Mai rơm rớm đỏ vì đau khi con dâu cởi nhanh chiếc áo tay dài bà đang mặc trên người bị ướt do nước tiểu sau một đêm ngủ.

Má tiểu nhiều quá, ướt luôn cả nệm. Cô con dâu lầu bầu.

Khoảng 5 giờ sáng mỗi ngày, khi trời chưa sáng, con dâu bà đã dậy lo vệ sinh tắm rửa cho bà. Cô sắp xếp việc vệ sinh cho bà lúc sáng sớm vì trong ngày cô phải lo cơm nước cho cả nhà và đưa rước hai con đi học ngày ba buổi.

- Đau...đau... bà kêu lên khi con dâu đỡ bà đứng dậy rồi choàng tay bà qua vai cô và đi xuống buồng tắm. Bà Mai bị loãng xương nặng nên hơn một năm nay bà không tự đi được, chân bà lỏng cóng bước theo chân con dâu.

Bà hơi run khi tia nước nóng ngừng chảy và con dâu lau cho bà vội vàng bằng một chiếc khăn nhỏ. Cô diu bà vào phòng lại. Cảm giác hai chân yếu đuối của mình và sợ té bà ghì lại làm con dâu phải dùng sức đi nhanh để bà đi theo. Bà còn hơi nặng nên con dâu bà thở hổn hển sau khi tắm và đỡ bà lại trên giường. Cô nịt tã, mặc quần áo và bên ngoài thêm chiếc áo len. Qua tết rồi mà tiết trời vẫn còn se se lạnh...

Vệ sinh xong, bà nằm trên giường chờ trời sáng. Lát sau con trai và con dâu bà từ trên lầu đi xuống, vào phòng và đỡ bà lên xe lăn. Con trai đẩy bà ra ngoài ăn sáng.

- Đêm qua má ngủ ngon không? con trai bà hỏi.... Bà trả lời:

- Biết đâu.

Cả nhà cùng cười...

Con trai và hai đứa cháu ăn sáng vội vàng để kịp giờ con trai bà đưa con đi học và đi làm luôn đến chiều mới về.

Sáng nay bà ăn sáng với cháo thịt băm. Bà nuốt cháo còn thịt bà lặn nhẩn trong miệng rồi phun ra. Con dâu dứt bà muỗng khác bà cũng làm vậy.

- Má nuốt thịt đi, đừng có phun ra. Má ăn thịt cho có chất bổ.

Con dâu vừa lau miệng vừa dỗ dành bà. Bà cố gắng nuốt thịt vào, bà muốn làm vừa lòng con dâu hơn là vì sức khỏe của bà.

Bà Mai hớp hớp vài ngụm nước kèm với những viên thuốc bổ sau khi uống thêm một ly sữa nhỏ. Bà bị thiếu máu và bị loãng xương nên bác sĩ cho bà uống thuốc bổ máu và calci. Da bà trắng xanh có lẽ vì bà thiếu máu và thiếu luôn cả ánh nắng.

Lo cho bà xong, con dâu bà dắt xe ra ngoài đi chợ, và khóa cửa lại bà Mai ngồi trên chiếc xe lăn một mình. Ngôi nhà thật im vắng. Cả nhà đã đi hết.

Bà Mai năm nay đã hơn 80 tuổi, lấy chồng từ năm 20, vợ chồng bà ở trong quê, một làng quê nghèo miền trung. Thế hệ của ông bà là thời gian đất



nước chiến tranh nên bao phen ông bà trắng tay vì chạy giặc. Một lần gầy dựng là một lần lao khổ. Lần cuối cùng vợ chồng bà quyết định bỏ quê ra tỉnh lập nghiệp vì khi đó ông bà đã có năm con. Với số tiền dành dụm, ông bà mua một căn nhà nhỏ che mưa nắng. Ra phố cái gì cũng mới lạ, không còn đất ruộng để cấy cày nên chồng bà tìm một chỗ vá sửa xe đạp ở góc đường kiếm chút tiền qua ngày. Khi đó, bản năng làm vợ và làm mẹ của năm đứa con nhỏ nổi lên trong bà mãnh liệt, bà quyết tâm ra chợ tìm cách làm ăn. Bà cùng các bà bạn trong quê ra đi Sài Gòn buôn hàng chuyển. Tuy không biết chữ nhưng bà rất lanh lợi trong việc tính toán làm ăn. Ban đầu, bà buôn các mặt hàng ít vốn, dần dà bà buôn qua các mặt hàng nhiều vốn hơn. Nhờ trời thương bà gặp nhiều thuận lợi. Khi đó bà như một nữ tướng trên mặt trận kinh doanh. Vào Sài Gòn bà mua bán gom hàng để kịp lên xe về và quay vòng chuyển khác, bà như chạy đua với thời gian. Bà làm ăn miệt mài quên cả bản

thân mình. Chồng bà nghỉ vá sửa xe đạp ở nhà phụ bà trông nom nhà cửa và con cái. Mấy năm sau, bà sang được một sạp hàng vải trong một chợ lớn. Buổi tối rảnh rỗi bà nhờ các con dạy bà học chữ, và bà đã biết đọc báo. Bà sanh thêm được ba đứa con nữa. Bà đổi nhà ra mặt tiền. Các con bà đứa nào cũng học hết phổ thông, riêng thằng thứ tư vô Sài Gòn học đại học rồi ở luôn lấy vợ trong đó. Bảy đứa con, đứa nào lập gia đình ba cũng giúp con mua nhà cửa đàng hoàng. Riêng thằng út ông bà ở chung với vợ chồng nó, khi ông bà chết, sẽ cho nó căn nhà này. Bà mãn nguyện vì đã lo cho con cái đầy đủ.

Thời gian qua rất nhanh. Khi con cái khôn lớn thì ngược lại ông bà phải đối mặt với tuổi già, và tuổi già là tuổi mà thân xác phải lão hóa và bệnh tật như một định luật muôn đời của tạo hóa. Bà phải dẹp việc làm ăn khi chồng bà bị tai biến hai lần và nằm liệt giường hơn mười năm. Nuôi con rồi nuôi chồng bệnh bà đã kiệt sức. Khi chồng chết cách đây hai năm bà suy sụp hoàn toàn từ tinh thần đến thể xác. Bà không còn minh mẫn, bà đã lẩn. Tiền bạc tài sản bà đã chia hết cho các con. Còn một ít giao cho vợ chồng thằng út

Một năm sau chứng bệnh loãng xương làm bà không còn tự đi đứng được nữa. Nó đã gắn chặt bà trên chiếc giường và trên chiếc xe lăn. Trong ngày, ngoài ba buổi ăn và những lần thay tả còn lại bà lặng lẽ một mình nằm trong phòng, hay ngồi trên chiếc xe lăn. Mọi thứ đều trở nên vô nghĩa đối với bà. Bà đơn độc trong thế giới riêng biệt của mình. Những đứa con của bà đứa ở phương xa thì một hai năm mới gặp mặt, còn mấy đứa ở gần có khi hơn tháng chúng mới ghé qua thăm. Chúng đến qua loa đôi chuyện rồi đi. Có lẽ những vấn đề của chúng hôm nay bà không còn nhập cuộc được. Đã qua rồi cái thời chúng xúm xít bên mẹ, chuyện lớn nhỏ nào cũng mẹ. Chúng đã xa rời vòng tay bà để vội vã nhập vào vòng quay nhanh của cuộc sống và trong vòng quay này bà đã bị trôi dạt qua một bên.

Bà Mai vẫn ngồi trên chiếc xe lăn trong nhà một mình. Bà nhìn ra ngoài, cửa vẫn khóa. Con dâu bà vẫn chưa về. Căn nhà vẫn vắng lặng và sự đơn độc hiện trên gương mặt nhăn nheo của bà. Bên ngoài nắng đã lên cao. Gió thổi lao xao tàn cây trong sân nhà. Bà nhìn mãi ra ngoài, một ý nghĩ nào đến trong tâm trí làm mắt bà rơm rớm nước. ●





Vu
lan
tháng
7
năm
2011

Công cha nghĩa mẹ vì làng non Hiếu nghĩa đáp đền công cha mẹ

Vu lan tưởng nhớ mẹ hiền
 Công lao cực khổ kiếm tiền nuôi con
 Vuông tròn hiếu đạo nghĩa nhân
 Làm sao trả được mẫu thân ơn này
 Chúng con vâng lệnh phật thầy
 Để lo đền đáp ơn dầy mẹ cha
 Núi kia cao tận trên mây
 Công ơn cha mẹ cao hơn mấy lần
 Dù cho xuống biển lên rừng
 Đôi vai cồng mẹ giữa lưng trời xanh
 Không sao trả hết, hiếu này
 Vu lan tháng hội ơn này trả mau
 Mong sao phật tử xa gần
 Hướng về phật mẫu tại gia của mình
 Noi gương để tử phật đà
 Tu cho đắc đạo, cứu mà mẫu thân
 Tháng bảy là ngày vong nhân
 Sanh thành dưỡng dục, song thân đáp đền
 Nguyên cầu tất cả khắp nơi
 Mau mau trả hiếu về nơi thiên đàng
 Giống như đại hiếu phật đà
 Một mình địa ngục, độ cho mẹ hiền
 Cũng nhờ các vị chư tăng
 Cùng nhau hiệp lực nguyện cầu mới xong
 Mục liên hiếu rõ lục thông
 Vì lòng hiếu thảo lưu danh muôn đời
 Con hiền cháu thảo hôm nay
 Học theo đại hiếu, ngày sau được nhờ
 Không thì sẽ trở bến bờ
 Làm sau bước được lên bờ phật tiên

Sơn
Phượng
Kính
Tặng
phật
mẫu

Hạnh Tu Như Rửa

TT Bửu Chánh thuyết giảng tại
trường hạ TX Ngọc Phương năm 2011
Ni sư Minh Liên phổ thơ

Mỗi người tu sẽ chúng ta,
Tự tu, tự độ, độ tha có thừa.
Miệt mài cần mẫn sớm trưa,
Cần tu như thể hạnh Rửa sau đây.
Có năm đặc điểm như vậy:
Một: là trong nước hằng ngày lội bơi.
Cách ly nước nọ lúc thời,
Rửa kia bị chết cuộc đời liêu tan.
Người tu cũng vậy sẵn sàng,
Tâm từ rộng mở vô ràn thường yêu.
Không phân biệt ít hay nhiều,
Không thương, không ghét, không yêu, không thù.
Tâm từ có mặt hòa nhu,
Tượng tượng mát mẻ muôn thu an lành.
Tâm tham, sân hận bớt nhanh,
Si mê, tật đố, đua tranh, não phiền.
Khổ đau lùi đẩy ra liền,
An vui hiện tại hoa liên hiển bày.
Thân tâm hoan hỷ vui thay,
Tức là mình từ, mình hay thương mình.
Thường luôn người ghét, người khinh,
Người chê, người báng, phỉ mình sớm mai.
Người tu không lập hạnh này,
Cũng như đã chết chôn ngay dưới mồ.
Hằng gìn chánh niệm ra vô,
Để tâm tĩnh lặng lúc nào cũng yên.
Hành từ như vậy thường xuyên,
Nghiêm từ miên mật chẳng phiền lụy chi.
Ngủ rồi, thức giấc nhớ ghi,
Không nằm mộng thấy những gì dữ hung.
Mọi người thường quý tốt cùng,
Chư Thiên ủng hộ tấm lòng hân hoan.
Dù rằng gặp kẻ ác gian,

Cũng không hại được tấm lòng từ bi.
Dù cho lửa cháy thiêu đi,
Cũng là thuốc độc một khi hại người.
Tâm từ an lạc vui tươi,
Tâm thường hoan hỷ nói cười hân hoan.
Trường đi, trường dừng dịu dàng,
Vô cùng xinh đẹp rõ ràng thẩm lược.
Hai: là Rửa lặn xuống rồi,
Tống trong nước sạch khi trôi khi bơi.
Trời lên mặt nước kịp thời,
Thấy liền gì đó, lúc thời lặn ngay.
Người tu cũng vậy hằng ngày,
Tâm từ mát mẻ hiện ngay cốt lõi.
Tâm sân phiền não lắng trong,
Duy trì chánh niệm mới hồng linh tâm.
Ba: ra khỏi nước Rửa nằm,
Phơi trên cát trắng giữ tâm an nhàn.
Người tu cũng vậy dễ dàng,
Thường thường quan sát từ cần chánh chân.
Thận cần: điều ác chưa sanh,
Không cho khởi dậy tâm mình lắng trong.
Trừ cần: điều ác gần lòng,
Diệt trừ điều ác cầu mong tuệ lành.
Tu cần: pháp thiện chưa sanh,
Làm cho sanh khởi điều lành sớm mai.
Bảo cần: điều thiện hành ngay,
Thiện này sanh khởi giữ hoài cho lâu.
Bốn: Rửa đào đất chun sâu,
Im lìm dưới đất ai đâu kiếm tìm.
Người tu đã sống thoát trần,
Phát huy đề mục tu tâm định thiền.
Tâm an, thân khỏe, sáng liền,
Quán thường ngũ uẩn khó yên lúc lòng.
Ra vào hơi thở như không,
Phút giây sinh diệt khó mong cứu mình.
Tuệ trí quán sát rành rành,
Đời người hơi thở thực hành ra vô.
Năm: là Rửa bò trên khô,
Nếu nghe tiếng động liền thâu đầu vào.
Tránh liền tai họa về sau,
Nhờ mai che chở hằng ngày an thân.
Người tu nay đã thoát trần,
Ngày đêm liệp xúc sáu căn của mình.

Mắt trông thấy sắc đẹp xinh,
 Luôn luôn quán tưởng thân hình nhép nhô.
 Tai này nghe tiếng ru vờ,
 Dền ca xướng hát mộng mơ diễn bày.
 Tức thì ngăn chặn liền đây,
 Tai nghe Pháp Phật hằng ngày linh thông.
 Mũi này ngửi hít mùi hương,
 Ngũ phần hương giới ngát xông khắp cùng.
 Lưỡi hay nếm thức mặn nồng,
 Vị này chưa chát cay xông trong ngoài.
 Thế nên theo dõi từng giây,
 Từng giờ, từng phút đọc hoài kinh văn.
 Thân thường ra chạm xúc trần,
 Dừng cho ô nhiễm linh thân sáng tướng.
 Ý hay quán sát pháp trần,
 Hành từ thiền định diệt tan ý xằng,
 Sáu căn liếp xúc sáu trần,
 Không hề đắm nhiễm bụi trần vương mang.
 Thân tâm thanh thản nhẹ nhàng,
 Ngọc Phương Tịnh xá Niết bàn là đây.

Ngày 18-5 năm Tân Mão
 Nhâm ngày 19-6-2011

Nụ Cười Của Mẹ

Liễu Như

Nụ cười rạng rỡ như hoa
 Tảo lân, lặn dạn không nhòa sắc hương
 Cuộc đời Mẹ ngát thân thương
 Mẹ là Bồ Tát giữa đường thế này!

NHỚ MẸ

Kính lạy hương hồn mẹ
 Phạm Ngọc Bình (PD: Nguyên Đạo)

Mẹ ra đi, đã tròn ba năm chẵn
 Tấm thân gầy mẹ bỏ lại trần gian.
 Con nhớ quá những tháng ngày thơ dại
 Vì đàn con mẹ vất vả, nhọc nhằn
 Quang gánh nặng trên vai gầy bé nhỏ
 Mẹ sớm trưa rong ruổi quãng đường dài.
 Bao khó nhọc mẹ âm thầm chịu đựng
 Lo cho con ăn học để thành tài
 Rồi cứ thế dòng đời xuôi chảy mãi
 Lưng mẹ còng theo năm tháng trôi qua
 Cho đến ngày mẹ nhắm mắt lìa xa
 Theo tiên tổ đi về miền Cực Lạc.
 Hôm liền đưa mẹ về nơi phương ấy
 Con nghẹn lòng cố nén giữ trong tim
 Phút chia ly con nhìn lên di ảnh
 Mắt mẹ hiền thương nỗi khổ nhân gian
 Con chợt hiểu cảnh đời sao giả tạm
 Có rồi không, để lại vết thương lòng
 Con vẫn biết trong vòng đời sanh tử
 Thêm nỗi tội lằn, quy luật của muôn thu
 Để chiều nay con về bên chùa cũ
 Bóng mẹ hiền như ẩn hiện đầu đây
 Con viết vội rằn thơ dành tặng mẹ
 Lời lữ linh xin gửi đến mẹ yêu.

Cài Hoa Hồng

Bé Xuân Mai

Kính dâng Cha: Đinh Văn Sơn
Mẹ: Nguyễn Thị Kim Phượng

Kính thưa cha, tình thưa mẹ
Con gái út thương cha mẹ nhiều lắm
Nỗi nhọc nhằn luôn gánh nặng đôi vai
Mồ hôi rơi suốt cả đêm ngày
Thấy cha mẹ khổ lòng con chưa xót
Con xin hứa phải lập công bồi đức
Để nguyện cầu cha mẹ mãi bình yên
Đến hằng năm vào ngày lễ “Vu lan”
Con cài áo cánh hoa hồng đỏ thắm
Và mỉm cười trong hơi ấm mẹ cha
Giờ con trẻ dâng cha bông hồng nhỏ
Để nói lên con rất kính yêu cha
Chúc mừng cha còn có nội trên đời
Niềm hạnh phúc không lời nào tả xiết

Cha mẹ ơi hãy vì con tha thiết
Sức khỏe là vàng xin hãy giữ gìn luôn
Đóa hoa hồng con cài lên áo mẹ
Mà dâng cả niềm hạnh phúc vô biên
Mẹ của con xinh đẹp lại điệu hiền
Thường con trẻ mẹ chăm nôm nỉu chút
Con mừng mẹ cuộc đời luôn điểm phúc
Vì mẹ còn có ngoại ở kề bên
Nghĩ đời con ôi thiệt quá đủ rồi
Được sung sướng khi làm con cha mẹ

Hoa hồng đỏ em cài cho anh chị
Chúc anh chị có mẹ hiền đời
Bởi chúng ta có cuộc sống tuyệt vời
Vì cha mẹ là người luôn đạo đức
Kể từ rày anh em mình chung sức
Để đáp đền ơn nghĩa của mẹ cha
Giúp đỡ nhau cùng chung sống thuận hòa

Cha mẹ được vui lòng anh chị nhé.
Kính bạch chư tôn thiện đức chúng tăng
Kính bạch sư phụ thường kính của con
Kính thưa cha mẹ cùng anh chị em
Vu lan mùa báo hiếu của năm nay
Con xin hứa sẽ là con ngoan hiền
Học tốt, làm giỏi, thường kính mẹ cha.

CẢM ƠN SÂU

Nhân kỷ niệm ngày rằm tro bác Phạm Kim Khánh

Kim Tiên

Nào ngờ trong cõi ta bà
Có ngài Kim Khánh như là thánh nhân
Thanh thân, an lạc pháp thân
Khiểm cung, nhẫn nại linh căn luôn luôn
Từ bi ngược gió đưa hương
Nhân loại đón nhận tình thương dạt dào
Thân canh cho lúc đổi màu
Dịch kinh Nguyên thủy ơn sâu ngút ngàn
Lời Phật khuôn ngọc thốt vàng
Lộ rằng mai một ngài ban cho đời
Tâm hằng mến mộ ơn người
Mong sao được gặp nói lời tri ân
Hôm nay diện kiến pháp thân
Dập đầu con lay ân nhân của đời
Dẫu mai cõi tịnh gọi mời
Lời kính, tiếng Khánh người người ghi tâm.

Ơn Sanh Thành

Hiền Khánh (Hoa Huệ)

Cuộc đời gió thoảng mây bay
Công cha nghĩa mẹ khó tài nào quên
Thương cha chẳng những khóc thầm
Bao lời cha dạy ngàn năm mãi còn
Để làm tăng lực cho con
Trong cơn sóng gió vẫn không nãn lòng
Cha sanh mẹ đẻ lưỡng đồng
Nuôi con ăn học những mong nên người
Công thành danh tại rời đời
Dơm hoa kết trái cầu trời cho con
Ơn cha cao cả vẹn toàn
Lời ru của mẹ vẫn còn thảng năm
Vu lan tháng bảy ngày rằm
Cài hoa tang trắng con thầm nhớ ơn
Song thân rõ thấu nguồn cơn
Hồi hường phước báu con mong đáp đền

Nhớ Mẹ

Út Hà

Lời ru mẹ hát thuở nào
Đưa con vào giấc ngọt ngào tuổi thơ
Nhớ lời mẹ vẫn ầu ơ
Con đi lối tỏ, chơi vơi lối mờ
Sống sao cho trọn bến bờ
Giác tâm, đạo ngộ, bỏ rời si mê
Sân chùa vang vọng tiếng re
Râm ran nỗi nhớ gọi về trong con
Bao nhiêu công đức vẹn tròn
Kính dâng lên mẹ, lòng con nguyện cầu
Nguyện sao mẹ mãi sống lâu
Bình an, hạnh phúc, không đau, không sầu
Mong sao sớm thoát u sầu
Lặng tâm thanh tịnh, thoát cầu từ sanh.

Chín Phái Đoàn Truyền Giáo Của Vua A Dục

Bhikkhu Suvijjo

(tiếp theo và hết)

1. Phái đoàn thứ bảy

Do Trưởng lão Majjhima, Kassapagotta, Mūlakadeva, Durabhissara và Trưởng lão Deva Sahadeva nhận trách nhiệm truyền bá chánh Pháp ở khu vực Himālaya.

Địa danh Himālaya có nhiều tên gọi khác nhau: Himavā, Himācala, Himavanta ... nhưng tên gọi phổ thông là Himālaya (tức là nơi có nhiều tuyết - Tuyết Sơn). Nó là một trong bảy dãy núi bao quanh Gradhamādana [theo Chú giải Sutta-nipata, i., 66]. Diện tích khoảng 300 ngàn dặm, có đến 84 ngàn đỉnh núi, đỉnh cao nhất là 500 do tuần (Yojanas) tương đương với 8.000 km. Ở trong vùng Himavā có bảy cái hồ nước lớn, mỗi cái có chiều dài, ngang, sâu khoảng 50 dặm. Tên bảy cái hồ đó là Anotatta, Kannamunda, Rathakāra, Chaddanta, Kunāla, Mandākinī và Sīhappapātaka. Tại những hồ này, ánh nắng mặt trời không bao giờ đốt nóng được nước hồ. Nước từ Himavā chảy đổ vào 500 dòng sông. Tuy nhiên, theo Chú giải Suttanipata và Milindapanha thì chỉ có 10 dòng sông nhận nước trực tiếp từ Himavā, còn những dòng sông khác thì nhận nước gián tiếp. Mười con sông đó là Ganga, Yamunā, Aciravatī, Sarabhū, Mahī, Sindhu, Sarrassatī, Vettavatī, Vītamsā và Candabhāgā.

Trong Túc sanh truyện (Jātaka), Himavā được đề cập đến như là một nơi trú ngụ của các vị đạo sĩ khi bỏ đời sống thế tục. Ở đây, có nhiều rừng già rất thích hợp cho ẩn tu. Trong Chú giải Tiểu bộ kinh Sutta Nipata có đề cập một đỉnh núi tại Himavā được đặt tên là Mahāpapāta, nơi đức Phật Độc giác viên tịch. Chú giải Tương Ưng bộ kinh, III-120, ghi rằng loài rồng (Nāgas) đi đến núi Himavā để sanh con. Chú giải Trưởng lão Tăng kệ, II-138, có đề cập đến một lần Trưởng lão Sīvali từ Sāvatti đi đến núi này cùng với 500 người bạn đồng tu. Cuộc hành trình này làm mất thời gian chừng khoảng 8 ngày.

Quyển Mahāvamsa, XII.41, ghi năm vị Trưởng lão thuộc phái đoàn vua Asoka đi đến nước Himavā hoằng pháp. Thời pháp đầu tiên được thuyết ở xứ sở này là bài Kinh Chuyển Pháp Luân (Dhammacakkappavattana sutanta). Sau khi bài kinh được thuyết giảng xong, có 80 người phát khởi lòng tịnh tín. Năm vị Trưởng lão này thuyết giảng tại 5 vương quốc chung quanh vùng Himavā, và trong mỗi vương quốc có khoảng 100 ngàn người xin xuất gia.

2. Phái đoàn thứ tám

Do hai Trưởng lão Sona và Uttara nhận trách nhiệm đi hoằng pháp ở xứ Suvannabhūmi.

Cho đến nay các học giả vẫn chưa nhất quán về nơi chốn của địa danh Suvannabhūmi. Sử liệu Thái Lan, Campuchia, Miến Điện... cho rằng phái đoàn thứ tám của vua Asoka có truyền giáo đến đất nước họ. Như vậy Suvannabhūmi có lẽ là một quốc gia rộng lớn.

Có thuyết cho rằng Suvannabhūmi là tiền thân của xứ Phù Nam (Funan). Một số học giả trên thế giới phỏng định vị trí của Phù Nam như sau [theo Lê Hượng, "Sử liệu Phù Nam"]:

* Ông Mã Đoàn Lâm người đời nhà Tống (960-1280), ở Lạc Bình, viết trong bộ "Văn Hiến Thông Khảo" rằng Phù Nam ở một hòn đảo lớn về phía Nam quận Nhật Nam, trong biển Tây, cách Nhật Nam 7.000 lý (1 lý = 400 thước tây), về phía tây nam cách Lâm Ấp 3.000 lý, diện tích lãnh thổ rộng 3.000 lý.

* Trong quyển sử ký Tư Mã Thiên có đoạn ghi rằng "... Dưới triều

vua Thành Vương nhà Châu, năm Tân Mão (1109 trước dương lịch), có sứ nước Việt thường sang triều cống chim bạch trĩ. Vị sứ giả không biết đường trở về được Châu Công Đản cho năm xe Chỉ Nam để dò đường. Sứ giả đi qua xứ Phù Nam, Lâm Ấp, và trở về nước đúng một năm".

* Đường thư chép: "Bà Lợi (P' O-Li, tên của Phù Nam) ở phía đông nam nước Chiêm Thành, phía nam có nước Chu Nại, đến sau niên hiệu Vĩnh Huy (Đường Cao Tông 650-655) bị nước Chân Lạp chiếm".

- * Ông Klaproth và Paulhier cho rằng Phù Nam ở vùng Pégou nước Miến Điện.
- * Ông Déguine cho rằng Phù Nam là một hòn đảo ở phía tây nước Thái Lan.
- * Ông Wilford cho rằng Phù Nam là một vương quốc ở Mã Lai.
- * Ông Stanisla Julien cho rằng Phù Nam ở Thái Lan.
- * Ông Barth cho rằng Phù Nam ở Ấn Độ.
- * Ông Schelegel cho rằng đất Thái bị một chư hầu của Phù Nam chiếm đóng.
- * Ông Bowring và ông Wade cho rằng vương quốc Phù Nam ở Thái Lan, căn cứ theo danh từ Phù Nam do chữ TCHETOU (Xích thổ) là một vùng đất đỏ nhờ phù sa bồi lên.
- * Ông Blagden cho rằng Phù Nam gồm đất Cao Miên, Thái Lan cho đến vùng Pégou ở Miến Điện.

Khi các vị Trưởng lão đến truyền bá đạo Phật ở đây thì trong cung điện vua, các hoàng tử sinh ra thường xuyên đều bị nữ Dạ Xoa biến ăn thịt. Sự hiện diện của các Trưởng lão lúc đó trùng hợp ngày sinh của hoàng tử. Ban đầu dân chúng nghĩ rằng những vị này là bạn của nữ Dạ Xoa và họ định dùng vũ khí giết các ngài. Các Trưởng lão giải thích cho họ biết các vị là những sa môn chân chánh, và tìm hiểu nguyên nhân tại sao có sự hiểu lầm này. Sau khi biết rõ nguyên nhân, nhị vị Trưởng lão liền dùng thần thông cảm hóa nữ Dạ Xoa. Sau khi cảm hóa Dạ Xoa xong, nhà vua và dân chúng vô cùng hoan hỷ với phái đoàn truyền giáo. Nhân đó, nhị vị Trưởng lão bắt đầu thuyết pháp cho vua và dân chúng nghe, qua bài kinh Phạm Võng (Brahmajāla sutta), Trưởng bộ kinh. Sau khi giảng xong, có 60.000 người xin quy y Tam bảo và 3.500 nam nữ con gia đình quý tộc xin xuất gia. Thêm vào đó, về sau này mỗi khi có hoàng tử nào sanh ra, nhà vua đều đặt tên là Sonuttara - ghép từ hai tên của nhị vị Trưởng lão là Sona và Uttara.

3. Phái đoàn thứ chín

Do Trưởng lão Mahādhammarakkhita lãnh trách nhiệm truyền giáo ở Mahāratthi. Về địa danh này, các học giả nhận định đó là xứ Marāthī, mà có lẽ ngày nay là phía đông bắc của thành phố Bombay, Ấn Độ.

Trưởng lão Mahādhammarakkhita là một vị cao Tăng đức hạnh, có thần lực phi phàm. Khi vị Trưởng lão đến xứ sở này, dân chúng vô cùng ái mộ và đều theo ngài học tập giáo lý của đức Phật. Thời pháp đầu tiên vị Trưởng lão thuyết ở đây là kinh Bốn Sanh (Jātaka). Kinh Bốn sanh là tập hợp những câu chuyện tiền thân của đức Phật, kể lại tiền kiếp khi Ngài còn là vị Bồ tát đang thực hành pháp thập độ ba la mật. Kinh này nằm trong Tiểu bộ kinh (Khuddaka Nikāya), thuộc tập thứ 10 trong 15 tập. Bộ kinh có giá trị luân lý, đạo đức qua các tấm gương giác ngộ sáng ngời của các vị Bồ Tát tiền thân của đức Phật Gotama. Sau thời giảng, dân chúng hoan hỷ tín thọ lời dạy của Trưởng lão. Có 84.000 người chứng đắc đạo quả, và 30.000 người xin gia nhập Giáo đoàn. ●

Tài Liệu Tham Khảo

- 1) Malalasekera, Dictionary of Pāli Proper Names, Pāli Text Society ấn hành
- 2) Tỳ kheo Minh Huệ dịch, Đại Vương Thống Sử (Mahāvamsa)
- 3) Tỳ kheo Giác Nguyên, Phật Giáo Sử
- 4) P.V. Bapat, 2500 Years of Buddhism
- 5) W. Rahula, History of Buddhism in Ceylon
- 6) Lê Hương, Sử liệu Phù Nam

Thói quen làm hại não

Dr Imran
Huỳnh Huệ chuyên ngữ

Có những thói quen gây tổn hại cho não như không ăn bữa sáng, ăn quá độ, hút thuốc lá, ăn nhiều đường, thở không khí ô nhiễm, thiếu ngủ, v.v... Chúng ta nên cố gắng tránh các thói quen này. Chúng ta chỉ cần theo một cách sống hàng ngày và thói quen ăn uống lành mạnh. Giữ thói quen ăn uống tốt và điều kiện về thời gian theo kế hoạch rất quan trọng với cơ thể của chúng ta và giúp loại trừ được những hóa chất có hại.

1. Không ăn sáng

Những người không ăn bữa sáng lượng đường trong máu thấp hơn mức bình thường. Điều này làm cho não bộ thiếu các chất dinh dưỡng gây ra thoái hóa não.

2. Ăn quá nhiều

Ăn quá độ gây ra chứng xơ cứng động mạch não, làm giảm khả năng trí tuệ.

3. Hút thuốc lá

Hút thuốc lá gây ra bệnh teo não và có thể dẫn đến bệnh Alzheimer.

4. Ăn nhiều đường

Ăn quá nhiều đường sẽ cản trở việc hấp thu chất đạm và các chất dinh dưỡng gây ra suy dinh dưỡng và có thể ảnh hưởng đến sự phát triển trí não.

5. Ô nhiễm không khí

Não tiêu thụ nhiều oxy nhất trong cơ thể chúng ta. Hít thở không khí ô nhiễm làm giảm nguồn cung cấp oxy cho não, làm cho não hoạt động kém.

6. Thiếu ngủ

Ngủ giúp cho não được nghỉ ngơi. Thiếu ngủ triền miên sẽ thúc đẩy tế bào não chết sớm hơn.

7. Trùm đầu trong khi ngủ (trùm mền)

Ngủ mà trùm đầu làm tăng lượng carbon dioxide (CO₂) và giảm lượng ôxy có thể dẫn đến tổn thương não.

8. Làm việc trong khi đang bệnh

Làm việc căng thẳng hay học tập khi đang bị ốm có thể làm giảm hiệu quả của bộ não cũng như làm cho não bị tổn thương.

9. Thiếu kích thích tư duy

Tư duy là cách tốt nhất để rèn luyện não của chúng ta, vì thể thiếu kích thích tư duy cho não có thể gây ra bệnh teo não.

10. Ít trò chuyện

Những cuộc trò chuyện và bàn luận mang tính trí tuệ sẽ làm tăng hiệu quả của bộ não.

Năm Thức Ăn Gây Ung Thư Cao Nhất

1. Xúc Xích

Hiệp Hội Phòng Chống Ung Thư khuyến cáo trẻ chỉ ăn tối đa 12 cái xúc xích một tháng vì hàm lượng nitrate cao. Nếu bạn không thể sống thiếu xúc xích, hãy mua xúc xích không có muối nitrate.

2. Thịt đã chế biến để bảo quản và thịt heo muối xông khói

Những thứ thịt này cũng có hàm lượng muối nitrate cao nên làm tăng nguy cơ các bệnh tim. Chất béo bão hòa trong thịt heo muối xông khói cũng làm tăng nguy cơ mắc bệnh ung thư.

3. Bánh Rán

Bánh rán là mối lo về nguy cơ gây ung thư rất cao. Trước hết, bánh rán làm bằng bột trắng, đường và chiên bằng dầu đã thêm chất Hydro ở nhiệt độ rất cao. Adams, (một chuyên gia về an toàn thực phẩm) cho rằng bánh rán có lẽ là loại thực phẩm có nguy cơ gây bệnh ung thư cao nhất.

4. Khoai tây chiên

Giống như bánh rán, khoai tây chiên được chiên bằng dầu có Hydro ở nhiệt độ cao. Món này cũng chứa chất gây ung thư acrylamides tạo ra trong quá trình chiên. Theo Adams, phải gọi là khoai tây chiên gây ung thư thay vì khoai tây chiên.

5. Khoai rán, Bánh quy giòn, và bánh bích quy xốp

Tất cả các thứ này đều làm bằng bột trắng và đường. Những thức ăn này có thể làm thiếu chất dinh dưỡng cho não và dẫn đến tình trạng thoái hóa não. ●

Đại Diện Sở Thông Tin và Truyền Thông TP. Hồ Chí Minh thăm Tòa soạn Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy

Quang Duyên

Chiều nay ngày 14-7 tại TP. HCM, ông Võ Văn Long – Phó Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông TP. HCM cùng ông Trần Trọng Châu – Phó Phòng Báo chí Xuất bản thuộc Sở Thông tin Truyền thông TP đã đến thăm Tòa soạn Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy. Thượng tọa Thích Bửu Chánh - Phó Tổng Biên tập – Trị sự cùng Đại đức Thích Thiện Minh – Phó Tổng Biên tập kiêm Tổng Thư ký tòa soạn Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy đã đón đoàn.

Thượng tọa Bửu Chánh đại diện Hòa thượng Tổng Biên tập đã giới thiệu về hoạt động của Tòa soạn Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy. Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy được cấp giấy phép hoạt động ngày 28-5-2010. Đây là cơ quan ngôn luận của Giáo hội Phật giáo Việt Nam - Hệ phái Nam Tông - Theravāda. Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy phát hành mỗi tháng một số. Đến nay Tạp chí đã phát hành được 10 số, mỗi số 3000 bản. Tòa soạn Tạp chí hiện có các Phòng ban như: Phòng Vi tính, Phòng Tài vụ, Phòng Phát hành, Phòng Quảng cáo, Phòng Phóng viên, Ban Bảo trợ, Ban Từ thiện.

Với tôn chỉ mục đích, giới thiệu Phật giáo Nguyên thủy những chuyên đề như Kinh tạng, Thiền học, Luận tạng, Văn học Pāli đăng trên Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy đã góp phần giúp cho người đọc hiểu rõ về giáo lý Phật giáo Nguyên thủy. Ngoài ra, Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy còn có các chuyên mục: Văn hóa, Theo dòng, Suy ngẫm, Đối thoại, Văn thơ, Ẩm thực- Dược thảo. Với sự cộng tác thường xuyên của các Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức – Tiến sĩ Phật học, các Thiền sư, các nhà văn, nhà báo, các nhà nghiên cứu, Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy ngày càng có nhiều bài viết phản ánh các hoạt động Phật sự và thực tế cuộc sống sinh động, phong phú.

Ông Võ Văn Long – Phó giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông TP. Hồ Chí Minh đã phát biểu nhiều ý kiến về tình hình quản lý báo chí hiện nay. Trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh hiện có 180 cơ quan báo chí, trong đó 40 cơ sở thuộc TP. Hồ Chí Minh, 140 cơ quan báo chí trực thuộc các Tỉnh và Trung ương đóng trên địa bàn Thành phố. Riêng năm 2011 có hơn 20 đơn vị báo chí mới thành lập.

Có những đơn vị mới hoạt động gặp khó khăn cần sự hỗ trợ, do vậy Sở Thông tin và Truyền thông TP. Hồ Chí Minh đã có nhiều buổi đến thăm và làm việc với các đơn vị này nhằm có những hỗ trợ kịp thời giúp cho hoạt động báo chí trên địa bàn Thành phố đạt hiệu quả hơn. ●



Thảo luận vấn đề



TT. Bửu Chánh và ĐĐ. Thiện Minh tặng quà lưu niệm đến đại diện sở Thông tin và Truyền thông TP. HCM



Thiền viện Thiện Minh: Nhiều hoạt động Xã hội Từ thiện

Tin và ảnh: Quang Duyên

Ngày 20-7 tại ấp Phú An 1, xã Bình Hoà Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, đoàn Tăng, ni, Phật tử Thiền viện Thiện Minh - tỉnh Vĩnh Long đã đến thăm và trao tặng nhà tình thương cho bà Nguyễn thị Đẹp, 60 tuổi. Căn nhà có diện tích 36 m², tường gạch, mái tôn được xây dựng với chi phí 30 triệu đồng, trong đó bà Nguyễn Thị Mỹ Dung, nhóm Phật tử tiệm vàng Mười Dư tài trợ 26 triệu đồng, phần còn lại do gia đình đóng góp.

Xã Bình Hoà Phước là một xã vùng sâu thuộc vùng Cù Lao của huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Nơi đây có nhiều hộ nghèo, họ không có đất đai ruộng vườn nên phải đi làm thuê, làm mướn, cuộc sống còn nhiều khó khăn. Căn nhà tình thương tuy đơn sơ nhưng đó thực sự là tấm lòng thương yêu của những nhà hảo tâm dành cho bà con nghèo ở vùng quê xa xôi này.

Cũng trong dịp này, nhằm giúp các em học sinh nghèo có điều kiện học tập, tại Thiền viện Thiện Minh ở xã Bình Hoà Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, Đại đức Thiện Minh- Ủy viên Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam - Phó ban Từ thiện TW; Đại đức Chánh Định - Trụ trì chùa Tam Phước; Đại đức Tuệ Quyền - Trụ trì chùa Quảng Nghiêm - tỉnh Đồng Nai cùng chư Tăng, ni chùa Bửu Quang, Thiền viện Thiện Minh và các đạo hữu Minh Trí, Hà Thế Hưng, Như Hiếu, Giác Hương, Minh Hiếu đã trao tặng xe đạp và tập vở cho các em học sinh nghèo hiếu học. Đoàn đã tặng cho đại diện hai trường trung học cơ sở Bình Hoà Phước và Hoà Ninh gần 2000 cuốn tập, 50 hộp viết giúp các em học sinh nghèo trong năm học mới. Ngoài ra còn có 8 em học sinh nghèo, học giỏi, hiếu thảo, hoạt động đoàn đội tích cực cũng được tặng xe đạp mỗi chiếc trị giá 1.500.000 đồng, giúp các em có phương tiện đi học. Đặc biệt, 10 xe đạp do gia đình Phật tử Lê Thêm và Phật tử Yến Mi tài trợ.

Riêng trường Trung học cơ sở Bình Hoà Phước hiện có 351 học sinh, trong đó có 21 em học sinh nghèo, 61 em thuộc hộ cận nghèo cần sự quan tâm hỗ trợ của các mạnh thường quân để có điều kiện tiếp tục đến trường.

Kể từ khi thành lập từ năm 2010 đến nay, Thiền viện Thiện Minh tỉnh Vĩnh Long đã có nhiều hoạt động xã hội từ thiện với kinh phí hơn 100 triệu đồng do Tăng, ni, Phật tử đóng góp. ●

Tỉnh Bình Phước: Lễ Bổ Nhiệm Trụ Trì Chùa Tứ Phương Tăng

Hoa Cúc

Ngày 8 tháng 7 năm 2011, Tăng Ni và Phật tử chùa Tứ Phương Tăng vô cùng vinh dự tham dự lễ trao quyết định bổ nhiệm trụ trì của Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Bình Phước cho Đại đức Phước Tịnh. Đến tham dự buổi lễ có sự chứng minh của Hòa thượng Hộ Chánh - Ủy viên HĐTS. GHPGVN, Phó ban Hướng dẫn Phật tử TW; Thượng tọa Bửu Chánh - Ủy viên HĐTS. GHPGVN, Phó ban Hoằng Pháp TW; Thượng tọa Tăng Định - Ủy viên Ban Nghi lễ TW; Thượng tọa Thiện Pháp - Ủy viên Ban Từ thiện TW; Thượng tọa Thiện Trí - Phó ban Trị sự Phật giáo tỉnh Bình Phước và đông đảo Tăng Ni, Phật tử tham dự. Về phía chánh quyền, có sự tham dự của đại diện Ban Tôn giáo; Công An v.v... Trong buổi lễ, Thượng tọa Thiện Trí đại diện Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Bình Phước trao quyết định bổ nhiệm Trụ trì chính thức cho Đại đức Phước Tịnh. Để đáp lại lòng tin tưởng của Nhà nước và Giáo hội, Đại đức Thích Phước Tịnh phát nguyện sẽ thực hiện tốt vai trò trụ trì của mình bằng cách hướng dẫn Tăng Ni và Phật tử tu tốt và thực hiện đúng chủ trương pháp luật của nhà nước hiện hành. Buổi lễ hoàn mãn lúc 11 giờ 30 phút trong niềm hoan hỷ vô biên của tứ chúng.

Được biết, chùa Tứ Phương Tăng thành lập năm 1990 do cố Thượng tọa Giác Tâm chủ trương thực hiện, xây dựng chánh điện và tăng xá cấp 4 để chư Tăng, Tu nữ tu học. Năm 2001, Đại đức Thiện Hòa được Tăng Ni và Phật tử mời về trụ trì. Trong thời gian này, Đại đức được sự ủng hộ của Tăng ni, Phật tử đại trùng tu chánh điện với diện tích 252m² và Tăng xá 100m² trong tổng diện tích 9000m². Tổng kinh phí xây dựng hơn 1 tỷ đồng.

Nay vì bận Phật sự xây dựng chùa Thanh Phước nên Đại đức Thiện Hòa mời thỉnh Đại đức Phước Tịnh từ Thiền viện Phước Sơn về làm trụ trì chùa Tứ Phương Tăng để hướng dẫn Phật tử tu học. Đại đức Phước Tịnh thế danh Huỳnh Văn Việt sanh 1957 tại Vĩnh Long, xuất gia năm 1995, thầy bốn sư Thượng tọa Tiến sĩ Bửu Chánh. ●



Tỉnh Đồng Nai: Tổ chức cắm trại cho đoàn sinh Gia đình Phật tử

PV. PGNT

Ngày 8,9,10 tháng 7 năm 2011 Phân ban Gia đình Phật tử Đồng Nai trực thuộc tỉnh hội Phật giáo tổ chức cắm trại cho 700 đoàn sinh Gia đình Phật tử nhân dịp kỷ niệm 60 năm thành lập Gia đình Phật tử Việt Nam, buổi lễ tổ chức tại Thiền viện Phước Sơn, Tân Cang Phước Tân, Biên Hòa Đồng Nai. Lễ khai mạc có sự quang lâm chứng minh của HT Thích Hộ Chánh – UVHĐTS, Phó ban Hướng dẫn Phật tử TW, HT Thích Quang Đạo – Phó BTS PG tỉnh Đồng Nai, TT Thích Bửu Chánh – UVHĐTS, Phó ban Hoằng pháp TW, TT Thích Huệ tâm – Trưởng ban Hướng dẫn Phật tử tỉnh Đồng Nai, ĐD Thích Huệ Khai – UVHĐTS, Trưởng ban Phật giáo Quốc tế Tỉnh hội Phật giáo Đồng Nai, Ni trưởng Thích Nữ Huệ Hương – UVHĐTS, Phó BTS PG Đồng Nai, các huynh trưởng phân ban Gia đình Phật tử TW, chư Tôn đức BTS Đồng Nai, BĐD PG các huyện trực thuộc, Tăng ni và Phật tử Thiền viện Phước Sơn. Về phía chánh quyền có sự tham dự của ông Nguyễn Xuân Chiến – Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Đồng Nai cùng đại diện chính quyền, các ban ngành tỉnh Đồng Nai, TP Biên Hòa và xã Phước Tân. ●



Quang cảnh buổi cắm trại



Các em thiếu nhi GDPT ngồi thiền

Chùa Giác Quang cúng dường trường hạ

PV. PGNT

Vào ngày 17-7-2011 nhân mùa An cư Kiết hạ, PL.2555 – DL.2011 của hệ phái Phật giáo Nam tông, Đại đức Thiện Đạt trụ trì chùa Giác Quang đã hướng dẫn trên 100 Phật tử đến các chùa hệ phái Nam tông có chư Tăng nhập hạ tại Tp Hồ Chí Minh và Đồng Nai. Chuyển đi cúng dường các điểm An cư Kiết hạ trị giá trên 100 triệu đồng. ●



Tỉnh Đồng Nai: Tổ chức đại lễ cầu siêu cho các Anh hùng Liệt sĩ

PV. PGNT

Ngày 21,22-7-2011 Bộ Ngoại giao UBND tỉnh Đồng Nai, BTS PG tỉnh Đồng Nai, tổ chức Đại lễ cầu siêu cho các Anh hùng Liệt sĩ tại nghĩa trang tỉnh Đồng Nai. Tham dự đại lễ có sự quang lâm chứng minh của HT Thích Thiện Nhơn- Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký HĐTS, HT Thích Minh Chánh – Thành viên HĐCM, Trưởng BTS Tỉnh hội PG Đồng Nai, HT Thích Quang Đạo – Phó BTS, TT Thích Huệ Hiền – UVHĐTS, Phó ban Thường trực BTS, TT Thích Bửu Chánh – UVHĐTS, Phó ban Hoằng pháp TW, Ni trưởng Thích Nữ Huệ Hương – UVHĐTS, Phó BTS PG Đồng Nai cùng hàng ngàn Tăng ni Phật tử và các gia đình thân nhân liệt sĩ

Về phía chính quyền có sự tham dự của ông Nguyễn Thanh Sơn – Thứ trưởng Bộ Ngoại giao, đại diện UBND tỉnh Đồng Nai và các ban ngành đoàn thể của tỉnh Đồng Nai, Tp Biên Hòa, Thị xã Long Khánh và các huyện. ●



Lễ đại tường cố Thượng tọa Thích Trí Phước

PV. PGNT

Ngày 21,22-7-2011 tại chùa Bình Long Tp Phan Thiết tỉnh Bình Thuận đã tổ chức lễ đại tường cố TT Thích Trí Phước, nguyên Trụ trì bốn tự. Được biết chùa Bình Long - Phan Thiết do ngài cố HT Pháp Lạc sáng lập. Đặc biệt, ngôi chùa Bình Long là ngôi chùa Phật giáo Nam tông duy nhất hiện nay có khoảng 100 đoàn sinh Gia đình Phật tử sinh hoạt trực thuộc Phân ban Gia đình Phật tử. Lễ đại tường được sự quang lâm chứng minh của TT Thích Bửu Chánh – UVHĐTS, Phó ban Hoằng pháp TW cùng chư tăng các chùa Phật giáo Nam tông. ●



Học viện Phật Giáo Việt Nam tại TP Hồ Chí Minh: Thi tuyển sinh khóa 9

PV. PGNT

Ngày 31-7-2011 Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP Hồ Chí Minh tổ chức thi tuyển sinh khóa 9 cho 650 tăng ni thí sinh đã tốt nghiệp phổ thông trung học và trung cấp Phật học trên toàn quốc. Thí sinh thi 3 môn: Phật học (hệ số 2), Việt văn, Anh văn, Hán văn, Pāli (hệ số 1). Tham dự lễ khai mạc có HT Thích Trí Quảng – Phó Chủ tịch HĐTS, Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam, HT Thích Giác Toàn – Phó Chủ tịch HĐTS kiêm Phó ban Thường trực Ban giáo dục Tăng ni TW, HT Thích Thiện Pháp – Phó Tổng thư ký kiêm Chánh Văn phòng 2 TW GHPGVN, HT Thích Đạt Đạo - UVTT HĐTS, Phó viện Trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP Hồ Chí Minh, HT Thích Huệ Trí – UV Thư ký HĐTS, TT Thích Thiện Thống - UV Thư ký HĐTS, HT Thích Thiện Đức – UV HĐTS, TT Thích Bửu Chánh – UVHĐTS, Phó viện Trưởng Học viện PGVN, cùng chư tôn đức trong Hội đồng Điều hành học viện. Ông Tống Hồ Cầm – UV Kiểm soát HĐTS, Phó Tổng Biên tập Báo Giác Ngộ, ông Lê Hoàng Vân – Trưởng phòng Phật giáo Ban Tôn giáo TP Hồ Chí Minh. ●



Đoàn Từ Thiện Chùa Bửu Quang Tặng Quà Cho Bà Con Nghèo Mù ở Vĩnh Châu - Sóc Trăng

Duyên Văn

Vừa qua, với tinh thần tương thân tương ái, đoàn từ thiện chùa Bửu Quang, Quận Thủ Đức, TP. HCM do Đại đức Thiện Minh - Phó trưởng Ban Từ thiện Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam làm trưởng đoàn đã đến thăm và tặng quà cho bà con nghèo mù tại ấp Cà Lăng A Biển thuộc xã Vĩnh Châu, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Đoàn đã tặng hơn 400 phần quà cho bà con nghèo khiếm thị, hầu hết là bà con dân tộc Khmer, và 120 phần quà cho trẻ em với tổng trị giá gần 100 triệu đồng do tăng, ni, Phật tử hảo tâm đóng góp. Huyện Vĩnh Châu là một trong những nơi có người mù nhiều nhất tỉnh Sóc Trăng. Nhiều gia đình có 3-4 người bị bệnh đục thủy tinh thể. Cuộc sống của những người mù nghèo tại huyện Vĩnh Châu rất khó khăn.

Những năm qua, nhiều bà con bị mù đã được các tổ chức, cá nhân hỗ trợ đến Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Châu hoặc các bệnh viện tại TP.HCM khám và điều trị. Theo Sở Y tế Sóc Trăng, hiện tượng mù ở Vĩnh Châu do nhiều bệnh lý gây nên: đục thủy tinh thể, viêm loét giác mạc, quặm mi, teo nhãn cầu. Những người mù ở huyện Vĩnh Châu chỉ mới bị mất ánh sáng trong vòng hơn 10 năm trở lại đây. Tại buổi tặng quà, Đại đức Thiện Minh đã thuyết giảng bài "Pháp và Quà" giúp cho bà con hiểu thêm về cách tu tập và gieo duyên lành với chánh Pháp. Dịp này, bà con đã giao lưu với các Phật tử thuộc đoàn từ thiện chùa Bửu Quang với những tiết mục ca hát văn nghệ sinh động và ấn tượng.

Năm 2010, chùa Bửu Quang - TP.HCM đã có nhiều hoạt động tích cực hỗ trợ cho người nghèo tại TP. HCM và các tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long như tặng nhà tình thương, trao học bổng và tặng xe đạp cho các em học sinh nghèo hiếu học, tặng quà cho bà con bị thiên tai lũ lụt với kinh phí hàng trăm triệu đồng. ●



Học viện Phật giáo Nam tông Khmer: Phát văn bằng cử nhân Phật học

Theo GHPGVN

Vào lúc 8 giờ ngày 12 tháng 7 năm 2011 tại Học viện Phật giáo Nam tông Khmer – chùa Pôthisomrôn, phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn, Tp. Cần Thơ, Hội đồng Điều hành Học viện Phật giáo Nam tông Khmer trọng thể tổ chức Lễ Tốt nghiệp Khóa I (2007 - 2011) và Khai giảng Khóa II (2011 - 2015).

Đến tham dự có HT. Danh Nhưỡng – Phó Pháp chủ HĐCM GHPGVN, Viện trưởng Học viện Phật giáo Nam tông Khmer; HT. Dương Nhơn – Phó Pháp chủ HĐCM, Phó Chủ tịch HĐTS, Viện phó Học viện Phật giáo Nam tông Khmer; HT. Thích Giác Nhưỡng – Ủy viên Giám luật HĐCM; HT. Thích Thiện Nhơn – Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký HĐTS; HT. Thích Giác Toàn – Phó Chủ tịch HĐTS, Phó Trưởng ban Thường trực Ban GDTNTW, Phó Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh; chư Tôn giáo phẩm các tỉnh, thành Đồng bằng sông Cửu Long, Tp. Hồ Chí Minh và miền đông Nam bộ; chư Tăng Nam tông Khmer khóa I và khóa II.

Buổi lễ đón tiếp ông Nguyễn Xuân Tươi – Phó Ban chỉ đạo Tây Nam bộ; ông Trần Hữu Hợp – Phó Giám đốc Sở Nội vụ, Trưởng Ban Tôn giáo Tp. Cần Thơ; quý ông, bà đại diện các Bộ, ban ngành Trung ương, Tp. Cần Thơ, quận Ô Môn và phường Châu Văn Liêm sở tại.

Được biết vào khoảng tháng 9 năm 2007, Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Ban Tôn giáo Chính phủ thống nhất cho phép Hệ phái Phật giáo Nam tông Khmer thành lập Học viện Phật giáo Nam tông Khmer, cơ sở đặt tạm tại chùa Pôthisomrôn, phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn, Tp. Cần Thơ. Trong quá trình tồn tại và phát triển tại các tỉnh, thành Đồng bằng sông Cửu Long, đây là lần đầu tiên đào tạo cấp Đại học (Học viện) của Phật giáo Nam tông Khmer để đào tạo nguồn nhân lực giỏi Phật học, giỏi chuyên môn và phục vụ Hệ phái và cộng đồng dân tộc Khmer.

Khi thành lập Học viện năm 2007, một khối lượng công việc rất lớn, do nhiều việc mới bắt đầu, nên Học viện Phật giáo Nam tông Khmer có một số khó khăn nhất định, nhưng với sự hỗ trợ tích cực của Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Đảng và Nhà nước các cấp từ Trung ương đến các địa phương, nhất là sự đoàn kết, quyết tâm của chư Tôn giáo phẩm Hệ phái Phật giáo Nam tông Khmer, Hội đồng Điều hành, đồng bào Khmer, do đó mọi khó khăn như cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên, kinh phí từng bước được khắc phục và đạt được kết quả tốt đẹp; với số lượng 61 chư Tăng tốt nghiệp Cử nhân Phật học, 12% chư Tăng tốt nghiệp đạt loại giỏi. 55% chư Tăng đạt loại trung bình. ●



Phật tử tham dự



HT. Danh Nhưỡng trao bằng Cử nhân Phật học cho các Tăng sinh

Tỉnh Bình Phước: Lễ quy y Tam bảo cho 6.000 người dân tộc

Theo GNO

BBT: Trong thời gian qua, tại tỉnh Bình Phước đang diễn ra một sự kiện hoằng pháp thật quy mô. Lễ quy y Tam bảo cho 6.000 người dân tộc, đây được xem là một "dấu ấn" vượt thời gian để bà con các dân tộc đến với Tam bảo

HT. Thích Thiện Nhơn - Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, HT. Thích Đạt Đạo - Phó ban Thường trực Ban Hướng dẫn Phật tử TƯ, Trưởng ban Tổ chức; HT. Thích Nhuận Thanh - Ủy viên HĐTS, Trưởng ban Trị sự Phật sự tỉnh Bình Phước cùng chư tôn giáo phẩm Tăng Ni đã quang lâm chứng minh đại lễ. Lãnh đạo tỉnh Bình Phước và chính quyền địa phương đã đến dự và phát biểu chúc mừng.



Phát biểu khai mạc buổi lễ, HT. Thích Đạt Đạo đã nêu những thành tựu to lớn trong các hoạt động Phật sự gần đây của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong đó có ngành Hướng dẫn Phật tử biểu hiện qua các đại lễ quy y tại nhiều địa phương khác nhau. HT. Thích Đạt Đạo phát biểu khai mạc "Đại lễ quy y lần này với số lượng đồng bào đông nhất từ trước đến nay trong lịch sử phát triển của Phật giáo Việt Nam. Điều này thể hiện sự chăm lo cho đồng bào dân tộc anh em và sự phát triển tín đồ của các cấp Giáo hội.", HT. Thích Đạt Đạo khẳng định.

Hòa thượng Trưởng ban Tổ chức cũng thể hiện tinh thần tri ân chư tôn giáo phẩm các cấp Giáo hội, lãnh đạo các ban ngành Trung ương, tỉnh Bình Phước và địa phương đã hỗ trợ tích cực cho công tác tổ chức đại lễ.

Ngay sau đó, đại diện giới tử là đồng bào dân tộc đã đọc lời phát nguyện quy y, lãnh đạo tỉnh Bình Phước đã phát biểu chúc mừng. Dịp này, Trung tâm sách kỷ lục Việt Nam cũng xác lập và trao chứng nhận Đại lễ quy y cho đồng bào dân tộc lớn nhất đến Ban tổ chức.

HT. Thích Thiện Nhơn - Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Hội đồng Trị sự ban đạo từ tán thán nỗ lực của Ban hướng dẫn Phật tử TƯ, Ban Trị sự Tỉnh hội Phật giáo Bình Phước trong nỗ lực tổ chức và hoàn thành công tác Phật sự quan trọng này. Qua đó, Hòa thượng cũng nhắc nhở toàn thể giới tử nhiếp hóa thân tâm, hướng lòng đến chư Phật để đạt được thành tựu trong suốt thời gian thọ giới.

Ngay sau lễ khai mạc, nghi thức Phật giáo truyền tam quy, ngũ giới cho gần 6.000 đồng bào dân tộc được bắt đầu.

** Giáo Pháp Như Lai tới, và họ hướng về quy ngưỡng...*

Xúc động! Đó là cảm nhận của chúng tôi khi tham dự Đại lễ quy y cho gần 6.000 đồng bào dân tộc ở Bình Phước. Giáo pháp Như Lai đã đến với họ, nơi mà người dân còn nhiều nỗi khổ, thiếu thốn và họ đã kịp quay về quy ngưỡng Tam bảo. Đó là một duyên lành, để gieo vào tâm thức họ hạt giống của giải thoát sau này.

Từ khi ra đời cho đến nay, giáo pháp Như Lai là "chìa khóa" giúp cho chúng sinh mở cửa vô sinh, giải quyết nỗi khổ, niềm đau. Do vậy, khi giáo pháp tới với đồng bào cũng là lúc họ nhận được chiếc chìa khóa ấy bằng bước đầu tiên là thọ Tam quy, ngũ giới.

Xin cảm ơn những con người nơi miền cao nguyên Bình Phước, từ những em bé thơ ngây đến những cụ già, họ đã cho chúng tôi, những phóng viên của một tờ báo Phật giáo được nhận diện sự màu nhiệm của Phật pháp...●



Thiền viện Thiện Minh trao xe đạp cho các em học sinh nghèo



Lễ cầu siêu các Anh hùng liệt sĩ tại nghĩa trang tỉnh Đồng Nai



Thả cá phóng sanh trong KDL Sơn Tiên



Tụng kinh thả chim phóng sanh



TT Tăng Định trao quà lưu niệm đến tân trụ trì chùa Tứ Phương Tăng



Hội trại nhân dịp kỷ niệm 60 năm thành lập Gia đình Phật tử Việt Nam tại Thiền viện Phước Sơn

DANH SÁCH ỦNG HỘ TẠP CHÍ PGNT SỐ 11

01	GĐ Nguyễn Đạt – MiMi	10 quyển
02	Lê Thị Minh Tâm	15 quyển
03	Nguyễn Việt Phương	15 quyển
04	PT chùa Phổ Minh (tịnh tu An Lạc kỳ 65)	15 quyển
05	Thái Trọng Huy	15 quyển
06	Võ Văn Cảnh	20 quyển
07	GĐ Phạm Xuân Trường	15 quyển
08	Như Liên	10 quyển
09	Lê Nguyễn Hải My	10 quyển
10	Huyền Minh	10 quyển
11	Nguyễn Đức	10 quyển
12	Tâm Hương	03 quyển
13	Nguyễn Thị Quang	10 quyển
14	Lê Hồ	05 quyển
15	Nguyễn Thúy Nga	05 quyển
16	Mai Thị Phương	15 quyển
17	Như Quang	04 quyển
18	Loan Ngọc Châu	10 quyển
19	Loan Ngọc Xuân	05 quyển
20	Như Minh – Diệu Phát	10 quyển
21	Mai Xuân Hiển	10 quyển
22	Như Minh	10 quyển
23	Lôi Ngọc Hương	10 quyển
24	Trần Thanh Nhân	10 quyển
25	Trương Hồng Phúc	05 quyển
26	Trần Tấn Phát	05 quyển
27	Sugandha	05 quyển
28	La Quang Dũng	10 quyển
29	GĐ Hạnh Ngọc	10 quyển
30	Trương Gia Huy	05 quyển
31	Cô Diệu An	05 quyển
32	Duy Kim Phụng	05 quyển
33	Lê Hữu Minh	05 quyển
34	Ông Maunu	05 quyển

35	Ngọc Hoa	05 quyển
36	Lôi Ngọc Yến	02 quyển
37	Huệ Đức	10 quyển
38	Ngọc Đức (Hòa)	05 quyển
39	Thiện Phước	05 quyển
40	La Quang Dũng	05 quyển
41	Trần Thị Hoan	10 quyển
42	Lê Thị Thùy Hương	50 quyển
43	Huỳnh Thị Mẫn	50 quyển
44	Văng Phi Nga - Hà Thế Hưng	100 quyển
45	Cô Chi	500 quyển
46	GĐ Hiên Khánh - Hoa Huệ	100 quyển
47	GĐ Phạm Hồng Trang	10 quyển
48	Trần Thị Phết	23 quyển
49	GĐ Minh Đức	15 quyển
50	Đặng Kim Liên	10 quyển
51	GĐ Lê Thị Chiêm (PD Viên Lễ)	25 quyển
52	Lê Doãn Cánh	15 quyển
53	Trí Thọ	10 quyển
54	Phùng Văn Nhân	10 quyển
55	Trần Công Thôn (PD Thiện Kiến)	10 quyển
56	Chu Kim Thạch (PD Thiện Pháp)	10 quyển
57	Vũ Thị Mến	10 quyển
58	GĐ chú Hội - cô Lại	20 quyển
59	GĐ Thiện Trí - Như Hạnh	10 quyển
60	Cô Thu	10 quyển
61	Chú Phúc	05 quyển
62	Nguyễn Thị Định	50 quyển
63	Thủy (Vũng Tàu)	10 quyển
64	GĐ TN Quang Thủy	15 quyển
65	TN Diệu Liên	03 quyển
66	GĐ Mười Trang	10 quyển
67	Nguyễn Thị Tú Anh	10 quyển
68	GĐ cô Phan Thị Thoa	30 quyển
69	Cô Hương	25 quyển

giá: 20.000 đồng